

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ AN
TRƯỜNG THPT BẮC YÊN THÀNH

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

NGHỆ AN- NĂM 2024

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ AN
TRƯỜNG THPT BẮC YÊN THÀNH

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Bá Thủy	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Tạ Văn Cường	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Đặng Phúc Dũng	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4	Nguyễn Thị Hà	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
5	Phan Hoàng Thạch	Giáo viên-TK HDGD	Thư ký Hội đồng	
6	Đậu Văn Phi	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
7	Nguyễn Thị Hà	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
8	Ngô Sỹ Thắng	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
9	Trần Thị Thúy	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
10	Lê Thị Thanh Hương	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
11	Hồ Văn Lịch	Bí thư Đoàn trường	Ủy viên Hội đồng	
12	Đoàn Bá Trung	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên Hội đồng	
13	Phan Đức Hạnh	Trưởng Ban TTrND	Ủy viên Hội đồng	
14	Trần Phúc Điền	Bí Thư CĐ CBGV	Ủy viên Hội đồng	
15	Lê Thị Lan Hương	TT tổ Văn phòng	Ủy viên Hội đồng	
16	Nguyễn Thị Thủy	Phó BT CĐ CBGV	Ủy viên Hội đồng	
17	Nguyễn Thị Hương	NV Văn thư	Ủy viên Hội đồng	
18	Đường Xuân Chính	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
19	Phan Thị Hồng	NV Thiết bị - Thư viện	Ủy viên Hội đồng	
20	Phan Phúc Anh	Phó BT Đoàn trường	Ủy viên Hội đồng	

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	6
TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ	8
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	11
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	15
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	19
TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	19
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lí nhà trường.	19
Mở đầu:.....	19
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.....	20
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	22
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	24
Tiêu chí 1.4 : Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.....	26
Tiêu chí 1.5: Lớp học	29
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	30
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.	33
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	34
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.....	36
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	38
Kết luận về tiêu chuẩn 1:	41
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	42
Mở đầu:.....	42
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	43
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.....	45
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.....	49
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	50
Kết luận về Tiêu chuẩn 2:.....	53

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.....	53
Mở đầu:.....	53
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập.....	54
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	56
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị	59
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.....	62
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	64
Tiêu chí 3.6: Thư viện.	66
Kết luận về Tiêu chuẩn 3:.....	68
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.....	69
Mở đầu:.....	69
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh.....	69
Tiêu chí: 4.2. Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.....	72
Kết luận về tiêu chuẩn 4:	74
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	75
Mở đầu:.....	75
Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.	76
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.....	79
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	83
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	85
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục.....	91
Kết luận chung về Tiêu chuẩn 5:.....	96
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	97
Phần IV. PHỤ LỤC	97

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	KÍ HIỆU	NỘI DUNG VIẾT TẮT
1	ANTH	An ninh trường học
2	ATGT	An toàn giao thông
3	BGH	Ban giám hiệu
4	CB	Cán bộ
5	CBGVNV	Cán bộ giáo viên nhân viên
6	CBQL	Cán bộ quản lý
7	CBVC-NLĐ	Cán bộ viên chức người lao động
8	CLB	Câu lạc bộ
9	CMHS	Cha mẹ học sinh
10	CN	Công nghiệp
11	CNTT	Công nghệ thông tin
12	CSVC	Cơ sở vật chất
13	CSTĐ	Chiến sĩ thi đua
14	GD	Giáo dục
15	GDKNS	Giáo dục kỹ năng sống
16	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
17	GDCD	Giáo dục công dân
18	GDĐT	Giáo dục đào tạo
19	GDNGLL	Giáo dục ngoài giờ lên lớp
20	GDPT	Giáo dục phổ thông
21	GV	Giáo viên
22	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
23	HĐ	Hoạt động
24	HĐTĐG	Hội đồng tự đánh giá
25	HĐTN	Hoạt động trải nghiệm
26	HKPD	Hội khỏe phù đổng
27	HN	Hướng nghiệp
28	HS	Học sinh

TT	KÍ HIỆU	NỘI DUNG VIẾT TẮT
29	HSG	Học sinh giỏi
30	KB	Kho bạc
31	KĐCL	Kiểm định chất lượng
32	KHKT	Khoa học kỹ thuật
33	KK	Khuyến khích
34	LĐT	Lao động tiên tiến
35	NCBH	Nghiên cứu bài học
36	NCKH	Nghiên cứu khoa học
37	NGLL	Ngoài giờ lên lớp
38	NN	Nông nghiệp
39	NV	Nhân viên
40	PPDH	Phương pháp dạy học
41	PTTH	Phổ thông trung học
42	TĐG	Tự đánh giá
43	TĐT	Thể dục thể thao
44	THPT	Trung học phổ thông
45	THCS	Trung học cơ sở
46	TNCS	Thanh niên cộng sản
47	TT	Thông tư
48	UBND	Ủy ban nhân dân
49	VC-NLĐ	Viên chức người lao động
50	VHVN	Văn hóa văn nghệ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả tự đánh giá				Kết quả đánh giá ngoài			
	Không đạt	Đạt			Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1								
Tiêu chí 1.1		X	X	X				
Tiêu chí 1.2		X	X					
Tiêu chí 1.3		X	X	X				
Tiêu chí 1.4		X	X	X				
Tiêu chí 1.5		X	X					
Tiêu chí 1.6		X	X	X				
Tiêu chí 1.7		X	X					
Tiêu chí 1.8		X	X					
Tiêu chí 1.9		X	X					
Tiêu chí 1.10		X	X					
Tiêu chuẩn 2								
Tiêu chí 2.1		X	X	X				
Tiêu chí 2.2		X	X	X				
Tiêu chí 2.3		X	X	X				
Tiêu chí 2.4		X	X	X				
Tiêu chuẩn 3								
Tiêu chí 3.1		X	X	X				
Tiêu chí 3.2		X	X					
Tiêu chí 3.3		X	X	X				
Tiêu chí 3.4		X	X					
Tiêu chí 3.5		X	X	X				
Tiêu chí 3.6		X	X	X				
Tiêu chuẩn 4								
Tiêu chí 4.1		X	X	X				

Tiêu chí 4.2		X	X	X				
Tiêu chuẩn 5								
Tiêu chí 5.1		X	X	X				
Tiêu chí 5.2		X	X	X				
Tiêu chí 5.3		X	X					
Tiêu chí 5.4		X	X					
Tiêu chí 5.5		X	X	X				
Tiêu chí 5.6		X	X	X				

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Kết quả: Số tiêu chí đạt mức 1: 28/28 (100%)

Số tiêu chí đạt mức 2: 28/28 (100%)

Số tiêu chí đạt mức 3: 18/20 (90%)

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
1. Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.		X	
2. Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.		X	
3. Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được		X	

cấp thẩm quyền ghi nhận.			
4. Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.		X	
5. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.		X	
6. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.		X	

Kết quả: Số tiêu chí đạt mức 4: 0/6 (0%)

2. Kết luận: Trường đạt mức 2

Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường THPT Bắc Yên Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An.

Tên trước đây: Trường Cấp 2, 3 Bắc Yên Thành.

Cơ quan chủ quản: Sở GD&ĐT Nghệ An.

Tỉnh	Nghệ An	Hiệu trưởng	Nguyễn Bá Thủy
Huyện	Yên Thành	Điện thoại	0915018825
Thị trấn/xã	Lãng Thành	Email	c3bacyenthanh@nghean.edu.vn
Đạt chuẩn quốc	X	Website	http://thptbacyenthanh.edu.vn
Năm thành lập	1983	Số điểm trường	01
Công lập	X	Loại hình khác	Không
Tư thục	Không	Thuộc vùng khó khăn	Có
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp học

Số lớp	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Khối lớp 10	14	14	14	14	14
Khối lớp 11	13	14	14	14	14
Khối lớp 12	14	13	14	14	14
Cộng	41	41	42	42	42

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
I	Khối Phòng học	52	52	52	52	52	
1	Phòng học	42	42	42	42	42	
a	Phòng kiên cố	36	36	36	36	36	

b	Phòng bán kiên cố	6	6	6	6	6	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	10	10	10	10	10	
a	Phòng kiên cố	08	08	08	08	08	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phục vụ học tập	06	06	06	06	06	
a	Phòng kiên cố	06	06	06	06	06	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Khối phòng hành chính - quản trị	10	10	10	10	10	
1	Phòng kiên cố	10	10	10	10	10	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
IV	Khối phụ trợ	18	18	18	18	18	
V	Sân chơi thể, dực thể thao	09	09	09	09	09	
1	Sân đá cầu	04	04	04	04	04	
2	Sân bóng chuyền	02	02	02	02	02	
3	Sân bóng đá	02	02	02	02	02	
4	Nhà thi đấu đa chức năng	01	01	01	01	01	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG: Năm học 2023 - 2024

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	3	0	0	0	0	3	

Giáo viên	93	59	0	0	71	22	
Nhân viên	5	5	0	0	5	0	
Cộng	102	64	0	0	76	26	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số giáo viên	90	92	93	93	93
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	2.20	2.24	2.21	2.21	2.21
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0.054	0.053	0.051	0.052	0.052
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp trường	56	58	58	60	60
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh.	35	36	37	38	49

4. Học sinh

a) Số liệu chung

T	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số học sinh	1646	1733	1793	1786	1780
	- Nữ	916	950	972	966	1002
	- Dân tộc thiểu số	0	0	02	01	01
	- Khối lớp 10	581	587	591	593	595
	- Khối lớp 11	551	601	605	592	595
	- Khối lớp 12	514	545	597	601	590
2	Tổng số tuyển mới	581	587	591	593	595
3	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0
4	Bán trú	0	0	0	0	0
5	Nội trú	0	0	0	0	0

6	Bình quân số học sinh/lớp học	40.1	42.3	42.7	42.5	42.5
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	100%	100%	100%	100%	100%
	- Nữ	916	950	972	966	1002
	- Dân tộc thiểu số	0	0	01	0	1
8	Tổng số học sinh giỏi cấp tỉnh	Không thi	19	14	22	30
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia	0	0	0	0	0
10	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT	99,81%	99,63%	98,99%	99,83%	

b) Kết quả giáo dục đối với trường trung học

Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	14.89%	12.18%	13.63%	32.94%	45.50%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	57.39%	55.39%	60.56%	63.11%	46.06%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại trung bình	27.23%	32.35%	25.75%	3.95%	8.15%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	0.49%	0.06%	0.06%	0%	0.03%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	81,52%	79,09%	84.3%	89,1%	89.83%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	14,77%	16,41%	13.97%	9,71%	8.88%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	2.98%	4.16%	1.51%	1%	1.29%	
Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp (THPT)	99,81%	99,63%	98,99%	99,83%		

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

- Địa chỉ : Xóm Làng Danh, Xã Lăng Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An
- Điện thoại: 0915018825
- Email: c3bacyenthanh@nghean.edu.vn
- Website: <http://thptbacyenthanh.edu.vn/>

Trường THPT Bắc Yên Thành tiền thân là phân hiệu 2 trường Cấp 3 Yên Thành I, thành lập ngày 12/9/1983. Đến tháng 8 năm 1991 sáp nhập với trường THCS Lăng Thành, thành lập trường PTTH Cấp 2-3 Bắc Yên Thành. Tháng 8 năm 1996 tách thành hai trường THCS Lăng Thành và THPT Bắc Yên Thành. Trường có bề dày truyền thống 40 năm xây dựng và phát triển. Nhiều nhà hoạt động chính trị, khoa học xã hội và hoạt động khoa học tự nhiên có uy tín được trường thành từ mái trường này. Trường đã được Thủ Tướng Chính Phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen, chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An tặng cờ thi đua và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Trường THPT Bắc Yên Thành đóng trên địa bàn giáp ranh giữa hai xã Lăng Thành và Hậu Thành, vùng tuyển sinh gồm 11 xã phía bắc huyện Yên Thành, địa bàn tuyển sinh rộng, quãng đường đi lại của học sinh xa, phụ huynh chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, dịch vụ, kinh tế - văn hóa - xã hội còn gặp nhiều khó khăn.

Nhà trường luôn tạo mối quan hệ mật thiết với chính quyền địa phương, các tổ chức tôn giáo trên địa bàn để làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức trong và ngoài nhà trường như: Tỉnh đoàn Nghệ An, huyện đoàn Yên Thành, công an tỉnh Nghệ An, công an huyện Yên Thành, công an xã Lăng Thành, Ủy ban dân số kế hoạch hóa gia đình tỉnh Nghệ An, Đoàn thanh niên, Công đoàn trường, Ban đại diện Cha mẹ học sinh,... để tổ chức tốt công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật, giáo dục kỹ năng sống nhằm giáo dục học sinh phát triển toàn diện, đồng thời nâng cao nhận thức và hiểu biết cho đội ngũ giáo viên. Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng, Chính quyền địa phương tạo điều kiện về nhiều mặt để nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nhà trường nhận được sự chỉ đạo sát sao, động viên kịp thời của Sở GD&ĐT Nghệ An.

Tổng quan về nhà trường hiện nay: Nhà trường có đội ngũ giáo viên nhiệt tình trách nhiệm, đều đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn, tay nghề vững vàng, tinh thần đoàn kết cao.

- Quy mô trường lớp:

+ Số lớp: 42, trong đó: khối lớp 10: 14 lớp; khối lớp 11: 14 lớp; khối lớp 12: 14 lớp;

+ Học sinh: 1780 học sinh, trong đó: khối 10: 595 học sinh; khối 11: 595 học sinh; khối 12: 590 học sinh.

+ Hội đồng sư phạm có 102 CBGVNV (64 nữ), trong đó: Cán bộ quản lý 04; nhân viên 05 và 93 giáo viên có trình độ đạt chuẩn 100%, trên chuẩn 26/102 và được biên chế thành 06 tổ chuyên môn.

+ Chi bộ có 64 đảng viên luôn giữ vững danh hiệu chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ .

+ Khuôn viên: Tổng diện tích đất sử dụng là 52.955,6m² (29,65m²/học sinh), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT413944 do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ký ngày 25/6/2014. Trường có tường bao, cổng trường, biển trường, biển lớp theo đúng Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; tổng diện tích sân chơi và sân luyện tập thể dục thể thao là 14.600m²; có khu để xe, khu vệ sinh và hệ thống cấp thoát nước theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT).

+ Phòng học văn hóa: phòng học kiên cố đủ cho 42 lớp học 01ca/ngày. Phòng đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng khí; có diện tích trung bình 60m² (1,5m²/học sinh); có đầy đủ hệ thống điện chiếu sáng, quạt mát.

+ Phòng thực hành tin học: Nhà trường có 03 phòng (mỗi phòng có 25 máy kết nối Internet) được sử dụng thường xuyên và hiệu quả.

+ Phòng Y tế học đường: Gồm 01 phòng với diện tích 24m², nhân viên phụ trách là 01 cán bộ y tế, với các trang thiết bị, vật tư y tế tối thiểu và các loại thuốc thông dụng đảm bảo được công tác sơ cấp cứu ban đầu.

+ Thư viện: Diện tích 106.8m²: trong đó có 01 phòng đọc cho giáo viên và học sinh có diện tích 60m², kho để sách, báo, tạp chí diện tích 46.8m². Thư viện cung ứng đầy đủ sách giáo khoa cho giáo viên và học sinh đảm bảo phục vụ cho việc dạy và học.

- Những thành tích nổi bật đã đạt được:

+ Đối với tập thể trường

Năm học	Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng
2019-2020	Tập thể lao động tiên tiến
2020-2021	Tập thể lao động tiên tiến
2021-2022	Tập thể lao động tiên tiến
2022- 2023	Tập thể lao động xuất sắc
2023-2024	Tập thể lao động xuất sắc

+ Đối với cá nhân

Năm học	Danh hiệu thi đua			Danh hiệu giáo viên dạy giỏi		
	LĐTT	CSTD cơ sở	CSTD cấp tỉnh	Cấp trường	Cấp huyện	Cấp tỉnh
2019-2020	89	08	0	56		35
2020-2021	94	13	0	58		36
2021-2022	98	15	0	58		37
2022-2023	97	15	01	60		38
2023-2024	92	47	0	60		49

2. Mục đích tự đánh giá (TĐG)

Hội đồng TĐG của nhà trường xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành nhằm không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

Kiểm định chất lượng (KDCL) giáo dục tạo bước chuyển biến lớn về chất lượng giáo dục của nhà trường. Căn cứ Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ GD&ĐT Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học, Trường THPT Bắc Yên Thành đã tổ chức tự đánh giá chất lượng giáo dục với mục đích là tự rà soát, kiểm tra việc thực hiện chức năng nhiệm vụ theo Điều lệ trường trung học đồng thời làm rõ thực trạng quy mô, chất lượng và hiệu quả các hoạt động của nhà trường, xác định rõ điểm mạnh, điểm yếu nhằm bổ sung, nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp yêu cầu phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của địa phương, bổ sung các biện pháp thực hiện nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, đồng thời giải trình với các cơ quan chức năng và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục nhằm để các cơ quan chức năng đánh giá và công nhận trường THPT Bắc Yên Thành đạt chuẩn theo quy định.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

3.1. Quá trình tự đánh giá:

Thực hiện lộ trình đăng ký kiểm định chất lượng của trường THPT Bắc Yên Thành trong năm học 2023-2024, Nhà trường đã ra quyết định số 36/QĐ-THPTBYT, ngày 16 tháng 3 năm 2023, về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá bao gồm 20 thành viên. Tháng 07/2024, Hội đồng tự đánh giá (HĐTĐG) xây dựng kế hoạch số 37/KH-THPTBYT, ngày 08 tháng 7 năm 2024.

HĐTĐG tập huấn triển khai phổ biến kế hoạch, quy trình tự đánh giá đến từng cán bộ (CB), giáo viên (GV), nhân viên (NV), giới thiệu các văn bản, các tiêu chuẩn và tiêu chí, động viên mọi người tham gia tìm hiểu về tự đánh giá chất lượng giáo dục và cùng cung cấp thông tin, minh chứng chuẩn bị báo cáo tự đánh giá. HĐTĐG đã tiến hành thu thập thông tin, điều tra nắm vững minh chứng, phân tích thông tin để mô tả làm rõ thực trạng, chỉ ra được điểm mạnh, điểm yếu, đề ra biện pháp khắc phục những điểm yếu, phát huy điểm mạnh nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và viết bản tự đánh giá từng tiêu chí. Nhà trường đã tổ chức 03 phiên họp toàn Hội đồng sư phạm để lấy ý kiến nhằm chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo TĐG.

Đến tháng 7/2024, sau hơn 02 tháng làm việc đầy tâm huyết và trách nhiệm, cùng với sự giúp đỡ của các cấp, báo cáo TĐG đã hoàn thành. Báo cáo đã đánh giá được tổng thể các hoạt động của nhà trường theo yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

3.2. Một số vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

- Phương pháp tự đánh giá:

Trong quá trình TĐG, HĐTĐG đã sử dụng các phương pháp sau:

+ Phương pháp điều tra, quan sát: Phương pháp này sử dụng cho các thành viên Hội đồng tự thu thập thông tin minh chứng, đánh giá quan sát các hoạt động trong nhà trường, hoạt động của các nhóm công tác;

+ Phương pháp vấn đáp, phỏng vấn: Các thành viên hội đồng TĐG sử dụng phương pháp này để lấy ý kiến của các chuyên gia, các nhà lãnh đạo, cha mẹ học sinh (CMHS), các lực lượng xã hội, GV, HS,... để thu thập thêm thông tin minh chứng;

+ Phương pháp nghiên cứu lý luận: Tổ chức nghiên cứu tài liệu để làm sáng tỏ hơn công tác TĐG (phương pháp này áp dụng cho từng thành viên của hội đồng TĐG);

+ Phương pháp thống kê toán học: Để chứng minh độ tin cậy của kết quả thu thập được;

+ Phương pháp tự luận: Căn cứ vào minh chứng thu thập được, các thành viên hội đồng viết phiếu đánh giá tiêu chí và viết báo cáo.

- Công cụ tự đánh giá:

HĐTĐG đã sử dụng các tài liệu, văn bản sau:

+ Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ GD & ĐT quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

+ Công văn 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông của Bộ giáo dục và Đào tạo.

+ Dự thảo hướng dẫn xác định nội hàm, gợi ý tìm minh chứng theo tiêu chuẩn đánh giá trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học của phòng Khảo thí và quản lý chất lượng, Sở GD & ĐT Nghệ An.

+ Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (Điều lệ trường trung học) ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT);

+ Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Điều lệ Ban đại diện CMHS;

- Quy trình tự đánh giá:

Hội đồng tự đánh giá trường THPT Bắc Yên Thành tự đánh giá theo quy trình 7 bước được quy định tại Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ GD&ĐT Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học:

Bước 1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.

Bước 2. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Bước 4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Bước 5. Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 6. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Bước 7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.

Mở đầu:

Công tác tổ chức và quản lý là yếu tố quan trọng hàng đầu quyết định đến hiệu quả và chất lượng các hoạt động giáo dục ở đơn vị. Vì thế nhà trường đã xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý đầy đủ theo đúng quy định tại Điều lệ trường trung học gồm: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng đủ số lượng theo yêu cầu của Điều lệ trường trung học đối với một trường hạng I, tổ chức Chi bộ Đảng, tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban đại diện CMHS, Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng. Các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng và nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường trung học.

Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển, phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, cũng như phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà

trường hiện có. Văn bản chiến lược phát triển của nhà trường đã được Sở GD&ĐT Nghệ An phê duyệt, đồng thời đã được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường. Số lớp học, số lượng học sinh của trường hằng năm đều được Sở GD&ĐT phê duyệt và đảm bảo quy định. Tổ chức lớp học có cơ cấu đúng theo quy định, hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ, có hồ sơ lưu giữ thông tin về các lớp theo từng năm học. Nhà trường thực hiện phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý phù hợp với các quy định của ngành và các điều kiện thực tế của đơn vị. Việc quản lý tài chính, tài sản của nhà trường đảm bảo theo quy định. Công tác an ninh trường học, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh và phòng tránh các tệ nạn xã hội được chú trọng.

Việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong nhà trường luôn được đảm bảo, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Đồng thời cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường luôn chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, của địa phương và sự lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục các cấp.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến 2030 phù hợp với mục tiêu giáo dục được

quy định tại Luật giáo dục. Phân đầu thực hiện hiệu quả mục tiêu phát triển toàn diện học sinh có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc và ý thức công dân; trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của học sinh; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế đồng thời đạt trường chuẩn quốc gia. Với các chỉ tiêu cụ thể: Xây dựng nhà trường ổn định với quy mô 42 lớp, khoảng 1764 học sinh; học sinh giỏi toàn diện từ 10 - 20%, học lực khá và giỏi từ 67% trở lên, không có học sinh kém; học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng trên 80% số học sinh đăng ký xét tuyển Đại học, thi học sinh giỏi cấp tỉnh đạt trên 60% và có giải cao; chất lượng giáo dục đạo đức đạt trên 95% hạnh kiểm khá, tốt; học sinh được trang bị các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực, hình thành nhân cách cá nhân, tính năng động và sáng tạo. Chiến lược phát triển của nhà trường phù hợp với định hướng của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Yên Thành nhiệm kỳ 2020 - 2025 về giáo dục có chỉ tiêu: Xây dựng 100% trường THPT trên địa bàn đạt chuẩn quốc gia. Chiến lược phát triển cũng phù hợp với các nguồn lực của nhà trường hiện có như: số lượng và chất lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên; điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường **[H6-1.1-01]**; **[H6-1.1-06]**.

Văn bản phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được Hội đồng trường phê duyệt **[H6-1.1-01]**.

Chiến lược phát triển nhà trường đã được công bố trước toàn bộ giáo viên, nhân viên của nhà trường bằng hình thức niêm yết công khai tại phòng Hội đồng nhà trường **[H6-1.1-01]**.

Mức 2:

Việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến 2030 luôn được nhà trường quan tâm, Chi Ủy chi bộ, hội đồng trường, BGH đã đề ra các giải pháp giám sát cụ thể trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học **[H6-1.1-02]**; trong Nghị quyết Đại hội Chi bộ nhà trường nhiệm kỳ 2020- 2025 **[H14-1.1-03]**; Biên bản Hội đồng trường **[H6-1.1-04]**; Nghị quyết Hội đồng Nhân dân huyện Yên Thành nhiệm kỳ 2020 - 2025 **[H6-1.1-05]**; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Yên Thành lần thứ XXVII nhiệm kỳ 2020 - 2025 **[H6-1.1-06]**.

Mức 3:

Theo định kỳ hằng năm, nhà trường tiến hành sơ kết, tổng kết để đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của các tổ chức, cá nhân trong nhà trường. Từ đó, rút kinh nghiệm, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển cho phù hợp với thực tế của nhà trường. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường đã có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và

cộng đồng. Chiến lược mới xây dựng từ năm 2020 và đã được Hội đồng trường phê duyệt. Tuy nhiên, việc điều chỉnh chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường về mục tiêu cơ sở vật chất theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT chưa kịp thời [H14-1.1-03]; [H6-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được chiến lược phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục của cấp học, với tình hình cụ thể về nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất của trường và xu thế phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường đã có sự tham gia tích cực của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

3. Điểm yếu

Việc điều chỉnh chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường về mục tiêu cơ sở vật chất theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT chưa kịp thời.

Chưa đăng tải công khai chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường lên Website.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ban xây dựng chiến lược phát triển nhà trường tiếp tục hoàn thiện chiến lược phát triển nhà trường một cách khoa học, có tính khả thi, thể hiện được phương hướng phát triển của nhà trường và các giá trị cốt lõi. Chiến lược cũng phù hợp hơn với các nguồn lực của nhà trường hiện có như: số lượng và chất lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên; điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường.

Trong năm học 2024 - 2025, Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng triển khai lấy ý kiến các thành viên Hội đồng trường, cán bộ, giáo viên, Ban đại diện cha mẹ học sinh và cộng đồng. Tùy tình hình đặc điểm phát triển của nhà trường hàng năm, Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng tổ chức, triển khai trong Chi bộ, Hội đồng trường, tập thể cán bộ giáo viên để lấy ý kiến, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. Ban biên soạn chiến lược tiếp tục xây dựng phương hướng phát triển nhà trường giai đoạn 2024 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030, trong đó các chỉ tiêu về cơ sở vật chất, đội ngũ bám sát các quy định tại Thông tư 13, để Hiệu trưởng có căn cứ xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể, tham mưu với Sở GD&ĐT, với UBND tỉnh xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất nhằm đáp ứng các yêu cầu quy định, đảm bảo dạy và học hiệu quả theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Từ năm học 2024 – 2025, sẽ công khai chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường lên Website.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiện nay, Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020 - 2025 có 15 thành viên gồm: Đại diện tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban giám hiệu nhà trường, đại diện Công đoàn, đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, đại diện các tổ chuyên môn, đại diện Tổ Văn phòng, đại diện hội CMHS, đại diện học sinh và đại diện chính quyền địa phương theo quyết định số 1340/QĐ-SGDĐT ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Giám đốc Sở GD&ĐT Nghệ An [**H6-1.2-01**]; [**H6-1.2-02**].

Chủ tịch Hội đồng trường do các thành viên của Hội đồng bầu và được Giám đốc Sở GD&ĐT phê chuẩn tại quyết định số 1481/QĐ-SGDĐT ngày 03 tháng 11 năm 2020 [**H6-1.2-03**]; thư kí do Chủ tịch Hội đồng chỉ định [**H6-1.2-04**]. Hội đồng thi đua khen thưởng do Hiệu trưởng thành lập và làm Chủ tịch, các thành viên gồm: Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn, đại diện bộ phận văn phòng và các giáo viên chủ nhiệm lớp; Hội đồng kỷ luật được thành lập để xét hoặc xoá kỷ luật đối với học sinh, hay để xét và đề nghị xử lí kỷ luật đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên khác theo từng vụ việc. Hội đồng kỷ luật do Hiệu trưởng quyết định thành lập và làm Chủ tịch, các thành viên gồm: Phó Hiệu trưởng, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, giáo viên chủ nhiệm lớp có học sinh vi phạm và Trưởng ban đại diện CMHS của trường. Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng nâng lương và các hội đồng tư vấn khác được Hiệu trưởng thành lập tùy theo yêu cầu cụ thể của từng công việc, đảm bảo theo quy định [**H6-1.2-05**].

Hội đồng trường thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định của điều lệ trường phổ thông: Quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, kế hoạch và phương hướng phát triển; về quy chế tổ chức và hoạt động; về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; đồng thời giám sát việc thực hiện các quyết nghị của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường; giám sát các hoạt động của nhà trường. Họp thường kỳ ít nhất ba lần trong một năm. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng trường triệu tập phiên họp bất thường để giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường. Quyết nghị của Hội đồng trường được công bố công khai. Hội đồng thi đua khen thưởng mỗi năm học họp định kì 2 lần vào cuối học kì I, cuối năm học và có thể họp đột xuất để giúp Hiệu trưởng tổ chức

các phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh trong nhà trường; hội đồng kỷ luật được thành lập để xét hoặc xoá kỷ luật đối với học sinh, hay để xét và đề nghị xử lý kỷ luật đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên khác theo từng vụ việc. Các hội đồng tư vấn khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định, yêu cầu cụ thể của từng công việc do hiệu trưởng quy định [H6-1.1-04]; [H6-1.1-01]; [H6-1.1-02].

Mức 2:

Các nghị quyết của Hội đồng trường và ý kiến đề xuất, tham mưu của các Hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng kỷ luật, hội đồng nâng lương đã được đưa vào thực hiện đạt hiệu quả cao, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục của nhà trường [H6-1.2-06].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các hội đồng khác của nhà trường được thành lập và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định; các hoạt động được định kỳ rà soát, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số nội dung triển khai trong kế hoạch HĐT chưa đạt hiệu quả như mong đợi, chưa phát huy hết năng lực của các thành viên trong HĐT.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hội đồng trường và các hội đồng khác của nhà trường tiếp tục giữ vững, phát huy và khai thác tiềm năng, tiềm lực của mình để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, xây dựng nhà trường ngày càng phát triển.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng*Mức 1:*

Tại thời điểm tự đánh giá nhà trường có các tổ chức: Công đoàn nhà trường với 102 công đoàn viên, Ban chấp hành Công đoàn gồm 5 thành viên, trong đó có 01 Chủ tịch, 01 phó chủ tịch và 03 ủy viên [H13-1.3-01]. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm 42 Chi đoàn lớp và 01 Chi đoàn Cán bộ giáo viên, Ban chấp hành Đoàn trường có 15 thành viên, trong đó có 01 Bí thư, 02 Phó bí thư và 12 ủy viên [H12-1.3-02]. Các tổ chức khác như Ban Thanh tra nhân dân, Ban Đại diện CMHS có cơ cấu tổ chức theo quy định [H13-1.3-03]; [H10-4.1-03].

Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục. Công đoàn phối hợp với nhà trường tổ chức tốt Hội nghị Viên chức – Người lao động, tham gia quản lý nhà trường, đề xuất khen thưởng, kỉ luật đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên [H13-1.3-04]. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phối hợp với Ban giám hiệu nhà trường trong công tác quản lý học sinh, tư vấn cho Hiệu trưởng trong việc thực hiện công tác Đoàn thanh niên trong trường học, tham gia quản lý các hoạt động của đoàn viên thanh niên, giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng, đề xuất khen thưởng, kỉ luật đối với đoàn viên, thanh niên [H12-1.3-05].

Hàng năm, Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác trong nhà trường thực hiện sơ kết, tổng kết nghiêm túc theo định kì nhằm đánh giá kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế, rút ra bài học kinh nghiệm để xây dựng phương hướng cho thời gian tới. Các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường đều được cấp trên khen thưởng [H13-1.3-07]; [H12-1.3-08]; [H13-1.3-12].

Mức 2, 3:

Tại thời điểm tự đánh giá, nhà trường có một Chi bộ Đảng trực thuộc Đảng bộ huyện Yên Thành. Chi bộ gồm 64 đảng viên, có 05 đồng chí ủy viên Ban chấp hành Chi bộ, trong đó có 01 Bí thư, 01 Phó bí thư. Chi bộ hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam [H14-1.3-09].

Trong 05 năm liên tiếp tính từ năm học 2019 đến thời điểm đánh giá, Chi bộ nhà trường được Huyện ủy Yên Thành đánh giá: 01 năm là Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (năm 2019) và 04 năm là Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ [H14-1.3-10]; [H14-1.3-11].

Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng, tuy nhiên ban đại diện hội CMHS chưa thực sự chủ động trong một số công việc. Cụ thể, trong 5 năm liên tiếp, tính từ năm học 2019 - 2020, tổ chức Công Đoàn trường có 1 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ (năm học 2021 – 2022), 4 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được tặng giấy khen của Công đoàn ngành; Tổ chức Đoàn thanh niên được tặng Bằng khen của Trung ương Đoàn (năm học 2020 – 2021 và năm học 2022-2023), Bằng khen của Tỉnh đoàn (năm học 2021 - 2022) [H13-1.3-07]; [H12-1.3-08]; [H13-1.3-12]; [H12-1.3-13].

2. Điểm mạnh

Chi bộ phát huy tốt vai trò lãnh đạo toàn diện. Các tổ chức công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác hoạt động tích cực, có sự liên kết chặt chẽ, đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

3. Điểm yếu

Hoạt động của ban đại diện CMHS chưa thực sự chủ động trong một số công việc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Chi bộ Đảng, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường tiếp tục phát huy hiệu quả vai trò, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, có sự liên kết chặt chẽ, mật thiết với nhau, đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

Từ năm học 2024 - 2025, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, Chi bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên cùng với các tổ chức khác tiến hành công tác sơ kết, tổng kết đánh giá đầy đủ, toàn diện các hoạt động sau mỗi học kì, mỗi phong trào, sự kiện và thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng. Trong nhiệm kỳ mới lựa chọn những phụ huynh năng động, nhiệt tình, có tính chủ động trong việc xây dựng kế hoạch vào ban đại diện hội CMHS để phối hợp với nhà trường thực hiện hiệu quả nhiệm vụ, công việc được giao.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.4 : Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tại thời điểm tự đánh giá, trường THPT Bắc Yên Thành là trường hạng I theo quy định của Bộ GD&ĐT. Ban giám hiệu nhà trường có đủ số lượng theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học đối với trường hạng I, gồm 01 Hiệu trưởng và 03 Phó hiệu trưởng [H6-1.4-01].

Năm học 2018 – 2019, do chủ trương tinh giản biên chế nên trường chỉ có 04 tổ chuyên môn bao gồm Tổ Toán-Tin, tổ Khoa học xã hội, tổ Khoa học tự nhiên, tổ Văn-Ngoại ngữ và bộ phận văn phòng. Tổ Khoa học tự nhiên gồm các bộ môn: Vật lý, Hóa học, Sinh học và Công nghệ; Tổ Khoa học xã hội gồm các bộ môn: Lịch sử, Địa lý, GDCD, Thể dục, Quốc phòng; Tổ Văn - Ngoại ngữ bao gồm các bộ môn: Ngữ văn, Ngoại ngữ; Tổ Toán – Tin bao gồm các bộ môn: Toán, Tin học. Từ năm học 2022-2023, để phù hợp với thực tế triển khai Chương trình GDPT 2018, theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An, nhà trường tách tổ Văn-Ngoại ngữ thành 02 tổ: Tổ Ngữ văn và Tổ Ngoại ngữ, đồng thời bổ sung thêm Tổ Văn phòng. Như vậy, từ năm học 2022-2023, trường có 05 tổ chuyên môn, bao gồm: Tổ Toán-Tin, Tổ Ngữ văn, Tổ Ngoại ngữ, Tổ Tự nhiên, Tổ Xã hội và 01 Tổ Văn phòng. Cơ cấu tổ chức của các tổ chuyên môn và Tổ Văn phòng theo quy định của Điều lệ trường trung học. Mỗi tổ chuyên môn có 01 tổ trưởng, 01 đến 02 tổ phó chịu sự quản lý chỉ đạo của Hiệu trưởng, do Hiệu trưởng bổ nhiệm trên cơ sở giới thiệu của tổ chuyên môn và giao nhiệm vụ đầu năm học [H6-1.4-02].

Căn cứ kế hoạch năm học của nhà trường, các tổ chuyên môn đã xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động chung của tổ, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường; tổ chức bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ; tham gia đánh giá các thành viên của tổ theo quy định của chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học và các quy định khác hiện hành; đề xuất khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên. Tổ chuyên môn sinh hoạt 02 tuần 01 lần và có thể họp đột xuất theo yêu cầu công việc hay khi Hiệu trưởng yêu cầu. Tổ Văn phòng đã xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của các thành viên theo kế hoạch công tác cụ thể, phù hợp với từng công việc được giao và được Hiệu trưởng phê duyệt. Tổ Văn phòng sinh hoạt 02 tuần 01 lần và các

sinh hoạt khác khi có yêu cầu công việc hay khi Hiệu trưởng yêu cầu để đánh giá chất lượng về hiệu quả hoạt động của các thành viên [H2-1.4-03]; [H2-1.4-04].

Mức 2:

Hàng năm, các tổ chuyên môn đã đề xuất và thực hiện 02 đến 04 chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục như chuyên đề nghiên cứu bài học, các chủ đề dạy học [H2-1.4-04]; [H2-1.4-05].

Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hoạt động phù hợp với điều kiện thực tế [H2-1.4-04].

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng đã đóng góp hiệu quả cho việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường [H2-1.4-04]; [H6-1.2-06].

Tổ chuyên môn đã thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn như: chuyên đề nghiên cứu bài học, các chủ đề dạy học,... góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H2-1.4-04]; [H2-1.4-05]; [H2-5.2-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hiệu trưởng, số lượng Phó Hiệu trưởng đúng theo quy định; các tổ chuyên môn, tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức đúng theo Điều lệ trường trung học, đã xây dựng kế hoạch hoạt động và sinh hoạt tổ theo quy định, thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Các tổ chuyên môn đã xây dựng kế hoạch tổ chức và thực hiện các chuyên đề chuyên môn đáp ứng được nhu cầu của tổ, nhóm. Việc tổ chức các chuyên đề đã góp phần từng bước nâng cao chất lượng giáo dục của tổ nói riêng và của nhà trường nói chung. Tổ Văn phòng thực hiện tốt nhiệm vụ, đã giúp cho các hoạt động của nhà trường được tiến hành đồng bộ và hiệu quả.

3. Điểm yếu

Trong tổ chuyên môn có từ 01 đến 05 nhóm chuyên môn, vì vậy sự bố trí sinh hoạt hành chính của tổ và sinh hoạt chuyên môn của nhóm có lúc chưa hài hòa, phù hợp, có lúc chưa tách bạch rõ ràng giữa hai loại hình sinh hoạt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

BGH nhà trường, các Tổ chuyên môn và Tổ văn phòng duy trì và phát huy những điểm mạnh trong cơ cấu tổ chức, trong việc thực hiện nhiệm vụ, cũng như trong việc xây dựng kế hoạch hoạt động và thực hiện các hoạt động của mình.

Từ năm học 2024 - 2025, Hiệu trưởng chỉ đạo các Tổ chuyên môn, Tổ văn phòng xây dựng chi tiết các kế hoạch hoạt động phù hợp với điều kiện của nhà

trường, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các Tổ chuyên môn, Tổ văn phòng một cách thường xuyên. Các sinh hoạt mang tính hành chính của tổ chuyển sang các hình thức thông báo thông tin trên các trang thông tin nội bộ như nhóm Zalo,... Theo đó, thời gian họp chuyên môn chủ yếu dành cho sinh hoạt tập trung theo đơn vị nhóm để việc trao đổi, thảo luận đi vào thực chất.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 lớp. Mỗi lớp có không quá 40 học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Đến thời điểm tự đánh giá nhà trường có đủ các lớp học theo quy định Điều 15 Điều lệ trường trung học, cụ thể: Học sinh được tổ chức theo lớp. Mỗi lớp có lớp trưởng, 2 lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học. Mỗi lớp được chia thành nhiều tổ học sinh. Mỗi tổ không quá 12 học sinh, có tổ trưởng do các thành viên của tổ bầu ra vào đầu mỗi năm học. Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ được thể hiện: có ban cán sự lớp, ban chấp hành chi đoàn do học sinh bầu ra, học sinh được tham gia xây dựng nội quy, được tham gia bình bầu xếp loại [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H11-1.5-03]; [H1-1.5-04]; [H12-1.5-05].

Mức 2,3:

Trường có 42 lớp, sĩ số học sinh trong lớp dao động từ 41 đến 45 em [H1-1.5-02]; [H1-1.5-04].

2. Điểm mạnh

Biên chế tổ chức lớp học, sĩ số học sinh trong mỗi lớp đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường trung học, hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ, có hồ sơ lưu giữ thông tin về các lớp học theo từng năm học. Số lớp phù hợp với điều kiện nhà trường, thuận lợi cho tổ chức dạy học. Cơ cấu ban cán sự, ban chấp hành chi đoàn của lớp đầy đủ tạo điều kiện để điều hành trong các hoạt động của lớp.

3. Điểm yếu

Kỹ năng điều hành, quản lý, tự quản của một vài lớp chưa được tốt. Sĩ số HS của các lớp chưa thật đồng đều, bình quân mỗi lớp 42,5 học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 - 2025, khi phê duyệt kế hoạch phát triển, Hiệu trưởng tham mưu với cấp có thẩm quyền để mỗi lớp không vượt quá 45 học sinh. Căn cứ vào nguyện vọng của học sinh để khi xếp lớp sĩ số học sinh của các lớp đồng đều hơn. Cần tăng cường tính dân chủ, tự quản của lớp học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) *Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định.*
- b) *Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.*
- c) *Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

- a) *Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.*
- b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Trong những năm qua nhà trường luôn quan tâm quản lý, xây dựng đầy đủ hệ thống hồ sơ sổ sách theo quy định. Công tác lưu trữ hồ sơ Thông tư 27/2016/TT-BGDĐT nên đã lưu trữ đầy đủ và sắp xếp, bảo quản theo từng nội dung, từng bộ phận, có sự mã hóa các loại hồ sơ, dễ kiểm tra và khai thác. Ban giám hiệu đã chỉ đạo bộ phận văn phòng việc thiết lập bảng danh mục hồ sơ, cập nhật hồ sơ kịp thời đầy đủ, việc bảo quản hồ sơ theo quy định của luật lưu trữ [H5-1.6-01].

Hàng năm, dựa trên cơ sở các mục cần chi trả cho CBGVNV, cho HS và phục vụ cho các hoạt động giáo dục, nhà trường đã lập dự toán ngân sách trình Sở GD&ĐT. Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn hàng năm của Bộ, Sở Tài chính, của Sở GD&ĐT hướng dẫn về thực hiện các khoản thu chi trong nhà trường để lập kế hoạch, tổ chức họp phụ huynh để thống nhất một số nội dung theo thỏa thuận và tự nguyện, lập thông báo và công khai các khoản thu trên các phương tiện **[H5-1.6-01]**. Thực hiện các quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính theo đúng chế độ kế toán tài chính của Nhà nước. Công tác kiểm kê tài sản tài chính theo đúng định kì, có các biên bản kiểm tra tài chính, tài sản hàng kì, hàng năm. Thực hiện tốt việc tự kiểm tra và công khai tài chính theo Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, do Bộ Tài chính ban hành; thực hiện công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Căn cứ vào nguồn kinh phí được cấp hàng năm nhà trường xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích, tiết kiệm và dựa trên tình hình thực tế hàng năm quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Các quy chế trước khi ban hành đều được thông qua và thống nhất trước toàn thể Viên chức -Người lao động tại Hội nghị CBVC-NLĐ đầu mỗi năm học **[H5-1.6-02]; [H5-1.6-05]; [H5-1.6-06]**.

Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Định kì cuối năm thực hiện kiểm kê tài chính, tài sản và báo cáo công khai thu chi trước Hội nghị Viên chức-Người lao động, trước các cuộc họp với cha mẹ học sinh **[H5-1.6-05]; [H5-1.10-04]; [H5-3.1-03]; [H5-3.5-03]; [H5-3.5-05]**.

Mức 2:

Ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường như: quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên qua phần mềm Cơ sở dữ liệu ngành, EPMIS, MISA, thuế HTKK, dịch vụ công trực tuyến KB, hóa đơn điện tử, quản lý tài chính và tài sản nhà trường, qua khai thác phần mềm kế toán để lập dự toán thu chi **[H5-1.6-06]; [H5-3.5-01]; [H5-3.5-02]**.

Trong mỗi năm học, nhà trường đều tổ chức tự kiểm tra, rà soát việc thu, chi nhằm tránh các sai phạm trong tài chính. Việc thu, chi có kế hoạch, công khai, minh bạch, đúng quy định tài chính hiện hành nên trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán **[H5-1.6-07]**.

Mức 3:

Hàng năm nhà trường có kế hoạch thực hiện qua đề án chiến lược đã được xây dựng trong từng giai đoạn. Khảo sát tình hình thực tế của địa phương, nhà

trường và đưa ra thảo luận ở các phiên họp Hội đồng trường, họp hội đồng nhà trường, họp cha mẹ học sinh để xây dựng các kế hoạch cho từng năm như: kế hoạch vận động tài trợ giáo dục (xã hội hóa giáo dục), kế hoạch xây dựng, đề án xây dựng trường chuẩn Quốc gia [H5-1.6-08].

2. Điểm mạnh:

Bộ phận văn phòng thực hiện tốt công tác quản lý hành chính theo đúng quy định, các loại văn bản, hồ sơ, sổ sách được cập nhật kịp thời và được sử dụng, bảo quản tốt. Giáo viên, nhân viên có tinh thần trách nhiệm trong quản lý hồ sơ. Việc lập dự toán ngân sách nhà nước, được cấp trên phê duyệt; thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính đúng chế độ tài chính của Nhà nước. Thực hiện tốt việc tự kiểm tra và công khai tài chính theo quy định. Nhà trường, cán bộ phụ trách kế toán, thiết bị, thư viện đã ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Hằng năm đều tiến hành rà soát, đánh giá để cải tiến việc thực hiện nên nhiều năm qua không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Quy chế chi tiêu nội bộ được sửa đổi hằng năm phù hợp thực tế năm học tạo điều kiện phát huy tối đa nguồn lực hiện có của nhà trường.

Công tác xã hội hóa được chú trọng và thực hiện có hiệu quả đã huy động tối đa nhiều nguồn lực bên ngoài trong thực hiện kế hoạch giáo dục nói chung và xây dựng cải tạo cơ sở vật chất khuôn viên tạo cảnh quan môi trường sư phạm nói riêng.

Ban giám hiệu và Tổ văn phòng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản đảm bảo khoa học và hiệu quả, đáp ứng mục tiêu giáo dục. Hằng năm, kế toán nhà trường tham mưu cho Hiệu trưởng lập dự toán, thực hiện thu chi quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính theo đúng quy định. Nhà trường đã xây dựng được quy chế chi tiêu nội bộ nên luôn chủ động trong quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính trong nhà trường.

3. Điểm yếu:

Nguồn kinh phí nhà nước chỉ cấp đủ chi lương, phụ cấp lương và một phần chi thường xuyên nên việc tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho dạy và học chỉ mới đáp ứng được nhu cầu tối thiểu theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì tốt việc quản lý hồ sơ, quản lý tài chính. Tổ chức các buổi tập huấn trang bị kỹ năng thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt là việc quản lý hồ sơ, ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng có hiệu quả nguồn ngân sách nhằm đẩy mạnh chất lượng giáo dục.

Nhà trường cần xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế của địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.

Mức 1:

- a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.
- b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường.
- c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, hiệu trưởng phân công cho các phó hiệu trưởng phụ trách xây dựng kế hoạch và tạo mọi điều kiện cho CBQL, GV, NV tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do cấp trên tổ chức. Công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ được triển khai thông qua chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho CBQL, GV, NV; tham gia các lớp tập huấn chuyên đề các cấp; tập trung nâng chuẩn đội ngũ giáo viên, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý. Đến nay, nhà trường có 101/102 giáo viên và nhân viên đạt trình độ từ Đại học trở lên, trong đó có 26 thạc sĩ, 44 giáo viên giỏi cấp tỉnh, 05 giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh, 01 nhân viên thư viện giỏi cấp tỉnh, 02 Cao cấp chính trị, 10 Trung cấp chính trị, 01 CBQL đang đăng ký học Cao cấp chính trị [H6-1.7-01]; [H9-1.7-05]; [H6-1.7-07].

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế, vào đầu năm học, hiệu trưởng ra quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể cho CBQL, GV, NV và công khai kết quả phân công nhiệm vụ trước cơ quan [H9-1.7-02]. Việc phân công, sử dụng hợp lý đã phát huy được năng lực, sở trường của từng cá nhân và góp phần mang lại hiệu quả cao trong công việc được giao. Mỗi năm, Ban giám hiệu nhà trường tổ chức kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV, NV theo từng thời điểm [H13-1.7-03]. Chi ủy chi bộ, BGH nhà trường luôn tạo điều kiện để tổ chức Công đoàn thực hiện chức năng giám sát, tham mưu việc thực hiện việc phân công lao động đảm bảo công bằng, hợp lý giữa các CB, GV và NV [H13-1.7-03].

Đội ngũ CBQL, GV, NV trong nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường trung học và của pháp luật. 100% GV được hưởng tiền lương, phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp, phụ cấp thâm niên và các phụ cấp khác; được xét nâng lương thường xuyên, nâng lương trước hạn theo quy định của Chính phủ và được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần [H5-1.7-04]. Trường luôn tạo điều kiện cho GV tham gia các lớp đào tạo và bồi dưỡng để đạt và nâng chuẩn,

nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ [H9-1.7-05]. GV được bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật [H13-1.7.03]; [H13-1.3-04]; [H6 - 1.9-02].

Mức 2:

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, hằng năm hiệu trưởng đã thực hiện nhiều biện pháp để phát huy năng lực của CBQL, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Các biện pháp mà nhà trường đã thực hiện như: công tác thi đua - khen thưởng được thực hiện khách quan, nghiêm túc, kịp thời; GV, NV có nhiều thành tích, có năng lực công tác được quan tâm và coi trọng trong bố trí vị trí công tác và công tác bổ nhiệm cán bộ; phối hợp linh hoạt, chặt chẽ với các tổ chức trong nhà trường nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh; tổ chức nhiều hoạt động chuyên môn nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên,...[H6-1.7- 06]; [H9-1.7-02]; [H6-1.7-07].

2. Điểm mạnh:

Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch chỉ đạo các tổ nhóm chuyên môn tạo điều kiện cho CBQL, GV tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do cấp trên tổ chức; khuyến khích CB, GV tham gia học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Nhà trường thực hiện phân công, sử dụng CBQL, GV, NV rõ ràng, hợp lý phù hợp với các quy định của ngành và các điều kiện thực tế của đơn vị. Quyền và lợi ích hợp pháp của CBQL, GV và NV được đảm bảo. Nhà trường đã thực hiện nhiều biện pháp để phát huy năng lực của CBQL, GV, NV như thực hiện tốt công tác thi đua - khen thưởng, công tác quy hoạch cán bộ.

3. Điểm yếu:

Số giáo viên có trình độ trên chuẩn chưa nhiều, việc tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của một số giáo viên hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

BGH lập kế hoạch, giao các tổ nhóm chuyên môn động viên GV tham gia học thạc sĩ, tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, động viên GV tích cực tự bồi dưỡng, trau dồi tích lũy chuyên môn nghiệp vụ. Thực hiện nhiều biện pháp để phát huy năng lực của CBQL, GV, NV nâng cao hiệu quả trong công việc.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường.

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ.

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Căn cứ vào sự chỉ đạo của Sở GD&ĐT Nghệ An, tình hình thực tế của đơn vị, địa phương, hiệu trưởng đã phân công các phó hiệu trưởng xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường theo từng năm học [H9-1.8-01]; [H2-1.8-02].

Bám sát nhiệm vụ trọng tâm của từng năm học, BGH nhà trường đã tổ chức thực hiện đầy đủ các kế hoạch, chương trình giáo dục năm học phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và nhà trường. Nội dung kế hoạch, chương trình giáo dục gồm giáo dục chính khóa và ngoại khóa, giáo dục văn hóa với giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục hướng nghiệp, các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động trải nghiệm sáng tạo [H8-1.8-03]; [H15-1.8-04].

BGH thường xuyên rà soát, đánh giá các kế hoạch giáo dục thông qua cuộc họp Hội đồng sư phạm; sinh hoạt tổ chuyên môn; xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra hoạt động giáo dục theo tuần, theo tháng, từ đó có điều chỉnh kịp thời các hoạt động giáo dục đảm bảo các mục tiêu đã đề ra. Cuối mỗi năm học, nhà trường tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học; thảo luận rút kinh nghiệm và chuẩn bị cho xây dựng kế hoạch của năm học sau. Trong các năm học thời khóa biểu được sắp xếp và bố trí hợp lý với kế hoạch giáo dục của nhà trường và nhiệm vụ của từng năm học. Để thực hiện đúng và đầy đủ chương trình năm học, kế hoạch dạy bù chương trình theo lịch nghỉ lễ hàng năm được thực hiện kịp thời và đầy đủ. Việc dạy học trên lớp mỗi kì học đều được thể hiện qua sổ ghi đầu bài ở mỗi lớp, ghi chép lại đầy đủ, chính xác theo phân phối chương trình. Các tổ bộ môn đều xây dựng kế hoạch thảo luận, dự giờ nghiên cứu bài học; kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu; mỗi học kỳ trường tiến hành kiểm tra hoạt động tổ văn phòng để đánh giá mức độ hoàn thành công việc, kiểm tra hoạt động sư phạm GV để đánh giá năng lực, chất lượng giảng dạy của GV [H8-5.1-05]; [H6-1.8-06].

Mức 2:

Hiệu trưởng phân công các phó hiệu trưởng tổ chức thực hiện nhiều biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động giáo dục gồm kiểm tra, đánh giá định kì mỗi năm 4 lần; kiểm tra thường xuyên các hoạt động giáo dục, kiểm tra đánh giá đột xuất tùy theo tình hình từng năm học [H8-5.1.05].

Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường thực hiện theo quy định tại Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về dạy thêm và học thêm. Kế hoạch dạy thêm, học thêm được Ban giám hiệu phê duyệt, đáp ứng nhu cầu của phụ huynh và học sinh. Nhà trường thường xuyên tổ chức theo dõi, kiểm tra việc dạy thêm, học thêm ở các lớp thông qua sổ đầu bài dạy thêm, học thêm và kiểm tra theo dõi hằng ngày [H2-1.8-02].

2. Điểm mạnh:

Hằng năm, được sự phân công của hiệu trưởng, theo từng lĩnh vực phụ trách các phó hiệu trưởng đã xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ bao gồm giáo dục chính khóa và ngoại khóa; giáo dục văn hóa với giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục hướng nghiệp. Việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động giáo dục được thực hiện thường xuyên, kịp thời và nghiêm túc. Nhà trường đã thực hiện nhiều biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động giáo dục gồm kiểm tra, đánh giá định kỳ và kiểm tra đánh giá đột xuất tùy theo tình hình từng năm học. Công tác dạy thêm, học thêm trong nhà trường được thực hiện đúng quy định.

3. Điểm yếu:

Việc điều chỉnh một số nội dung trong kế hoạch còn chậm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

BGH nhà trường triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục, thường xuyên có sự điều chỉnh để phát huy được điểm mạnh của nhà trường trong điều kiện thực tế. Phó Hiệu trưởng chuyên môn, các tổ trưởng chuyên môn thường xuyên, kịp thời thực hiện các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động giáo dục để phù hợp với điều kiện thực tế. Nhanh chóng điều chỉnh các nội dung trong kế hoạch cho phù hợp, xây dựng lại các chủ đề của nội dung ngoài giờ lên lớp cho hấp dẫn, phù hợp với tình hình thực tế hướng nghiệp hiện tại, tăng cường các buổi sinh hoạt, trao đổi các kỹ năng mềm cho HS.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Vào đầu năm học, thông qua Hội nghị viên chức - người lao động tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và biểu quyết các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường trong năm học [H6-1.9-01]. Việc thảo luận và đóng góp ý kiến của cán bộ giáo viên được thực hiện nghiêm túc theo quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ. Việc điều chỉnh một số kế hoạch cho phù hợp mới chỉ trao đổi thống nhất trong tập thể lãnh đạo mở rộng, có lúc chưa triển khai kịp thời đến toàn thể GV, NV [H6-1.9-02].

Các kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và nhân dân thuộc thẩm quyền xử lý được nhà trường xem xét nghiêm túc và giải quyết kịp thời, đúng pháp luật. Vì vậy, nhà trường không có hiện tượng khiếu nại tố cáo vượt cấp, tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên đoàn kết, đồng thuận cao trong mọi hoạt động [H6-1.9-03].

Hằng năm, nhà trường tổ chức đánh giá, tổng kết công tác thực hiện quy chế dân chủ cơ sở nghiêm túc, khách quan và có báo cáo kịp thời theo yêu cầu của cấp trên, đã được dán trên Bảng công khai [H15-1.9-04].

Mức 2:

Để thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, nhà trường đã thực hiện các biện pháp sau: Công khai các chủ trương chính sách của cấp trên; các kế hoạch hoạt động của đơn vị; kinh phí hoạt động hàng năm; nội quy, quy chế của cơ quan,... nhằm đưa quy chế dân chủ cơ sở vào cuộc sống; Nhà trường và Công đoàn đã xây dựng và thực hiện nghiêm túc quy chế phối hợp, định kỳ tổ chức sơ kết công tác 6 tháng một lần [H13-1.3-04]; Chỉ đạo Ban thanh tra nhân dân hoạt động có hiệu quả, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước ở đơn vị và các tâm tư nguyện vọng của cán bộ, giáo viên, nhân viên. Ngoài ra, thông qua các buổi họp định kỳ, nhà trường nghiêm túc lắng nghe tâm tư nguyện vọng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và có biện pháp giải quyết kịp thời những vướng mắc của cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh. Chi bộ nhà trường xây dựng Quy chế, tổ chức lấy ý kiến và thống nhất áp dụng. Công đoàn trường tham gia giám sát, tổ chức giáo viên, nhân viên thực hiện [H13-1.3-07].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và biểu quyết các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế của

đơn vị; các kiến nghị, phản ánh được nhà trường xem xét nghiêm túc và giải quyết kịp thời, đúng pháp luật; có báo cáo đầy đủ theo yêu cầu của cấp trên. Nhà trường đã thực hiện các biện pháp để công khai minh bạch trong việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, tạo điều kiện cho Ban thanh tra thực hiện đúng chức năng kiểm tra, giám sát; tích cực lắng nghe tâm tư nguyện vọng của cán bộ, giáo viên và có biện pháp giải quyết kịp thời những vướng mắc của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

3. Điểm yếu

Việc điều chỉnh một số kế hoạch cho phù hợp mới chỉ trao đổi thống nhất trong tập thể lãnh đạo mở rộng, có lúc chưa triển khai kịp thời đến toàn thể GV, NV

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhằm phát huy các điểm mạnh, trong các năm học tiếp theo, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường tiếp tục được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và biểu quyết các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế của đơn vị. Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục thực hiện các biện pháp mới để công khai minh bạch trong việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, tiếp tục tạo điều kiện cho Ban thanh tra thực hiện đúng chức năng kiểm tra, giám sát; tích cực lắng nghe tâm tư nguyện vọng của cán bộ, giáo viên và có biện pháp giải quyết kịp thời những vướng mắc của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Để khắc phục các điểm yếu, Bí thư chi bộ, hiệu trưởng nhà trường tiếp tục duy trì phương pháp quản lý, làm việc dân chủ trong các năm học tiếp theo nhằm giữ gìn sự đoàn kết nội bộ; phát huy sự sáng tạo, tích cực của các cán bộ giáo viên trong quá trình xây dựng và phát triển nhà trường. Việc điều chỉnh một số kế hoạch sẽ thông qua kênh thông tin nội bộ (nhóm Zalo nhà trường và nhóm Zalo Công đoàn) để trao đổi, lấy ý kiến kịp thời của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, có thông báo nhắc nhở kịp thời một số số ít CBGVNV chưa thực sự chú trọng đến việc thực hiện quy chế dân chủ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) *Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

Mức 2:

a) *Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

b) *Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng kí quyết định thành lập Ban an ninh trường học do một đồng chí Phó Hiệu trưởng phụ trách, phân công nhiệm vụ cho các thành viên [H7-1.10-01]; hợp đồng 02 lao động làm công tác bảo vệ. Đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn, thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng tránh các tệ nạn xã hội [H6-1.10-02]; Ban an ninh hoạt động hiệu quả bảo đảm cho nhà trường có môi trường giáo dục lành mạnh. Nhà trường tham gia đầy đủ các đợt tổng kết công tác an ninh trường học ở cụm, tổ chức tuyên truyền và cho học sinh ký cam kết, thường xuyên có sự phối hợp chặt chẽ với chính quyền và công an địa phương trong công tác giữ gìn trật tự an toàn trường học [H7-1.10-03]; trường lắp đặt hệ thống camera giám sát bao phủ khuôn viên của nhà trường [H5-1.10-04].

BGH chỉ đạo xây dựng hộp thư góp ý và đặt hộp thư ở vị trí thuận lợi, công khai số điện thoại đường dây nóng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh bày tỏ thái độ về những vấn đề họ quan tâm, tin báo các dấu hiệu vi phạm của học sinh. Ngoài ra, nhà trường còn tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị xã hội hoạt động để nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của đoàn viên. Việc xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường được thực hiện tuân tự, đúng quy định của pháp luật. Việc theo dõi các hiện tượng mâu thuẫn, dấu hiệu vi phạm của học sinh trên mạng xã hội có lúc chưa kịp thời.

Từ năm học 2019 - 2020 đến nay, trong nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H15-1.10-05];

Mức 2:

Thực hiện hướng dẫn của cấp trên về công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, hiệu trưởng đã phân công cho phó hiệu trưởng phụ trách tổ chức cho học sinh và cán bộ giáo viên thực hiện các cam kết thông qua các đợt tập huấn;

dạy học bộ môn giáo dục quốc phòng; các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Đến nay 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh trường học; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H7-1.10-06]; [H7-1.10-01]; [H15-1.10-09]. Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập các thông tin biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự trường học thông qua các hoạt động như: phân công trực của Ban lãnh đạo nhà trường; theo dõi qua hệ thống camera an ninh trường học các hoạt động của nhà trường, hoạt động của đoàn thanh niên và công tác phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền trên địa bàn. Những biểu hiện về bạo lực học đường, làm mất an ninh trật tự trường học được nhà trường ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H7-1.10-07].

2. Điểm mạnh

Được sự phân công của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng phụ trách lĩnh vực đã xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn, thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai. Việc xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường được thực hiện tuân thủ, đúng quy định của pháp luật. Trong nhiều năm qua, trong nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới, phân biệt tôn giáo.

Thông qua các đợt tập huấn, các buổi tuyên truyền. BGH nhà trường đã tổ chức cho 100% cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh kí cam kết thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn trường học; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường; việc kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự được thực hiện kịp thời, hiệu quả.

3. Điểm yếu

Việc theo dõi các hiện tượng mâu thuẫn, dấu hiệu vi phạm của học sinh trên mạng xã hội có lúc chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Để phát huy điểm mạnh trong những năm học tiếp theo, phó hiệu trưởng phụ trách an ninh nhà trường tiếp tục xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả cao kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn, thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai...

Để khắc phục điểm yếu, Bí thư chi bộ và ban giám hiệu nhà trường tiếp tục duy trì việc xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả cao các biện pháp đảm bảo an

ninh trật tự, phòng chống tai nạn, thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai hiện có; tăng cường công tác dự báo, đẩy mạnh việc kiểm tra, giám sát các biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự, công tác phối hợp với các cấp có thẩm quyền trên địa bàn để có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Chỉ đạo ban an ninh nề nếp, Ban chấp hành Đoàn trường có các giải pháp cụ thể, theo dõi các nhóm học sinh thường xuyên tương tác trên mạng xã hội mà trong quá trình sinh hoạt tại lớp, trường có những biểu hiện không tốt. Phối hợp với công an huyện Yên Thành, công an tỉnh Nghệ An, chi cục an toàn thực phẩm, phòng y tế tuyên truyền phổ biến pháp luật về ATGT, phòng chống ma túy, phòng chống cháy nổ, phòng chống bạo lực học đường, an toàn thực phẩm. Ra mắt mô hình đảm bảo công tác an ninh trường học, tổ chức phiên tòa giả định để tuyên truyền phòng chống ma túy ... cho CBGVNV và học sinh. Tăng cường công tác kiểm tra, thu thập, xử lý thông tin để ngăn chặn kịp thời các biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, ANTH.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về tiêu chuẩn 1:

- Những điểm mạnh nổi bật:

Hiệu trưởng căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được quy định đã xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý đầy đủ và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường trung học. Chiến lược phát triển của nhà trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục cũng như phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường hiện có, đồng thời đã được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường. Số lớp học, số lượng học sinh của trường hằng năm đều được Sở GD&ĐT phê duyệt và đảm bảo quy định. Tổ chức lớp học có cơ cấu đúng theo quy định, hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Chi bộ phát huy tốt vai trò lãnh đạo toàn diện. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác hoạt động tích cực, có sự liên kết chặt chẽ, đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng. Nhà trường thực hiện phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hợp lý phù hợp với các quy định của ngành, điều kiện thực tế của đơn vị và năng lực, sở trường công tác của mỗi cá nhân. Công tác quản lý tài chính, tài sản của nhà trường đảm bảo theo quy định. Công tác an ninh trường học, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh và phòng tránh các tệ nạn xã hội được chú trọng. Việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong nhà trường luôn được đảm bảo, đồng thời cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường luôn chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của địa phương và sự lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục các cấp.

- Những điểm yếu cơ bản:

Việc điều chỉnh chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường về mục tiêu cơ sở vật chất theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT chưa kịp thời. Nguồn kinh phí nhà nước chỉ cấp đủ chi lương, phụ cấp lương và một phần chi thường xuyên nên việc tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho dạy và học chỉ mới đáp ứng được nhu cầu tối thiểu theo quy định. Về tổ chuyên môn, do một số tổ chuyên môn có nhiều nhóm chuyên môn, sự bố trí sinh hoạt hành chính của tổ và sinh hoạt chuyên môn của nhóm có lúc chưa hài hòa, phù hợp, có lúc chưa tách bạch rõ ràng giữa hai loại hình sinh hoạt. Ngoài ra, việc theo dõi các hiện tượng, nắm bắt thông tin học sinh có dấu hiệu vi phạm trên không gian mạng xã hội có lúc còn chậm.

- Tự đánh giá:

Số tiêu chí đạt mức 1: 10/10 (100%)

Số tiêu chí đạt mức 2: 10/10 (100%)

Số tiêu chí đạt mức 3: 04/05 (80%)

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh là nguồn lực chủ yếu để thực hiện và quyết định chất lượng các hoạt động giáo dục trong mỗi nhà trường. Trường THPT Bắc Yên Thành xác định công tác xây dựng và phát triển đội ngũ là giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Việc xây dựng và nâng cao phẩm chất, năng lực đội ngũ luôn được nhà trường quan tâm theo hướng chuẩn hóa, đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, chú trọng nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp nhằm góp phần đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đội ngũ cán bộ quản lý trường THPT Bắc Yên Thành được bổ nhiệm đúng theo quy định của Điều lệ trường Trung học phổ thông theo Thông tư số 32/2020/BGDĐT và quy định chuẩn hiệu trưởng trường Trung học phổ thông theo Thông tư số 14/2018/BGDĐT. Ban giám hiệu gồm 4 đồng chí: 01 Hiệu trưởng và 03 phó hiệu trưởng; cả 04 đồng chí là thạc sĩ, giáo viên giỏi cấp tỉnh, đã học xong chương trình quản lý giáo dục, có sức khỏe tốt, có năng lực trong công tác quản lý và có năng lực chuyên môn tốt. Giáo viên, nhân viên nhà trường được biên chế đủ theo yêu cầu của trường THPT đạt chuẩn quốc gia ở mức độ 2. Giáo viên, nhân viên có trình độ trên chuẩn 26.8%, có 49 giáo viên dạy giỏi, chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh.

Học sinh của nhà trường đảm bảo về độ tuổi theo quy định; thực hiện nghiêm túc quy định về nhiệm vụ, hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục, cơ bản chăm ngoan, có động cơ, thái độ học tập tốt, có sự vươn lên trong học tập, rèn luyện. Học sinh được quan tâm tạo điều kiện tốt trong việc học tập, rèn luyện đạo đức và giáo dục kỹ năng sống.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên.
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Hiệu trưởng nhà trường đạt tiêu chuẩn theo quy định. Hiện tại, Hiệu trưởng nhà trường là ông Nguyễn Bá Thủy, đã có 26 năm công tác, 17 năm làm cán bộ quản lý, 6 năm làm hiệu trưởng. Ông được Sở giáo dục và đào tạo Nghệ An bổ nhiệm làm Hiệu trưởng trường THPT Bắc Yên Thành từ năm 2018 và bổ nhiệm lại năm 2023; Trình độ chuyên môn thạc sĩ Toán, trình độ lý luận chính trị Cao cấp, đã có chứng chỉ Bồi dưỡng Quản lý GD. Trường THPT Bắc Yên Thành có 03 phó hiệu trưởng theo quy định. Phó hiệu trưởng thứ nhất là ông Đặng Phúc Dũng đã có 25 năm công tác, 13 năm làm Phó hiệu trưởng, ông được Sở giáo dục và đào tạo Nghệ An bổ nhiệm làm Phó hiệu trưởng trường THPT Bắc Yên Thành từ năm 2011. Trình độ chuyên môn Thạc sĩ, trình độ lý luận Chính trị Cao cấp, đã có chứng chỉ Bồi dưỡng Quản lý giáo dục. Phó hiệu trưởng thứ hai là bà Nguyễn Thị Hà có 25 năm công tác, 15 năm làm Phó hiệu trưởng. Trình độ chuyên môn Thạc sĩ, trình độ lý luận Chính trị Trung cấp, đã có chứng chỉ Bồi dưỡng Quản lý giáo dục và được Sở GD&ĐT Nghệ An bổ nhiệm làm Phó hiệu trưởng trường THPT Bắc Yên Thành từ năm 2009. Phó hiệu trưởng thứ ba là ông Tạ Văn Cường có 22 năm công tác, 6 năm làm Phó hiệu trưởng, Trình độ chuyên môn Thạc sĩ, trình độ lý luận Chính trị Trung cấp (*đang đăng ký học Cao cấp lý luận chính trị năm 2024*), đã có chứng chỉ Bồi dưỡng Quản lý giáo dục và được Sở GD&ĐT Nghệ An bổ nhiệm làm Phó hiệu trưởng trường THPT Bắc Yên Thành từ năm 2019 [H6-1.4-01]; [H6-2.1-01].

Sau mỗi năm học, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia đánh giá hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo quy định chuẩn hiệu trưởng tại Thông tư số

14/2018/BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Trong 5 năm liên tục từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng được Sở GD&ĐT Nghệ An xếp loại chuẩn hiệu trưởng đạt mức tốt, nhiều năm liền đạt chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và các danh hiệu khen thưởng khác **[H6-2.1-02]**.

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đã tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Sở GD&ĐT như: Bồi dưỡng Quản lý Giáo Dục, Bồi dưỡng về đổi mới phương pháp dạy học các môn học; Đổi mới về kiểm tra, đánh giá học sinh, Đổi mới về kỹ luật giáo dục tích cực, các nội dung mới được triển khai trong giáo dục Trung học phổ thông; Hội thảo, sinh hoạt chuyên môn cấp huyện, cụm, trường, tham gia giảng dạy đúng chuyên môn và số tiết theo quy định **[H6-2.1-01]; [H9-1.7-02]**.

Mức 2:

Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024, hằng năm hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được Hội đồng thi đua đánh giá, xếp loại cán bộ quản lý của Sở GD&ĐT Nghệ An đánh giá xếp loại theo chuẩn hiệu trưởng. Kết quả đánh giá theo chuẩn của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đều được xếp loại tốt. Ban giám hiệu luôn nắm bắt tốt các phương pháp quản lý giáo dục, phương pháp dạy học mới và các công nghệ giáo dục hiện đại; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin; lãnh đạo, chỉ đạo có hiệu quả các công việc, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ **[H6-2.1-02]**.

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lí luận chính trị theo quy định. Tại thời điểm năm học 2023 - 2024, hiệu trưởng Nguyễn Bá Thủy và phó hiệu trưởng Đặng Phúc Dũng đã hoàn thành lớp cao cấp lí luận chính trị do Học viện Chính trị Quốc gia tổ chức, hai phó hiệu trưởng còn lại trong Ban giám hiệu đã hoàn thành lớp trung cấp lí luận chính trị do trường Trung cấp Chính trị tỉnh Nghệ An tổ chức. Trong 5 năm liên tục từ năm học 2019 - 2019 đến năm học 2023 - 2024, hằng năm, hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều được Hội đồng sư phạm nhà trường tổ chức lấy phiếu tín nhiệm trong hội đồng giáo viên, nhân viên. Kết quả bỏ phiếu tín nhiệm của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều đạt tỉ lệ cao **[H6-2.1-01]; [H6-2.1-02]**.

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp, tính từ thời điểm năm học 2019 – 2020 đến năm học 2023 - 2024, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng được xếp cụ thể như sau **[H6-2.1-02]**.

Họ và tên	Chức vụ	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Nguyễn Bá Thủy	HT	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
Đặng Phúc Dũng	PHT	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt

Nguyễn Thị Hà	PHT	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
Tạ Văn Cường	PHT	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng đạt chuẩn theo quy định, tham gia công tác giảng dạy đủ số năm theo quy định, có năng lực trong công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn. Ban giám hiệu luôn nắm bắt tốt các phương pháp quản lý giáo dục, phương pháp dạy học mới và các công nghệ giáo dục hiện đại; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin; lãnh đạo, chỉ đạo có hiệu quả các công việc, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đội ngũ hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đào tạo cơ bản về lý luận chính trị và quản lý giáo dục, có trình độ chuyên môn vững vàng, năng động, sáng tạo trong công tác quản lý; Điều hành công việc khoa học, tự tin, mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm. Cuối mỗi năm học, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được đánh giá chuẩn ở mức khá và tốt.

3. Điểm yếu

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng trong quá trình kiểm tra giám sát đôi lúc chưa thực sự sâu sát, kịp thời. Nhắc nhở phê bình đôi lúc còn căng thẳng, một số công việc đôi lúc xử lý chưa cương quyết.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 - 2025, Ban giám hiệu tiếp tục tăng cường công tác tự học, tự bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ theo hướng đổi mới; vận dụng linh hoạt, có hiệu quả các phương pháp quản lý giáo dục, phương pháp dạy học mới, ứng dụng Công nghệ thông tin vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động của nhà trường đạt những thành tích cao hơn nữa. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng xử lý công việc một cách cương quyết hơn nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục.

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn.

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiện tại, nhà trường có số lượng giáo viên đảm bảo tỉ lệ để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học phổ thông. Năm học 2022 – 2023, trường có 93 giáo viên đứng lớp. Tỉ lệ giáo viên đứng lớp là 2,21. Cụ thể các môn như sau: Ngữ Văn: 14; Toán 17; Vật lý: 11; Hóa: 9; Sinh học: 6; Lịch sử: 5; Địa lý: 4; Tiếng Anh: 11; Công Dân: 4; Thể dục: 6; Quốc phòng: 3; Tin học 5; Công nghệ CN: 1; Công nghệ NN: 1; Số lượng và cơ cấu giáo viên cơ bản đảm bảo đủ để dạy các môn học và công tác giáo dục theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác [H6-2.2-01].

Các giáo viên được đào tạo đúng chuyên ngành, đúng chuẩn về trình độ và được phân công giảng dạy phù hợp với năng lực, nguyện vọng và đúng chuyên môn; phát huy hiệu quả trong giảng dạy và giáo dục. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo [H6-2.2-01].

Cuối mỗi năm học, trên cơ sở hướng dẫn của Ngành, trường tổ chức đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Trung học phổ thông theo quy định. Việc tổ chức đánh giá đảm bảo đúng quy trình: giáo viên tự đánh giá, tổ chuyên môn đánh giá, hiệu trưởng đánh giá. Kết quả đánh giá giáo viên hàng năm trong 5 năm liên tiếp là 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức đạt trở lên. Nhìn chung, giáo viên

của trường tâm huyết với nghề, sáng tạo, nhanh nhạy trong việc tiếp cận cái mới [H6-1.4-06].

Mức 2, 3:

Trong những năm học qua, nhà trường luôn quan tâm đến công tác bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ. Tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn ngày càng được nâng cao về số lượng. Số giáo viên trên chuẩn hiện nay là 26 [H6-2.2-01].

Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023- 2024, hằng năm trường có 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên. Cụ thể:

Năm học	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
2019 – 2020	53.3%	46.7%	0%	0%
2020 – 2021	90%	10%	0%	0%
2021 – 2022	55.6%	43.3%	1.1%	0%
2022 - 2023	85.9%	14.1%	0%	0%
2023 - 2024	85.9%	14.1%	0%	0%

[H6-1.4-06].

Theo kế hoạch của nhà trường, giáo viên tích cực tham gia công tác tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và hướng dẫn học sinh tham gia sáng tạo khoa học kỹ thuật. Cụ thể, trong các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2023-2024 nhà trường đều có sản phẩm dự thi cuộc thi KHKT cấp tỉnh và đạt giải [H8-1.8-03]; [H8-2.2-02]. Từ năm học 2019 -2020 đến năm học 2023 - 2024 toàn thể giáo viên chấp hành quy chế chuyên môn về chỉ thị 17 của Tỉnh ủy Nghệ An và chỉ thị 26 của Bộ chính trị về chấp hành kỉ luật kỉ cương trong các đơn vị hành chính sự nghiệp, chỉ thị 05 về “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Hằng năm có rất nhiều giáo viên được khen về phẩm chất lối sống, về học tập và làm theo phong cách đạo đức Hồ Chí Minh. Toàn thể cán bộ, giáo viên chấp hành tốt, vì vậy từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H6-1.4-06]; [H6-2.2-03].

Trong 05 năm học liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo nghiên cứu khoa học và viết sáng kiến kinh nghiệm. Số lượng giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học tăng theo từng năm, cụ thể có 73 sáng kiến kinh nghiệm đạt cấp ngành và tỉnh.

Năm học	Cấp cơ sở			Cấp tỉnh
	Số lượng	Loại A	Loại B	
2019 – 2020	9	1	8	0
2020 - 2021	13	1	12	1
2021 - 2022	16	3	13	2
2022- 2023	18	2	16	
2023- 2024	17	2	15	

[H6-2.2-03]; [H8-5.3-03]; [H6-1.2-06].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên đủ về số lượng và đạt chuẩn về trình độ đào tạo, trong đó có nhiều giáo viên đạt trình độ trên chuẩn. Nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên; trong đó tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, tốt cao. Đa số giáo viên có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

Đội ngũ giáo viên có lập trường tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, tận tụy với nghề, cần cù chịu khó, sáng tạo và tích cực học hỏi bồi dưỡng nâng cao năng lực để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Tập thể giáo viên, nhân viên của nhà trường có tinh thần đoàn kết cao, hỗ trợ lẫn nhau trong công việc cũng như đời sống.

3. Điểm yếu

Một số ít giáo viên chưa thật sự đầu tư trong công tác nghiên cứu khoa học và viết sáng kiến kinh nghiệm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023 - 2024, CB, GV toàn trường tích cực tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ tin học áp dụng vào giảng dạy, khai thác nghiên cứu tài liệu, hoàn thành các cuộc thi trực tuyến. Cần phát huy hơn nữa những phẩm chất, năng lực của giáo viên để phục vụ cho công tác giáo dục. Tập thể nhà trường cũng nâng cao tính đoàn kết, tinh thần tương thân tương ái để giúp nhau trong công việc và cuộc sống.

Khuyến khích giáo viên nghiên cứu khoa học, viết sáng kiến kinh nghiệm phục vụ cho dạy học, giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công.
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực.
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định.
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm.
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024, nhà trường có 5 nhân viên theo biên chế, đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập **[H6-2.3-01]**.

Căn cứ vào trình độ chuyên môn và năng lực của nhân viên, hằng năm nhà trường đã phân công nhiệm vụ cho từng nhân viên phù hợp theo năng lực và phát huy được hiệu quả công việc **[H6-2.3-02]**.

Cuối năm, nhà trường tổ chức đánh giá, xếp loại nhân viên, đảm bảo đúng quy định. Trong 5 năm liên tiếp có 100% số nhân viên hoàn thành và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao **[H6-2.3-03]**.

Mức 2:

Trường có 5 nhân viên theo biên chế (01 nhân viên đảm nhiệm công việc kế toán, 01 nhân viên y tế, 01 nhân viên phụ trách thiết bị kiêm thư viện, 01 nhân viên phụ trách thiết bị, 01 nhân viên Văn thư kiêm Thủ quỹ). Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định **[H6-2.3-01]**.

Đội ngũ nhân viên trong nhà trường luôn luôn chấp hành các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có lối sống lành mạnh, giản dị, làm việc hiệu quả. Vì vậy trong 05 năm liên tiếp không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên **[H6-2.3-03]**.

Mức 3:

Trường có 05 nhân viên biên chế: 01 nhân viên Kế toán có trình độ đại học Kế toán, 01 nhân viên Văn thư kiêm Thủ quỹ có trình độ đại học chuyên ngành Văn thư lưu trữ; 01 nhân viên Y tế học đường có trình độ cao đẳng điều dưỡng; 01 nhân viên thiết bị thí nghiệm có trình độ chuyên môn đại học Thiết bị - Thư viện; 01 nhân viên Thiết bị kiêm nhiệm Thư viện có trình độ đại học Thiết bị - Thư viện. Căn cứ vào vị trí việc làm được phân công, các nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm [H6-2.3-01]; [H6-2.3-04].

Nhằm đáp ứng nhiệm vụ được giao theo vị trí đề án việc làm, đội ngũ NV nhà trường được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm [H9-2.3-05]; [H6-2.3-04].

2. Điểm mạnh

Số lượng nhân viên đảm bảo theo quy định. Đội ngũ nhân viên có trình độ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm. Các nhân viên làm việc nhiệt tình, có trách nhiệm, phẩm chất đạo đức, chính trị tốt, có ý thức tự học, tự bồi dưỡng trau dồi chuyên môn nghiệp vụ. Hằng năm, các nhân viên đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Do trường chỉ được bố trí tối đa 5 biên chế nhân viên phục vụ nhưng thực tế công việc cần đến 6 nhân viên nên còn phải bố trí công việc nhân viên Thiết bị kiêm nhiệm thư viện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Đội ngũ nhân viên nhà trường tiếp tục hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Từ năm học 2023-2024, tổ Văn phòng xây dựng kế hoạch tự bồi dưỡng về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để toàn bộ nhân viên hoàn thành tốt công việc, cập nhật những thay đổi về chế độ chính sách, y tế học đường, đẩy mạnh công tác chuyển đổi số,...

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.**Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh****Mức 1:**

- a) *Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) *Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) *Được đảm bảo các quyền theo quy định;*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Từ năm học 2019 – 2020, học sinh học tại trường từ lớp 10 đến lớp 12 với độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi đảm bảo đúng theo quy định tại Điều lệ trường THPT. Hiện tại, trường có 1780 học sinh **[H1-1.5-02]**.

Trường có 100% HS thực hiện đầy đủ và có kết quả hoạt động học tập, chấp hành nội quy nhà trường, đi học đều và đúng giờ, có ý thức học tập tốt. HS biết hiếu thảo với bố mẹ, ông bà, kính trọng lễ phép với thầy giáo, cô giáo, nhân viên và người lớn tuổi; đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ bạn bè, người khuyết tật và người có hoàn cảnh khó khăn thể hiện qua các việc làm thiết thực như: 100% HS tham gia các hoạt động trong và ngoài giờ lên lớp; giữ gìn bảo vệ tài sản nơi công cộng; tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường qua việc làm cụ thể: vệ sinh nghĩa trang liệt sĩ ở các xã địa bàn vùng tuyển sinh **[H15-4.2-04]**. Tất cả HS đều hưởng ứng thực hiện tốt về an toàn giao thông và phòng tránh đuối nước, phòng cháy chữa cháy...; 100% HS có tinh thần phát huy truyền thống nhà trường. 100% HS được đánh giá kết quả học tập theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT và thông tư số: 22/2021/TT-BGDĐT (đối với HS khối 10 - năm học 2022 - 2023) **[H6-1.2-06]; [H2-1.8-03]**.

100% HS của trường được đảm bảo các quyền theo quy định Điều lệ trường Trung học. Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch phát triển giáo dục được Sở GD&ĐT Nghệ An phê duyệt, trường tuyển sinh các đối tượng HS cư trú tại địa bàn các xã vùng tuyển sinh và một số HS ở các xã lân cận có nhu cầu vào học theo nguyện vọng đã đăng kí. Qua các đợt kiểm tra định kỳ cuối học kì, cuối năm, căn cứ vào kết quả học tập của HS, Hiệu trưởng quyết định cho các em được lên lớp, thi lại, rèn luyện lại,... hoàn thành chương trình để chuyển lên lớp. Hàng năm, kết quả thi HS giỏi tỉnh và thi tốt nghiệp THPT của HS trường đạt kết quả khá cao so với các trường THPT trong huyện **[H6-1.2-06]; [H6-2.2-03]; [H9-2.4-02]**. Ngoài ra, hàng năm những HS nghèo vượt khó được các tổ chức, cá nhân, các bạn, các thầy cô giáo trong trường ủng hộ về tinh thần, vật chất để chia sẻ động viên, giúp các em có nghị lực vươn lên trong học tập và cuộc sống **[H12-4.2-02]; [H15-4.1-04]**. Nhà trường luôn quan tâm tạo điều kiện cho HS các sân chơi bổ ích để nâng cao về kiến thức văn hóa, năng khiếu, kĩ năng sống và trải nghiệm cho HS như: Các tiết sinh hoạt ngoại khóa, Rung chuông vàng, các cuộc thi sáng tạo KHKT, Câu lạc bộ khoa học, thi Cắm hoa nghệ thuật, vẽ tranh, làm báo tường, chế biến món ăn **[H2-1.8-03]; [H8-2.2-03]; [H15-5.3-02]**.

Mức 2:

Bên cạnh những HS tích cực, hàng năm vẫn còn những HS vi phạm nội quy, quy chế nhà trường, vi phạm an toàn giao thông,... Nhiều HS sinh ra trong gia đình đông con, điều kiện kinh tế hạn hẹp nên chưa có điều kiện đầu tư tốt cho việc học. Nhà trường, đặc biệt là đoàn trường đã kết hợp với giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh kịp thời phát hiện, ngăn chặn và có những biện pháp tích cực nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, nhất là việc hình thành, giáo dục nhân cách đạo đức cho HS. Đoàn trường THPT Bắc Yên Thành đã thành lập Đội xung kích theo dõi thi đua các hoạt động của HS, của từng lớp báo cáo cụ thể theo từng ngày, từng tuần để kịp thời nhắc nhở, uốn nắn các em HS vi phạm. Nhà trường đã thành lập Ban an ninh, tổ Giám thị là các giáo viên trẻ nhiệt tình, có kinh nghiệm để tăng cường giám sát HS. Các biện pháp đó đã mang lại hiệu quả giáo dục cao, nhà trường đã hạn chế số HS vi phạm các hành vi không được làm. Những hành vi mà HS thường vi phạm do đặc điểm lứa tuổi nhà trường đã áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực [H6-1.2-06]; [H8-2.4-03].

Mức 3:

Hàng năm, BGH nhà trường đã có nhiều biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục, đặc biệt là dạy học phân hóa trong từng tiết dạy [H11-2.4-01]. Thông qua dạy học phân hóa, nhà trường đã phát hiện và bồi dưỡng những HS có năng khiếu, tổ chức cho các em được tham gia một số sân chơi trí tuệ và các cuộc giao lưu cấp trường, cấp tỉnh như thi Tin học trẻ, thi Rung chuông vàng, thi KHKT cấp trường, cấp tỉnh, thi HS giỏi cấp trường, HS giỏi cấp tỉnh. Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2023-2024, nhà trường có nhiều HS tham gia và đạt giải các cuộc thi HS giỏi cấp tỉnh, thi KHKT [H9-2.4-02].

2. Điểm mạnh

Hàng năm công tác tuyển sinh được thực hiện tốt, BGH đã lập kế hoạch điều tra và nắm bắt tình hình chất lượng học sinh từ các trường trung học cơ sở, có học bổng cho học sinh thủ khoa, học sinh đạt học sinh giỏi lớp 9 để thu hút mũi nhọn. Học sinh được đảm bảo các quyền và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường Trung học. Không có HS mắc các tệ nạn xã hội và vi phạm kỷ luật nghiêm trọng, hầu hết HS tham gia một cách tích cực các hoạt động học tập, rèn luyện, hoàn thành kiến thức kỹ năng các môn học và các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một số ít HS vi phạm nội quy, quy định của nhà trường do các tác động không tốt từ môi trường xã hội; do diễn biến tâm lý lứa tuổi phức tạp; do điều kiện hoàn cảnh gia đình cũng như do sự phối hợp giáo dục giữa gia đình, nhà trường và xã hội có lúc chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường công tác phối hợp giữa Gia đình – Nhà trường – Xã hội để nâng cao chất lượng giáo dục, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho HS. Quan tâm những HS có ý thức học tập chưa cao để giúp các em ngày càng tiến bộ. Tạo môi trường học tập đa dạng cho HS với các sân chơi bổ ích để nâng cao về kiến thức văn hóa và kỹ năng sống, trải nghiệm như: Tổ chức các tiết sinh hoạt ngoại khóa vào sáng thứ 2 hàng tuần, Rung chuông vàng, làm ra các sản phẩm từ phế liệu sẵn có. Phát huy năng lực, năng khiếu HS như các cuộc thi sáng tạo KHKT, câu lạc bộ khoa học, thi cắm hoa nghệ thuật, vẽ tranh, làm báo tường, câu lạc bộ âm nhạc.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

- Những điểm mạnh nổi bật:

Cán bộ quản lý được bổ nhiệm đúng quy trình, đủ tiêu chuẩn và hoạt động có hiệu quả. Giáo viên đủ định biên 2.21 lên lớp, có đủ giáo viên dạy tất cả các môn học theo quy định. 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn. Cán bộ, giáo viên có ý thức trau dồi chuyên môn nghiệp vụ, tâm huyết với nghề, phẩm chất đạo đức tốt, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Số lượng nhân viên đảm bảo theo quy định. Đội ngũ nhân viên có trình độ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm. Các nhân viên làm việc nhiệt tình, có trách nhiệm, phẩm chất đạo đức, chính trị tốt, có ý thức tự học, tự bồi dưỡng trau dồi chuyên môn nghiệp vụ. 100% học sinh đi học đúng độ tuổi. Học sinh ngoan ngoãn, lễ phép với thầy giáo, cô giáo, thân thiện và tích cực, luôn thực hiện tốt quyền và nhiệm vụ của học sinh.

- Những điểm yếu cơ bản:

Ban giám hiệu đôi lúc xử lý công việc chưa thật cương quyết. Một số giáo viên nghỉ công tác dài hạn (sinh con, nuôi con nhỏ, ốm đau...) ảnh hưởng đến việc sắp xếp chuyên môn cho các tổ, nhóm. Trình độ tin học và ngoại ngữ của một số ít giáo viên vẫn còn hạn chế, dẫn đến tình trạng khó khăn trong việc tiếp cận với phương pháp giảng dạy tiên tiến, hạn chế khả năng nghiên cứu khoa học. Đa phần học sinh nhà xa trường, điều kiện kinh tế gia đình còn khó khăn nên ảnh hưởng đến việc học tập và rèn luyện.

- Tự đánh giá:

Số tiêu chí đạt mức 1: 04/04 (100%)

Số tiêu chí đạt mức 2: 04/04 (100%)

Số tiêu chí đạt mức 3: 04/04 (100%)

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường THPT Bắc Yên Thành xác định cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học chính là hai điều kiện quan trọng, đảm bảo cho nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục được giao. Chính vì vậy trong những năm qua nhà trường đã

tích cực phát triển và quản lý tốt cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh.

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, tường rào xây kiên cố bao quanh, có cổng trường, biển trường và xây dựng được môi trường xanh, sạch, đẹp; có sân chơi, bãi tập đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường có đủ khối phòng học, khối phòng bộ môn đảm bảo diện tích, ánh sáng, thoáng mát; bàn ghế học sinh vừa tầm theo độ tuổi; có phòng Đoàn và phòng truyền thống; có đủ khối phòng hành chính, khu để xe riêng biệt đủ sức chứa cho giáo viên và học sinh. Nhà trường có đủ nhà vệ sinh phục vụ riêng biệt của giáo viên và học sinh, riêng biệt cho nam và nữ, có hệ thống cấp thoát nước, nước uống, nước sinh hoạt đảm bảo vệ sinh. Việc thu gom rác thải được tiến hành hàng ngày. Trang thiết bị khá đủ để phục vụ dạy học, thực hành, nghiên cứu. Nhà trường có thư viện với nhiều loại sách, báo, tạp chí tạo điều kiện cho CBGVNV, học sinh đọc, tham khảo; các loại sách, báo, tạp chí được đầu tư khá nhiều về số lượng cũng như chủng loại phục vụ tốt nhu cầu bạn đọc.

Trong những năm qua, với sự cố gắng trong công tác xây dựng CSVC, mua sắm các trang thiết bị, nhà trường đã phát huy hiệu quả trong các hoạt động giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1

- a) *Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động.*
- b) *Có cổng trường, biển tên trường và hàng rào bao quanh.*
- c) *Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.*

Mức 2

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Tổng diện tích mặt bằng của trường là 52.955,6m² (29,65m²/học sinh) [H7-3.2-01]. Khu sân trường có trồng cây xanh thoáng mát đúng theo tiêu chuẩn. Trường có khuôn viên riêng biệt, có hàng rào bao quanh, có cổng trường và biển tên trường khang trang. Trường được thiết kế hợp lý, không gian rộng, sân chơi,

bãi tập đảm bảo diện tích cho học sinh vui chơi và tổ chức các hoạt động giáo dục; các đường đi, lối lại được bê tông hóa và lát gạch sạch sẽ an toàn. Trường đã có quy hoạch hiện tại và trong tương lai phù hợp với xu thế phát triển của nhà trường. Trên sân trường có nhiều cây cổ thụ tỏa bóng mát khắp sân trường; các bồn hoa, cây cảnh được bố trí hợp lí, đảm bảo yêu cầu về xanh - sạch - an toàn, thân thiện, thoáng mát **[H7-3.1-01]**. Trường có hàng rào bảo vệ có chiều dài 1117,73m, trong đó tường bao có chiều dài 1009,11m, tường phân cách với kí túc xá là 108,62m. Chiều cao tường rào cao 3m được xây dựng bằng vật liệu xi măng, cát đá,... bảo đảm an toàn. Cổng trường được xây dựng bằng chất liệu bê tông kiên cố, có cánh cổng chính rộng 5m, có 2 cánh cổng phụ rộng 1,5m bằng thép inox màu trắng chắc chắn an toàn. Cổng có mái che đổ bê tông đảm bảo đúng tiêu chuẩn, biển trường ghi bằng chữ rõ ràng, trang nhã, dễ đọc. Trên cổng trường có biển trường theo đúng tiêu chuẩn quy định của ngành và là cổng trường đạt chuẩn an toàn giao thông. Diện tích sân chơi 14.600m² (chiếm 27,57% tổng diện tích sử dụng của trường). Trường học có sân chơi, bãi tập rộng rãi và thoáng được trồng cây bóng mát, đảm bảo điều kiện cho học sinh vui chơi và sinh hoạt. Khu sân chơi của học sinh đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động học tập, vui chơi đảm bảo an toàn cho học sinh. Khu bãi tập của học sinh có đủ thiết bị tập luyện thể dục, thể thao, đảm bảo an toàn cho học sinh khi học tập cũng như vui chơi **[H15-3.1-03]; [H7-3.2-12]**.

Mức 2

Diện tích sân chơi rộng, bằng phẳng, sân học thể dục thể thao, giáo dục quốc phòng riêng biệt, nhiều cây bóng mát nên các hoạt động của học sinh được diễn ra thường xuyên và hiệu quả. Sân trường thường xuyên diễn ra các hoạt động vui chơi của học sinh như: trò chơi dân gian, múa hát, đá cầu, nhảy dây; tổ chức hoạt động tập thể, hoạt động kỷ niệm các ngày lễ hội. Bãi tập phù hợp và đảm bảo an toàn cho học sinh, là nơi để học sinh học và rèn luyện thể chất. Các tiết học thể dục, các buổi luyện tập thể thao diễn ra thường xuyên, sôi nổi và hiệu quả. Nhà trường đã có 01 nhà đa chức năng, 02 sân bóng chuyền, 03 sân bóng đá **[H5-3.1-02]; [H15-3.1-03]**.

Mức 3

Trường THPT Bắc Yên Thành nằm ở khu vực nông thôn có diện tích đạt 29,65m²/học sinh đảm bảo theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích 14.600m² (chiếm 27,57% tổng diện tích sử dụng của trường) **[H7-3.1-01]; [H5-3.1-02]; [H7-3.2-12]; [H15-3.1-03]**.

2. Điểm mạnh:

Khuôn viên của nhà trường đủ rộng, đảm bảo diện tích trên 26,88m²/học sinh; có cổng trường, biển trường, tường bao đúng quy định. Không gian rộng rãi, thoáng mát, nằm trên vị trí thuận lợi; môi trường thân thiện, đảm bảo cho các hoạt động giáo dục của nhà trường. Cảnh quan thiên nhiên xanh – sạch – đẹp, an toàn.

Sân chơi, bãi tập, thiết kế đúng quy định và được bố trí riêng biệt, đảm bảo cho học sinh hoạt động thường xuyên và hiệu quả.

Sân trường trồng nhiều cây xanh, cây cảnh đảm bảo vệ sinh và mỹ quan. Diện tích mặt bằng trường đạt chuẩn, có đủ sân chơi cho học sinh.

3. Điểm yếu:

Trường có sân chơi rộng, khu tập thể thao ngoài trời còn nắng, chưa có mái che, ảnh hưởng đến hoạt động vui chơi của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Trong năm học 2024 – 2025, nhà trường có kế hoạch cắt tỉa, bổ sung hoàn thiện hệ thống cây xanh trong trường tạo bóng mát, tổ chức thực tốt công tác vệ sinh và xây dựng trường học xanh - sạch - đẹp, phục vụ cho hoạt động vui chơi của học sinh.

Từ năm học 2024 – 2025, nhà trường có kế hoạch bố trí nguồn kinh phí hợp lý để bổ sung dụng cụ, sửa chữa, bảo trì sân chơi, bãi tập. Nhà trường có kế hoạch tham mưu với các cấp chính quyền để hỗ trợ nguồn kinh phí xây dựng thêm nhà đa chức năng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập

Mức 1

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày.

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định.

c) Có phòng hoạt động Đoàn, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh.

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Toàn trường có 42 phòng học, trong đó phòng học kiên cố 36, phòng học bán kiên cố 06 [H5-1.6-07]. Mỗi phòng được trang bị 01 bảng từ đủ kích thước và chất lượng; 4 bóng đèn đảm bảo đủ điều kiện về ánh sáng học tập cho học sinh; 04 quạt trần đảm bảo thoáng mát cho học sinh học tập khi nắng nóng; 01 quạt treo tường cho giáo viên đảm bảo quạt mát cho các thầy cô khi dạy; 01 máy chiếu (projector). Tất cả các trang thiết bị trong phòng học đảm bảo quy định của điều lệ trường trung học và quy định vệ sinh trường học của Bộ Y tế về khoảng cách từ bảng đến dãy bàn học sinh, âm thanh, độ sáng trong phòng học. Học sinh ngồi mọi vị trí trong lớp cũng có thể quan sát rõ chữ viết trên bảng. Mỗi phòng học được trang bị 12 bộ bàn ghế gỗ tự nhiên, chiều cao ghế ngồi và bàn học phù hợp khoảng cách và chiều cao của lứa tuổi, đảm bảo tư thế ngồi học thoải mái; 01 bộ bàn ghế giáo viên bằng gỗ tự nhiên, có khăn trải bàn và thước kẻ, trong phòng học có nước rửa tay cho giáo viên [H15-3.2-02].

Nhà trường có đủ phòng học, phòng học bộ môn theo quy định:

+ Phòng học: Tổng 42 phòng, cụ thể: Nhà B có 10 phòng; Nhà D có 18 phòng; Nhà E có 06 phòng; Nhà G có 08 phòng; Diện tích bình quân 47m²/phòng.

+ Phòng học bộ môn Công nghệ: 2 phòng; Phòng học bộ môn Tin học: 03 phòng; Phòng học bộ môn Ngoại ngữ: 02 phòng; Phòng đa chức năng: 01 phòng; Phòng học bộ môn Vật lý: 02 phòng; Phòng học bộ môn Hóa học: 02 phòng; Phòng học bộ môn Sinh học: 02 phòng; Phòng học bộ môn Khoa học xã hội: 01 phòng;

+ Phòng Thư viện: 01 phòng; Phòng Thiết bị giáo dục: 02 phòng; Phòng Tư vấn học đường: 01 phòng; Phòng truyền thống: 01 phòng; Phòng Đoàn thanh niên: 01 phòng.

Tất cả các phòng nêu trên đều được xây dựng trước năm 2011 và đã được chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An công nhận đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 1 (từ năm 2014 đến năm 2019) [H6-3.2-11].

Điều kiện làm việc: Các phòng học thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết, đảm bảo cho công tác dạy học; hệ thống điện đảm bảo, lắp đặt đầy đủ hệ thống đèn, hệ thống bảng biểu, các phòng đều kết nối internet; hệ thống bàn ghế đúng quy cách, có nội quy về việc sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất [H15-3.2-05].

Mức 2

Diện tích các phòng học cơ bản đạt tiêu chuẩn theo quy định. Cụ thể, diện tích trung bình mỗi phòng học là 47m². Hiện tại, nhà trường có đủ bàn ghế được thiết kế có kích thước phù hợp với học sinh. Mặt bàn, mặt ghế làm bằng gỗ tự nhiên, không bị cong vênh; chân bàn, chân ghế được làm bằng gỗ tự nhiên. Bàn có ngăn để đồ dùng học tập của học sinh [H7-3.2-12]. Diện tích các phòng học bộ môn đạt tiêu chuẩn theo quy định. Cụ thể diện tích mỗi phòng học thực hành bộ môn là 80m². Mỗi phòng học bộ môn được trang bị các loại bàn ghế, các thiết bị

phù hợp với từng bộ môn đảm bảo cho học sinh thực hành và học tập [H15-3.2-05].

Khối phục vụ học tập gồm: Thư viện và phòng đọc được bố trí phù hợp, đảm bảo thuận tiện trong quá trình tìm tài liệu và ngồi đọc cho giáo viên và học sinh. Đủ và đa dạng chủng loại sách tham khảo cho tất cả các bộ môn, các loại sách được ghi mã số theo quy định Thư viện. Phòng đọc được bố trí đủ bàn ghế để học sinh ngồi đọc, có ánh sáng và quạt mát đảm bảo sức khỏe [H15-3.2-07]; phòng thiết bị (04) với đầy đủ tranh ảnh mô phỏng, các loại bản đồ, mô hình dạy học sắp xếp theo khối bộ môn, loại thiết bị. Phòng thiết bị được bố trí hợp lí đảm bảo thuận tiện cho giáo viên mượn phục vụ giảng dạy [H15-3.2-08]; phòng truyền thống (01) là nơi lưu giữ, trưng bày các minh chứng phong phú về sự hình thành và quá trình phát triển của nhà trường trong 40 năm qua; hình ảnh Bác Hồ, Các Mác, Lê Nin; hình ảnh lãnh đạo trường qua các thế hệ; các loại bằng khen, giấy khen, cờ thi đua của trường; hình ảnh, bảng biểu về học sinh giỏi, chất lượng giáo dục, quang cảnh trường lớp qua các năm học,... Các minh chứng trong phòng truyền thống được sắp xếp khoa học, trang hoàng có tính thẩm mỹ cao. Phòng truyền thống là địa chỉ để các quan khách, phụ huynh, giáo viên và học sinh,... tham quan, tìm hiểu, học tập về sự thành lập, quá trình phát triển và truyền thống của nhà trường - ngôi trường THPT phía Bắc huyện Yên Thành [H15-3.2-04]. Phòng Đoàn thanh niên và phòng tư vấn học đường có đủ bàn ghế, không gian để hoạt động theo quy định [H15-3.2-10].

Mức 3

Nhà trường có đủ 42 phòng học, đảm bảo học 01 ca chính khóa vào buổi sáng. Có đủ các phòng học bộ môn, trang thiết bị đảm bảo cho học sinh thực hành và học tập. Phòng học bộ môn tiếng Anh được trang bị hệ thống tai nghe theo quy định, phòng học bộ môn tin học đảm bảo cho 1 HS/máy khi thực hành. Các phòng học bộ môn Vật lý, Hóa học, Sinh học và phòng học bộ môn Khoa học Xã hội có đầy đủ các thiết bị/tư liệu phù hợp với từng bộ môn khi học sinh đến học tập [H7-3.2-03]; [H15-3.2-02]; [H15-3.2-05].

2. Điểm mạnh:

Trường có đủ 01 phòng học/lớp, phòng học đúng quy chuẩn, trang trí đẹp. Hệ thống ánh sáng, quạt mát; bàn ghế giáo viên, học sinh đảm bảo đúng quy định. Có đầy đủ các phòng học bộ môn, khối phục vụ học tập đáp ứng đầy đủ các điều kiện dạy học các môn học.

Nhà trường luôn chú trọng việc bảo quản, tu sửa, mua sắm bổ sung CSVC nhằm đáp ứng yêu cầu công tác giáo dục của nhà trường. Học sinh có ý thức giữ gìn CSVC của lớp, của trường.

3. Điểm yếu:

Một số trang thiết bị dạy học đã mua sắm và qua sử dụng nhiều năm nên đã xuống cấp nhưng chưa được thay thế kịp thời, có 10 phòng học và một số phòng

học bộ môn được xây dựng đã lâu nên diện tích không đảm bảo theo quy định của TT13/2020/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025, làm tốt công tác huy động tài trợ giáo dục, tăng cường cơ sở vật chất để hoàn thiện trang thiết bị các phòng học đảm bảo theo quy định.

BGH có kế hoạch thường xuyên kiểm tra để nâng cao chất lượng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động giáo dục.

Hiệu trưởng chủ động tích cực huy động các nguồn tài trợ giáo dục, tham mưu với sở GD&ĐT Nghệ An, UBND huyện Yên Thành để có thêm kinh phí tu sửa các phòng học, phòng học bộ môn và mua sắm thêm, thay mới trang thiết bị phục vụ dạy và học. Đến năm học 2024 – 2025 và những năm học tiếp theo, nhà trường có hệ thống CSVC đảm bảo chất lượng cho dạy và học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường.

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- Nhà trường có đủ khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng yêu cầu tối thiểu cho các hoạt động của nhà trường [H15-3.3-01]; [H7-3.1-01]. Các phòng có đầy đủ các thiết bị tủ, bàn, ghế, máy tính kết nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu cho các hoạt động của nhà trường [H7-3.2-12]. Cụ thể:

+ Phòng Hiệu trưởng, Số lượng: 01 phòng. Diện tích 39,04m²/phòng, được trang bị đầy đủ các trang thiết bị theo quy định. Phòng Phó Hiệu trưởng, số lượng: 03 phòng, diện tích 24m²/phòng, được trang bị đầy đủ các trang thiết bị theo quy

định. Phòng Công đoàn, số lượng: 01 phòng, diện tích 24m²/phòng, được trang bị đầy đủ các trang thiết bị theo quy định. Phòng Văn thư, số lượng: 01 phòng, diện tích 24m²/phòng, được trang bị đầy đủ các trang thiết bị theo quy định; Phòng bảo vệ số lượng 01 phòng; Diện tích 18,91m²/phòng ở ngay cạnh cổng trường, được trang bị đầy đủ các trang thiết bị theo quy định. Phòng Kế toán, số lượng: 01 phòng, diện tích 24m²/phòng, được trang bị đầy đủ các trang thiết bị theo quy định.

+ Nhà trường có 01 phòng y tế diện tích 24m², được trang bị đầy đủ các trang thiết bị theo quy định có 01 cửa sổ, 01 cửa ra vào, 01 quạt trần, 02 bóng đèn, đủ sáng, thoáng mát và sạch sẽ vị trí thuận tiện, với 02 giường bệnh, có 01 tủ thuốc theo đúng quy định. Phòng y tế được trang bị 01 bộ máy tính, 01 bộ bàn ghế, 01 tủ đựng hồ sơ, thiết bị y tế thông thường. Tủ thuốc được trang bị đầy đủ các loại thuốc thiết yếu; có sổ quản lý, sổ kiểm tra và đôi chiếu xuất, nhập thuốc theo quy định [H15-3.3-01]; [H8-3.3-02].

- Hiện tại, nhà trường có 02 khu vực để xe: 01 khu vực để xe cho giáo viên và 01 khu vực để xe cho học sinh [H15-3.3-01].

+ Một nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, nhà để xe máy có diện tích 232,8m², khu vực để xe ô tô riêng. Nhà để xe được lợp mái tôn khung sắt, có tường chắn xung quanh, nền xi măng kiên cố, khu vực nhà để xe giáo viên, cán bộ, công nhân viên đều rộng rãi, kín kẽ, an toàn và thuận tiện.

+ Trường có 3 nhà để xe cho học sinh được lợp mái tôn khung sắt kiên cố, bố trí ở ba khu vực khá thuận tiện cho học sinh khi đưa xe vào và lấy xe ra. Nhà xe số 1 có diện tích 1156,4m²; Nhà xe số 2 có diện tích 206,4m²; Nhà xe số 3 có diện tích 228m². Tổng diện tích nhà xe của học sinh là 1590,8m² tính bình quân cho số lượng 50% đến 70% số học sinh gửi thì đạt 1,781m² – 1,273m²/1 xe, đảm bảo đúng theo quy định TT 13/2020/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Hệ thống nhà xe được bao bằng tường xây, được chia phần để xe theo lớp học đảm bảo thuận tiện cho học sinh đưa xe vào và lấy xe ra, có dây xích xe theo lớp và được khoá lại đầu buổi, diện tích nhà xe đủ cho học sinh để xe khi học 1 ca, vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, đảm bảo an toàn, trật tự và vệ sinh [H7-3.1-01]; [H15-3.3-03].

Hàng năm các thiết bị khối hành chính - quản trị được định kỳ sửa chữa, bổ sung, dựa trên báo cáo kiểm kê của ban cơ sở vật chất [H7-3.3-04].

Mức 2:

Nhà trường có đầy đủ các phòng khối hành chính - quản trị theo quy định. Các phòng làm việc được bố trí hợp lý tại dãy nhà 2 tầng rất tiện lợi và đúng quy định. Khối phòng hành chính trong nhà trường cơ bản đáp ứng được các yêu cầu tối thiểu trong các hoạt động hành chính. Khối phòng hành chính - quản trị được trang bị đảm bảo điều kiện về sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh. Cụ thể:

Phòng hiệu trưởng có 02 cửa sổ, 01 cửa ra vào, 02 quạt trần, 01 quạt cây, 02 điều hoà, 01 bộ bàn ghế tiếp khách, 01 bộ bàn ghế làm việc, 01 bộ bàn ghế máy tính, 01 bộ máy tính, máy in, tủ đựng hồ sơ.

Các phòng phó hiệu trưởng có 01 cửa sổ, 01 cửa ra vào, 01 quạt trần, 01 điều hoà, 01 bộ bàn ghế tiếp khách, 01 bộ bàn ghế làm việc, 01 bộ bàn ghế máy tính, 01 bộ máy tính, máy in, 02 tủ đựng hồ sơ.

Phòng kế toán, văn thư mỗi phòng có 01 cửa sổ, 01 cửa ra vào, 01 quạt trần, 01 điều hoà, 01 bộ bàn ghế tiếp khách, 01 bộ bàn ghế làm việc, 01 bộ bàn ghế máy tính, 01 bộ máy tính, máy in, 02 tủ đựng hồ sơ.

Phòng y tế, phòng công đoàn, phòng chi bộ, phòng bảo vệ đều được trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành. Các phòng đảm bảo đủ về diện tích, có nền lát gạch hoa, đều được bố trí ở các dãy nhà tầng, hệ thống chiếu sáng, quạt mát đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông, hệ thống cửa sổ, cửa ra vào được thiết kế phù hợp, an toàn. Các phòng đều có biển tên phòng, nội quy phòng và thiết bị, đồ dùng được sắp đặt, trang trí phù hợp với mục đích sử dụng. Hằng ngày, khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính được làm vệ sinh sạch sẽ [H7-3.2-12]; [H15-3.3-01].

Mức 3:

Khối phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị như máy tính, kết nối Internet 3 đường, máy in, hệ thống tủ đựng, bàn ghế được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường. Hệ thống 3 nhà xe học sinh đều được gắn camera giám sát an ninh [H7-3.2-12]; [H15-3.3-01].

2. Điểm mạnh.

Nhà trường có đủ các khối phòng hành chính - quản trị. Các khối phòng được trang bị đầy đủ các loại máy văn phòng phục vụ công tác, hoạt động của nhà trường.

Các phòng rộng rãi được bố trí hợp lý và thuận tiện trên cùng một dãy nhà 2 tầng, hệ thống phòng bảo vệ, nhà xe giáo viên và học sinh được bố trí hợp lý thuận lợi cho việc cất xe vào, lấy xe ra và công tác quản lý, bảo quản xe.

3. Điểm yếu

Hiện nay, nhu cầu sử dụng xe ô tô của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đã vượt qua khả năng đáp ứng chỗ đỗ xe nên vẫn còn tình trạng giáo viên phải đỗ xe ngoài khu vực nhà xe. Ngoài ra, nhu cầu sử dụng mạng trong các tiết dạy cũng ngày càng tăng nhưng kết nối chưa thật ổn định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhằm phát huy các điểm mạnh, nhà trường tiếp tục khai thác sử dụng các phòng quản trị - hành chính và hạng mục công trình đang còn khả năng đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng và hoạt động của nhà trường.

Để khắc phục các điểm yếu trên, trong năm học 2024 - 2025, nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch tu sửa cơ sở vật chất trình Sở Giáo dục và đào tạo cho phép xin tài trợ giáo dục (xã hội hóa giáo dục). Ban cơ sở vật chất xây dựng kế hoạch

tham mưu với nhà trường để bổ sung xây dựng thêm khu vực nhà để xe ô tô cho giáo viên và liên hệ với các nhà mạng để nâng cấp đường truyền mạng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có khu vệ sinh riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên: Gồm 1 khu vệ sinh chung ở Nhà hành chính gồm 2 phòng, có 3 bệ vệ sinh nữ, 4 ô đi tiểu nam và 2 bệ vệ sinh nam, 4 chậu rửa tay; tổng diện tích 30m², 01 khu nhà vệ sinh cho giáo viên ở cuối nhà B gồm 2 phòng, có 3 bệ vệ sinh nữ, 4 ô đi tiểu nam và 2 bệ vệ sinh nam, 4 chậu rửa tay; tổng diện tích 35m², tất cả các khu vệ sinh riêng cho cán bộ đều sạch sẽ đảm bảo vị trí kín đáo, thuận tiện [H15-3.4-01]. Khu vệ sinh gồm 03 nhà độc lập được bố trí phân chia khu vực nam và nữ riêng biệt; bố trí 2 phía Đông và Tây của trường mỗi nhà có 5 bệ vệ sinh, 20m máng tiểu, 6 chậu rửa tay cho nam và nữ; dãy nhà 3 tầng (nhà D) được bố trí 3 khu vệ sinh cho mỗi tầng gồm có 12 bệ xí và 6 chậu rửa tay thuận tiện cho học sinh khuyết tật sử dụng. Khu vực vệ sinh có tất cả 15 vòi nước rửa, các khu vực sân chơi bãi tập có vòi nước rửa hoạt động bình thường. Vị trí khu vệ sinh phù hợp với cảnh quan, an toàn có phần chỉ dẫn rõ ràng tương đối thuận tiện, có nội quy, có nhân viên vệ sinh sạch sẽ hằng ngày.

Nhà trường có hệ thống thoát nước đảm bảo không úng ngập về mùa mưa bão [H15-3.4-02]. Hệ thống thoát nước khoảng 300m mương có nắp đậy song song với chiều dài của sân trường đáp ứng yêu cầu thoát nước trong mùa mưa lũ.

Nguồn nước sạch để sử dụng là bể nước mưa có dung tích dự trữ khoảng 30m³. Ngoài ra nhà trường còn hợp đồng mua nước sạch đóng chai cung cấp cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nước uống đạt tiêu chuẩn [H15-3.4-03]; [H7-3.4-07]. Nguồn nước dùng để rửa và phục vụ vệ sinh tự hoại, phòng thí nghiệm,... lấy từ hệ thống nước Nông giang được lọc và đưa vào bể chứa của nhà trường, đáp ứng thường xuyên và đầy đủ nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H15-3.4-08].

Nhà trường có hệ thống thùng đựng rác, lò đốt rác và tổ chức cho học sinh thu gom, phân loại và xử lý rác thải hàng ngày [H15-3.4-01].

Mức 2:

Khu vệ sinh được xây dựng phù hợp với không gian của nhà trường, đảm bảo thuận tiện cho các hoạt động sinh hoạt, hoạt động giáo dục của nhà trường [H15-3.4-01].

Nhà trường đã có hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, đảm bảo theo quy định; việc thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế, rác thải của phòng thực hành thí nghiệm được xử lý cẩn thận và theo quy định, rác thải sinh hoạt hằng ngày được thu gom, phân loại và xử lý. Hệ thống cấp nước sạch cho học sinh đảm bảo đầy đủ và hợp vệ sinh [H15-3.4-01]; [H15-3.4-02]; [H15-3.4-03].

2. Điểm mạnh

Trường có công trình vệ sinh thuận tiện xây dựng ở vị trí hợp lý đó là phía sau trường và được phân chia thành 2 khu vực Đông, Tây và ở các tầng của dãy nhà D để rút ngắn khoảng cách đi lại cho HS, có nguồn nước sạch đủ đáp ứng cho yêu cầu cho giáo viên và học sinh; có hệ thống thoát nước đảm bảo; công tác vệ sinh môi trường được quan tâm thường xuyên nên khuôn viên nhà trường luôn sạch sẽ; có dịch vụ thu gom và xử lý rác hằng ngày.

3. Điểm yếu

Vào mùa hè, nguồn nước ngầm bị hạn chế ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng. Việc xử lý rác thải vẫn gặp khó khăn nhất định. Một số ít học sinh chưa có ý thức giữ gìn vệ sinh chung. Việc sử dụng nguồn nước đôi lúc còn lãng phí, hệ thống bệ vệ sinh chưa đủ theo tiêu chuẩn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh, sử dụng hợp lý nguồn nước cho học sinh. Thường xuyên tổ chức cho học sinh thu gom phân loại rác thải một cách hợp lý. Tiếp tục sử dụng có hiệu quả các công trình vệ sinh, hệ thống thoát nước, hệ thống nước sạch của nhà trường. Huy động các nguồn lực để xây dựng bổ sung thêm hệ thống bệ xí, nhà vệ sinh

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1

- a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;
- b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;
- c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;
- c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có đủ các thiết bị văn phòng phục vụ các hoạt động chung. Khu hiệu bộ được trang bị 09 máy tính, 07 máy in phục vụ công tác văn phòng, quản lý và giảng dạy [H7-3.2-03].

Thiết bị dạy học được cấp đầy đủ theo danh mục tối thiểu, đảm bảo khá tốt cho việc phục vụ hoạt động dạy và học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mỗi lớp được trang bị 01 máy chiếu. Có 03 phòng thực hành bộ môn: Hóa, Sinh - Công nghệ, Lý - Công nghệ. Mỗi phòng thực hành có một phòng kho đầy đủ giá, tủ xếp đặt; thiết bị, hóa chất để gọn gàng. Có 03 phòng thực hành Tin với 75 máy tính phục vụ dạy thực hành tin học, học nghề. Có 01 phòng Tiếng Anh đáp ứng các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Tính đến nay, trường có đủ thiết bị dạy học và đồ dùng dạy học bổ sung vào danh mục hàng năm. Tuy nhiên hiện có một số thiết bị cũng đã kém đi do thời gian, nhất là thiết bị tranh ảnh, máy tính cũ [H4-3.5-07]; [H7-3.2-03].

Kết thúc năm học, nhà trường kiểm kê lại toàn bộ đồ dùng dạy học để bảo quản, sửa chữa nếu hư hỏng. Nhà trường có kế hoạch bổ sung thiết bị đồ dùng dạy học cho năm học tới. Nhà trường dự toán các khoản tiền phục vụ cho công tác bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị, đồ dùng dạy học. Cán bộ quản lý phụ trách thiết bị dạy học và giáo viên chủ nhiệm thường xuyên sửa chữa, chỉnh trang thiết bị dạy học đảm bảo sử dụng bền lâu [H4-3.5-04]; [H5-3.5-03]; [H5-3.5-05].

Mức 2:

Hệ thống máy tính được kết nối mạng internet 100%, ngoài ra trường còn lắp đặt hệ thống đường mạng, Wifi phục vụ công tác giảng dạy và liên lạc qua hòm thư điện tử với phụ huynh học sinh như zalo nhóm lớp, facebook,...[H5-3.5-01]; [H5-3.5-02].

Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học phục vụ cho giảng dạy và học tập ở các môn học. Đồ dùng dạy học được sắp xếp ngăn nắp, khoa học trên các giá tủ theo từng bộ môn. Ngoài ra nhà trường còn có kho để đồ dùng dạy học dùng chung, đủ dụng cụ phục vụ thí nghiệm, tranh ảnh, mô hình phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên [H4-3.5-07].

Hằng năm, nhà trường kiểm kê, sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của việc đổi mới toàn diện [. Các tổ chuyên môn chủ động làm các đồ dùng dạy học để bổ sung vào danh mục các thiết bị dạy học cần thiết. Tuy nhiên một số ít thiết bị chưa đảm bảo chất lượng, sử dụng chưa hiệu quả H7-3.2-03]; [H4-3.5-04]; [H4-3.5-06].

Mức 3:

BGH giao các tổ chuyên môn chỉ đạo giáo viên đăng ký và sử dụng thiết bị dạy học đầy đủ theo kế hoạch, cán bộ phụ trách thiết bị lập hồ sơ ký nhận, ký trả rõ ràng, cụ thể, chính xác. Trong các giờ dạy, giáo viên luôn tích cực sử dụng thiết bị dạy học bao gồm cả đồ dùng dạy học được cấp phát và đồ dùng tự làm một cách hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường [H4-1.6-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường được trang bị đầy đủ thiết bị thực hành thí nghiệm, thiết bị dạy học hiện đại, hoạt động thường xuyên và hiệu quả. Có 2 phòng học bộ môn Hóa học và Sinh học được trang bị hiện đại, có hệ thống máy hút khí độc, các bàn học sinh được gắn các thiết bị điện tử, các phòng đều có tivi thông minh và máy tính kết nối internet. Có 42 phòng học được lắp đặt hệ thống ứng dụng CNTT máy chiếu được kết nối mạng. Công tác kiểm kê, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị được duy trì một cách thường xuyên. BGH nhà trường luôn quan tâm và chỉ đạo cho GV sử dụng TBDH hợp lí

3. Điểm yếu

Một số ít thiết bị thí nghiệm chưa đảm bảo chất lượng, sử dụng chưa hiệu quả. Phong trào tự làm đồ dùng dạy học của GV còn hạn chế. Một số máy tính đã cũ, dung lượng và cấu hình thấp nên chất lượng sử dụng chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 - 2025, nhà trường tiếp tục đầu tư kinh phí mua bổ sung thêm thiết bị, máy tính, đồ dùng dạy - học, nhất là các thiết bị dạy học theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Các tổ chuyên môn tổ chức nhiều chuyên đề về sử dụng thiết bị trong dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục khác.

Hằng năm, nhà trường tiếp tục tổ chức phong trào làm đồ dùng dạy học; động viên, khuyến khích, khen thưởng kịp thời những cá nhân có nhiều đồ dùng đảm bảo chất lượng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 3.6: Thư viện.

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường.

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh.

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện nhà trường đạt thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Trường có 01 thư viện với tổng diện tích sử dụng là 100m², gồm 01 phòng đọc cho học sinh và giáo viên, 01 kho sách. Thư viện có đủ các trang thiết bị chuyên dùng và được bố trí hợp lý. Hồ sơ, sổ sách, bàn ghế, quạt mát, ánh sáng của thư viện đầy đủ theo quy định. Thư viện có bảng nội quy, có tủ mục lục để tra cứu, có bản hướng dẫn giáo viên, học sinh sử dụng tài liệu. Thư viện nhà trường được bố trí hợp lý ở tầng 1 nhà C, là khu vực nhà học chức năng tách biệt các lớp học. Hiện tại thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của BGD&ĐT

về việc ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông. Hàng năm, nhà trường luôn chú trọng đầu tư kinh phí mua bổ sung sách giáo khoa, tài liệu tham khảo theo hướng dẫn. Do vậy 100% giáo viên, học sinh đã có đủ sách giáo khoa, sách giáo viên phục vụ cho việc giảng dạy và học tập [H3-3.6-03].

Số đầu sách và tài liệu của Thư viện:

STT	Loại	Số lượng
1	Sách giáo khoa	2924 cuốn
2	Sách nghiệp vụ	1944 cuốn
3	Sách tham khảo	7208 cuốn
4	Băng đĩa	30 cái
5	Báo	Có 04 đầu báo
6	Tạp chí	Có 05 loại tạp chí

Nhà trường có 01 cán bộ thư viện luôn nhiệt tình trong công việc. Thư viện luôn đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu dạy và học của giáo viên và học sinh. Hoạt động của thư viện trong những năm qua luôn thực hiện tốt các chức năng chủ yếu: Giới thiệu sách, tổ chức đọc sách báo, thi kể chuyện theo sách. Các loại sách, báo, tài liệu tham khảo được sắp xếp khoa học, tiện cho việc tra cứu của giáo viên, học sinh cũng như sự quản lý của cán bộ thư viện. Có đầy đủ các loại hồ sơ, sổ sách để theo dõi hoạt động của thư viện như: sổ đăng ký tổng quát, sổ đăng ký cá biệt, sổ đăng ký sách giáo khoa, sổ theo dõi mượn sách báo của giáo viên và học sinh [H3-3.6-04].

Đầu năm học, cán bộ thư viện xây dựng Kế hoạch hoạt động của thư viện trình Hiệu trưởng xem và ký duyệt [H3-3.6-02]. Đồng thời, thông qua các công văn hướng dẫn, các văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo để tham mưu với Hiệu trưởng đăng ký mua bổ sung thêm các loại sách và tài liệu cho thư viện [H3-3.6-01]; [H3-3.6-03]. Cuối năm học, cán bộ thư viện làm báo cáo tổng kết công tác hoạt động, tiến hành kiểm kê tài sản định kỳ, giúp nhà trường và cán bộ thư viện nắm rõ số lượng tài liệu hiện có, phát hiện sai sót trong các khâu xử lý nghiệp vụ, phát hiện kịp thời tài liệu hư hỏng, mất mát để có kế hoạch đề xuất thanh lý và bổ sung tài liệu cho năm học mới [H7-3.2-03]; [H3-3.6-05].

Mức 2:

Năm học 2014 - 2015 đến nay, thư viện đạt Thư viện trường học đạt chuẩn theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông. Một số trang thiết bị chuyên dụng cho hoạt động thư viện được trang bị đầy đủ; nhân viên phụ trách công tác thư viện nhiệt tình, chăm lo chuyên môn [H3-3.6-01].

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt thư viện trường học tiên tiến. Nhà trường đã trang bị máy tính có kết nối Internet và Website của trường tại phòng đọc thuận lợi cho giáo viên, học sinh nghiên cứu, khai thác tài liệu, ứng dụng công nghệ thông tin. Thư viện có hệ thống phần mềm quản lý sách giúp cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh tra cứu sách nhanh chóng, chính xác [H3-3.6-05]; [H15-3.2-07].

2. Điểm mạnh:

Thư viện nhà trường được trang bị đầy đủ các loại sách, báo, tạp chí đáp ứng nhu cầu đọc sách, nghiên cứu, dạy và học của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh. Hồ sơ, sổ sách thư viện đầy đủ, khoa học.

Hàng năm nhà trường đều tiến hành kiểm kê, thanh lý và đề xuất bổ sung sách báo, tài liệu cho thư viện.

Nhà trường quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi để thư viện ngày càng phát triển, phục vụ tốt công tác dạy và học. Đặc biệt luôn quan tâm công tác tuyên truyền, xây dựng phong trào, thói quen đọc sách cho giáo viên, học sinh.

3. Điểm yếu:

Số giáo viên và học sinh mượn sách chưa nhiều, phong trào đọc sách báo ở một số học sinh còn hạn chế.

Số máy tính được kết nối Internet ở thư viện còn ít chưa đáp ứng hết nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên và học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2024 – 2025, tiếp tục tuyên truyền cho giáo viên, học sinh tích cực hưởng ứng và tham gia phong trào đọc sách ở Thư viện nhà trường. Từng bước hiện đại hóa, tạo điều kiện để giáo viên và học sinh khai thác tối đa nguồn sách có trong thư viện.

Hàng năm huy động các nguồn lực từ các tổ chức xã hội, cựu học sinh và các nguồn ngân sách khác để mua sắm hệ thống máy tính, tài liệu bổ sung cho thư viện. Nhà trường tạo điều kiện về thời gian để cán bộ phụ trách thư viện được thường xuyên tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu hoạt động thư viện trong tình hình hiện nay.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Những điểm mạnh nổi bật:

Diện tích khuôn viên đảm bảo; trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác cơ bản đáp ứng được nhu cầu giảng dạy, học tập. Trường có đủ phòng học để bố trí 01 lớp/phòng, các phòng học đều có máy chiếu, đảm bảo bàn ghế, chỗ ngồi đúng quy định, đáp ứng yêu cầu học tập của học sinh.

Thư viện đã thực hiện tốt chức năng cung cấp, quản lý tài liệu, tư liệu tham khảo phục vụ hiệu quả nhu cầu mượn, đọc sách và nâng cao hiệu quả hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giáo viên và học sinh. Hiện nay các máy vi tính được nối mạng Internet tạo điều kiện cho cán bộ quản lý và giáo viên khai thác tài liệu, cập nhật thông tin.

- Những điểm yếu cơ bản:

Một số ít trang thiết bị do sử dụng lâu năm nên bị hư hỏng cần được sửa chữa, thay thế và bổ sung.

- Tự đánh giá:

Số tiêu chí đạt mức 1: 06/06 (100%)

Số tiêu chí đạt mức 2: 06/06 (100%)

Số tiêu chí đạt mức 3: 04/05 (80%)

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Mở đầu:

Để hoạt động giáo dục của trường học đạt hiệu quả cao, ngoài sự phấn đấu nỗ lực của các lực lượng trong nhà trường còn cần sự phối hợp hiệu quả với gia đình và xã hội. Do đó quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội có tầm quan trọng to lớn trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục của nhà trường.

Trong những năm qua, trường THPT Bắc Yên Thành đã làm tốt công tác phối hợp hoạt động giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Đầu mỗi năm học, nhà trường đã tổ chức Hội nghị phụ huynh học sinh để cử Ban đại diện CMHS trường và thống nhất kế hoạch hoạt động giáo dục. Ban đại diện CMHS của nhà trường được tổ chức và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện CMHS do Bộ GD&ĐT ban hành, hỗ trợ đắc lực nhà trường trong hoạt động khuyến học, khuyến tài, tài trợ giáo dục để xây dựng cơ sở vật chất, hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt kế hoạch năm học. Nhà trường luôn chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương để huy động nguồn lực xây dựng nhà trường và môi trường giáo dục, thường xuyên tranh thủ sự ủng hộ của các cá nhân, tổ chức để xây dựng cơ sở vật chất và hỗ trợ các hoạt động khác nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh. Nhà trường đã phối hợp với các tổ chức, đoàn thể để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc cho học sinh; tổ chức các hoạt động chăm sóc di tích lịch sử, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ gia đình có công với cách mạng, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, kỹ năng sống cho học sinh.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường triển khai tổ chức họp cha mẹ học sinh để bầu Ban đại diện cha mẹ học sinh của từng lớp, bầu ra Ban đại diện CMHS cấp trường và xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể. Ban đại diện CMHS thành lập gồm 3 thành viên gồm 01 hội trưởng, 01 hội phó, 01 ủy viên và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh ban hành kèm theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ GD&ĐT [H10-4.1-01]; [H10-4.1-03].

Ban đại diện CMHS triển khai thực hiện kế hoạch đầy đủ, phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương, thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền và trách nhiệm của Ban đại diện CMHS [H10-4.1-02].

Hằng năm, Ban đại diện CMHS đã tổ chức 03 cuộc họp định kỳ và các cuộc họp đột xuất (khi có việc cần thiết) để tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục học sinh, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh, góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện CMHS. Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện CMHS được thực hiện đúng tiến độ [H10-4.1-02]; [H10-4.1-03].

Mức 2:

Ban đại diện CMHS đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục được thống nhất tại cuộc họp đầu năm của Ban đại diện CMHS [H10-4.1-03]; [H10-4.1-05]. Thường xuyên trao đổi với nhà trường, giáo viên chủ nhiệm lớp, cha mẹ học sinh về tình hình giáo dục học sinh và các biện pháp phối hợp trong công tác giáo dục, cùng tham gia các hoạt động trải nghiệm; khen thưởng khuyến khích học sinh đạt học sinh tiên tiến, học sinh giỏi cấp trường, cấp Tỉnh, học sinh đạt giải trong các cuộc thi khoa học kỹ thuật và các cuộc thi khác,...[H15-4.2-02]. Ngoài ra, Ban đại diện CMHS cũng thường xuyên phối hợp với nhà trường hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh [H7-5.5-02]; thăm hỏi,

động viên, giúp đỡ những học sinh ốm đau, những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh hòa nhập, vận động các em đến trường. Tuy nhiên việc phối hợp với ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp để nắm bắt tình hình đôi khi còn chậm. Một số ít thành viên ban đại diện cha mẹ học sinh lớp hoạt động chưa đều tay. Trong một số buổi họp, một số ít thành viên ban đại diện cha mẹ học sinh tham gia họp chưa đầy đủ [H8-5.2-03]; [H15-4.1-04].

Mức 3:

Ban đại diện CMHS trường đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS [H10-4.1-05]. Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp cha mẹ học sinh đầu năm học [H10-4.1-01]. Chuẩn bị các cuộc họp của Ban đại diện cha mẹ học sinh và cuộc họp cha mẹ học sinh, tổ chức việc thu thập nguyện vọng và kiến nghị của cha mẹ học sinh. Hàng năm, Ban đại diện CMHS phối hợp với nhà trường giáo dục đạo đức cho học sinh, khuyến khích học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu kém, học sinh có hoàn cảnh khó khăn...; tuyên truyền phổ biến các chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh [H10-4.1-02]; [H15-4.1-04]. Ban đại diện CMHS trường luôn là cầu nối giúp nhà trường trong việc tư vấn, huy động các lực lượng trong toàn xã hội, CMHS tham gia công tác tài trợ giáo dục, xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường, phối hợp với các tổ chức xã hội xây dựng môi trường xanh – sạch – đẹp, quản lý học sinh học ở nhà. Các hoạt động của Ban Đại diện CMHS được các cấp kiểm tra đánh giá thường xuyên nhất là việc thực hiện các khoản thu chi theo quy định [H5-1.6-08]; [H10-4.1-01].

2. Điểm mạnh:

Ban đại diện CMHS trường, lớp hoạt động theo Điều lệ của Ban đại diện CMHS. Ban đại diện CMHS luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao. Trong quá trình hoạt động, Ban đại diện CMHS có sự phối hợp chặt chẽ với nhà trường và xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ giáo dục toàn diện cho học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh phân công công việc hợp lý cho từng thành viên và có kế hoạch hoạt động cụ thể đồng thời có đầy đủ các loại hồ sơ. Ban đại diện cha mẹ học sinh thường xuyên tham mưu, hỗ trợ về nhân lực, tài chính cho nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ngoài ra, Ban đại diện CMHS còn hỗ trợ kinh phí để khích lệ tinh thần học tập của học sinh trong các hội thi, các hoạt động học tập, phát thưởng cho học sinh khá giỏi, học sinh nghèo vượt khó.

3. Điểm yếu:

Việc phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp để nắm bắt tình hình học sinh ở các lớp đôi khi còn chậm. Một số ít thành viên Ban đại diện cha mẹ học

sinh lớp hoạt động chưa đều tay. Trong một số buổi họp, một số ít thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh tham gia họp chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Ban đại diện CMHS cần tiếp tục phát huy vai trò, trách nhiệm của mình để nâng cao hiệu quả hoạt động: tăng cường sự phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm với Ban đại diện CMHS lớp; tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường và chính quyền địa phương để nâng cao hiệu quả công tác giáo dục.

Trong năm học 2024-2025, Ban đại diện CMHS trường và Ban đại diện CMHS lớp xây dựng kế hoạch tuyên truyền phổ biến pháp luật, chính sách, chủ trương giáo dục hiệu quả đến tất cả phụ huynh trong nhà trường. Duy trì và tăng cường sự phối hợp giữa Ban đại diện CMHS với nhà trường. Lựa chọn và bầu Ban đại diện Hội cha mẹ học sinh các lớp và Hội cha mẹ học sinh của nhà trường là những người có điều kiện về thời gian, nhiệt tình, trách nhiệm để tham gia hoạt động hội họp và các hoạt động khác hiệu quả hơn.

Từ năm học 2024- 2025, nhà trường ký cam kết chuẩn đầu ra mức tối thiểu chất lượng giáo dục với phụ huynh và công bố công khai kết quả giáo dục đạt được để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và giám sát, đồng thời lấy ý kiến bằng phiếu kín về mức độ hài lòng của phụ huynh đối với giáo viên, nhà trường để điều chỉnh kế hoạch hoạt động kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí: 4.2. Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường luôn chủ động tham mưu với Huyện ủy, UBND huyện Yên Thành và Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An các giải pháp về phát triển quy mô trường lớp, xây dựng cơ sở vật chất, công tác quản lý học sinh để tổ chức thực hiện tốt kế hoạch giáo dục [H6-1.1-02].

Nhà trường luôn chú trọng việc tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Hoạt động đó được thực hiện bằng những hình thức phong phú, linh hoạt (thông qua các văn bản hoạt động, các lễ hội, sự kiện hàng năm của nhà trường [H15-4.2-01]; [H6-1.1-02]).

Nhà trường đã huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức cá nhân để phục vụ tốt cho công tác dạy học như: xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thêm phương tiện, thiết bị dạy học [H6-1.1-02]; khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn có ý chí vươn lên đạt nhiều thành tích trong học tập [H15-4.2-05]; [H12-4.2-02].

Mức 2:

Nhà trường đã tham mưu cho UBND huyện Yên Thành, UBND tỉnh Nghệ An hỗ trợ tu sửa, xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị dạy học, tạo được môi trường học tập khang trang, hiện đại, góp phần thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H6-1.1-02].

Hằng năm, thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, nhà trường đã làm tốt công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục toàn diện cho học sinh. Qua các hình thức học tập phong phú, nhà trường đã phối hợp với các tổ chức, đoàn thể giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, lối sống, pháp luật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh [H15-4.2-03]. Nhà trường chú trọng phối hợp hoạt động để giáo dục cho học sinh về an toàn giao thông, phòng chống dịch bệnh, phòng chống cháy nổ,...[H7-1.10-08]. Nhà trường đã phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân để chăm sóc các Địa chỉ đỏ trên địa bàn tuyển sinh của trường như Đài Tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ ở các xã Lãng Thành, Hậu Thành,...; các Di tích lịch sử - văn hóa như Nhà Thờ Trạng Nguyên Bạch Liêu, Nhà Thờ Họ Hồ, nhà thờ Tiến sĩ Trần Đình Phong,... [H15-4.2-04]. Nhà trường cùng phối hợp với các tổ chức, cá nhân để chăm sóc các gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng [H15-4.2-05].

Mức 3:

Nhà trường thường xuyên tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để xây dựng trường ngày càng lớn mạnh [H6-1.1-01]. Bên cạnh đó, nhà trường đã phối hợp tốt với các tổ chức trên địa bàn như công an, Đoàn thanh niên các xã phía Bắc để tổ chức tuyên truyền, giáo dục đạo đức cho đoàn viên, thanh niên; thực hiện các công trình, phần việc thiện nguyện,... xây dựng nhà trường trở thành trung tâm giáo dục, trung tâm văn hóa của địa phương [H7-1.10-03]; [H15-4.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền về các giải pháp phát triển quy mô trường lớp, xây dựng cơ sở vật chất để tổ chức thực hiện tốt kế hoạch giáo dục; thường xuyên tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; tổ chức, huy động và sử dụng có hiệu quả và đúng quy định các nguồn lực tự nguyện của tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất, trang bị thêm phương tiện, thiết bị dạy học; khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập. Nhà trường đã phối hợp hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

3. Điểm yếu:

Công tác phối hợp giữa nhà trường với các nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn trong việc giáo dục học sinh chưa được nhiều do những điều kiện chủ quan cũng như điều kiện khách quan.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục chủ động tham mưu với UBND huyện Yên Thành, Sở GD&ĐT Nghệ An về các giải pháp xây dựng cơ sở vật chất để tổ chức thực hiện tốt kế hoạch giáo dục. Tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường với các nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn trong việc giáo dục học sinh một cách toàn diện. Thường xuyên tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục. Huy động và sử dụng có hiệu quả và đúng quy định các nguồn lực tự nguyện của tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thêm phương tiện, thiết bị dạy học,... để hỗ trợ hoạt động giáo dục. Hàng năm, nhà trường công bố chuẩn đầu ra mức tối thiểu chất lượng giáo dục và kết quả đạt được với cấp ủy Đảng và chính quyền xã để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và giám sát, phản biện.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 4:

- Những điểm mạnh nổi bật:

Công tác phối hợp hoạt động giữa nhà trường, gia đình và xã hội đã được triển khai và thực hiện hiệu quả. Nhà trường đã thiết lập được mối quan hệ với chính quyền và các tổ chức đoàn thể ở địa phương để tuyên truyền và thực hiện tốt nhiệm vụ năm học, giáo dục học sinh về truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc; chăm sóc các di tích lịch sử, các công trình văn hóa, chăm sóc các gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng; tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và kỹ năng sống, tạo môi trường học tập an toàn, lành mạnh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện CMHS hoạt động hiệu quả. Ban đại diện CMHS có sự phối hợp chặt chẽ với nhà trường và xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ giáo dục cho học sinh. Nhà trường luôn chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền: phối hợp hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân huy động tốt các nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học và tổ chức tốt công tác khuyến tài, khuyến học. Nhà trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể địa phương để xây dựng trường trở thành trung tâm giáo dục, trung tâm văn hóa khu vực phía Bắc huyện Yên Thành.

- Những điểm yếu cơ bản:

Công tác phối hợp hoạt động giữa nhà trường, gia đình và xã hội mặc dù đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận nhưng vẫn còn tồn tại những hạn chế cần khắc phục. Việc phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh để nắm bắt tình hình học sinh ở các lớp đôi khi còn chậm. Một số thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp hoạt động chưa đều tay. Công tác phối hợp giữa nhà trường với các nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn trong việc giáo dục học sinh chưa được nhiều do những điều kiện chủ quan cũng như điều kiện khách quan. Việc đánh giá, tổng kết hoạt động hàng năm về công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân còn chưa thật cụ thể.

- Tự đánh giá:

Số tiêu chí đạt mức 1: 02/02 (100%)

Số tiêu chí đạt mức 2: 02/02 (100%)

Số tiêu chí đạt mức 3: 02/02 (100%)

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024, Trường THPT Bắc Yên Thành đã thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch giáo dục của Bộ GD&ĐT quy định. Hàng năm, Ban giám hiệu đã chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với chủ trương chung và điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương.

Căn cứ vào Chương trình giáo dục phổ thông và khung thời gian năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch, thời khoá biểu để chỉ đạo điều hành hoạt động dạy

và học. Trên cơ sở đó, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, các tổ chức đoàn thể, cá nhân xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục một cách cụ thể, khoa học, theo đúng quy định ngay từ đầu năm học. Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém. Thông qua các hoạt động văn nghệ, TDTT, sinh hoạt câu lạc bộ, NGLL, ngoại khóa, trải nghiệm và hướng nghiệp,... để giáo dục và rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. Thực hiện việc đánh giá, xếp loại học sinh hàng năm chính xác, khách quan, nghiêm túc theo quy chế. Tỷ lệ lên lớp, tốt nghiệp THPT, tỉ lệ vào Đại học ngày càng tăng.

Trong 5 năm qua, Trường THPT Bắc Yên Thành đã bám sát theo quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT Nghệ An, trên cơ sở linh hoạt phù hợp với đối tượng học sinh, điều kiện thực tế của nhà trường để tiến hành các hoạt động giáo dục, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ, giữ vững chất lượng giáo dục của trường. Cùng với đó, sự phối hợp nhịp nhàng, nhuần nhuyễn giữa các tổ chức trong và ngoài nhà trường đã phát huy hiệu quả.

Tuy nhiên, do trường đóng trên địa bàn các xã thuần nông khu vực phía Bắc huyện Yên Thành nên vẫn còn những khó khăn về cơ sở vật chất. Hàng năm, sau mỗi học kỳ, năm học, nhà trường tiến hành sơ kết, tổng kết các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy và học nhưng sự phân tích đánh giá chưa thật sự sâu sắc và cụ thể. Để khắc phục những hạn chế trên, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, từng ngày nỗ lực, phấn đấu để đạt được kết quả giáo dục tốt nhất.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục.

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh.

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Căn cứ vào các công văn chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT Nghệ An và đặc điểm tình hình thực tiễn, Ban giám hiệu nhà trường có kế hoạch chuyên môn cụ thể cho từng năm học, từng học kỳ, từng tháng [H9-5.1-01]. Đồng thời chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch GD môn học của tổ, nhóm [H2-1.4-03]. Nhà trường đã tổ chức dạy học đủ môn theo quy định của Bộ GD&ĐT. Ngoài ra, các hoạt động giáo dục như giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục trải nghiệm hướng nghiệp, giáo dục địa phương được nhà trường thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng mục tiêu giáo dục [H8-1.8-03]; [H2-1.8-02]. 100% giáo viên đều có kế hoạch giáo dục và thực hiện quy chế năm học theo quy định [H11-5.1-02].

Nhóm chuyên môn và giáo viên xây dựng các kế hoạch bài dạy vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện thực tế của nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức liên môn, vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống trong thực tiễn [H11-5.1-08]. Bên cạnh các hoạt động chuyên môn thường niên như: sinh hoạt chuyên môn theo NCBH, báo cáo chuyên đề cấp tổ ... trường còn đặc biệt quan tâm đến việc vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, dạy học dự án, STEM nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh [H2-1.4-04]. Hàng năm, công tác viết sáng kiến kinh nghiệm của giáo viên luôn được chú trọng nhằm chia sẻ những kinh nghiệm trong vận dụng, tổ chức các phương pháp dạy học mới, tích cực. Nhiều sáng kiến kinh nghiệm đạt bậc 3, bậc 4 cấp ngành, sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh [H8-5.3-03]. Để nâng cao chất lượng, đổi mới phương pháp dạy học, hàng năm nhà trường đều tập trung xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung thêm thiết bị, đồ dùng dạy học và tổ chức các cuộc thi cho giáo viên như hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường [H7-3.3-04]; [H9-5.1-04]. Cuối mỗi học kỳ và năm học, các cá nhân, tổ chuyên môn, nhà trường đều tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch giảng dạy nghiêm túc, trung thực, khách quan [H6-1.2-06]; [H2-1.4-04]. Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh được đánh giá cập nhật kịp thời, nghiêm túc, đúng tiến độ thông qua sổ theo dõi và đánh giá học sinh, phần mềm Vnedu [H1-1.5-04]; [H11-5.1-09]. Kết quả đó không chỉ là căn cứ để đánh giá, xếp loại sự tiến bộ mà còn là động lực để học sinh vượt khó vươn lên trong học tập và rèn luyện.

Hình thức kiểm tra và đánh giá HS được thực hiện đa dạng phù hợp với đặc trưng yêu cầu của từng bộ môn, phù hợp với năng lực của học sinh như đánh giá thường xuyên đối với học sinh, đánh giá ý thức học tập trên lớp, đánh giá qua hồ sơ học tập, đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập,

báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập,... Trong kiểm tra đánh giá định kì học sinh, nhà trường và các tổ chuyên môn đã thống nhất hình thức kiểm tra đánh giá và xây dựng ma trận, bản đặc tả theo các mức độ một cách khoa học, kết hợp tự luận và trắc nghiệm khách quan (với hình thức trắc nghiệm không quá 70% theo quy định). **[H2-1.4-04]**.

Mức 2:

Kế hoạch hoạt động giáo dục tổ, nhóm chuyên môn đều được Hội đồng trường phê duyệt vào đầu năm học **[H2-1.4-03]**; **[H2-1.8-02]**. Ban chuyên môn nhà trường tiến hành kiểm tra thường xuyên việc thực hiện tiến độ chương trình qua sổ đầu bài, vào điểm trên Vnedu. Chương trình kế hoạch giáo dục môn học được thực hiện đầy đủ, đúng thời gian **[H1-1.8-05]**; **[H1-1.5-04]**; **[H9-5.1-03]**. Các bộ môn đều thực hiện lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh. Tuy nhiên từ năm học 2022 – 2023, việc thực hiện chương trình GDPT 2018 còn gặp nhiều khó khăn do yêu cầu về CSVC, trang thiết bị dạy học. Một số ít GV chưa thật tích cực trong đổi mới phương pháp dạy học, còn hạn chế trong việc sử dụng công nghệ thông tin. Công tác tổ chức phụ đạo cho học sinh yếu, kém, học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện chưa có các giải pháp cụ thể cho từng học sinh yếu kém. **[H11-5.1-08]**.

Từ năm học 2019 – 2020 đến năm học 2023 - 2024, nhà trường đều tổ chức thi học sinh giỏi cấp trường phát hiện sớm nhân tố để bồi dưỡng học sinh giỏi cấp tỉnh **[H9-2.4-02]**. Giáo viên các bộ môn phát hiện năng lực đặc biệt của từng học sinh, phối hợp với Đoàn trường, hướng dẫn học sinh thành lập và hoạt động tại các câu lạc bộ như câu lạc bộ Tiếng Anh, câu lạc bộ âm nhạc...**[H8-5.1-06]**. Không chỉ bồi dưỡng các học sinh có năng khiếu về các môn văn hoá, nhà trường còn chú trọng bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về các lĩnh vực khoa học - kĩ thuật, thể dục - thể thao và đạt kết quả cao trong các Hội thi hội khỏe phù đồng của tỉnh Nghệ An **[H8-5.2-03]**; **[H8-2.2-02]**. Các nhóm, lớp phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện được tổ chức bằng nhiều hình thức khác nhau như dạy trực tuyến, dạy học trực tiếp vào sau giờ học thêm hoặc trong ngày chủ nhật, lập nhóm Zalo,... để hỗ trợ các em trong học tập nhằm góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng giáo dục của nhà trường **[H2-1.8-02]**; **[H11-5.1-02]**.

Mức 3 :

Từ năm học 2019 - 2020, sau mỗi học kỳ, năm học, Ban giám hiệu, tổ, nhóm chuyên môn, giáo viên bộ môn dựa vào kết quả giáo dục để rà soát, phân tích, đánh giá sự hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh cũng như rút ra những kinh nghiệm trong công tác giảng dạy. Tuy nhiên việc phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục

nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên và học sinh chưa sâu sắc và cụ thể [H2-5.2-01]; [H6-1.2-06]; [H9-5.1-03]; [H2-1.4-04].

2. Điểm mạnh:

Ban giám hiệu, tổ, nhóm chuyên môn, giáo viên đã xác định đúng mục tiêu từ đó xây dựng được kế hoạch giáo dục khoa học, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, nhà trường. Kế hoạch nhà trường được xây dựng đảm bảo tính kế thừa và phát triển. Kết quả giáo dục của nhà trường ngày càng được nâng cao

3. Điểm yếu:

Việc thực hiện chương trình GDPT 2018 còn gặp nhiều khó khăn do yêu cầu về CSVC, trang thiết bị dạy học. Một số ít GV chưa thật tích cực trong đổi mới phương pháp dạy học, còn hạn chế trong việc sử dụng công nghệ thông tin. Công tác tổ chức phụ đạo cho học sinh yếu, kém, học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện chưa có các giải pháp cụ thể cho từng học sinh yếu kém. Hàng năm, việc rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên và học sinh đã được chú trọng nhưng sự phân tích, đánh giá chưa sâu sắc và cụ thể.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Để góp phần nâng cao hiệu quả công tác giáo dục học sinh, từ năm học 2023 - 2024, cần tăng cường sự phối hợp nhịp nhàng hơn giữa giáo viên bộ môn với giáo viên chủ nhiệm, giữa nhà trường với phụ huynh nắm rõ hoàn cảnh và năng lực học tập của học sinh để có các giải pháp cụ thể hỗ trợ giúp đỡ học sinh. Giáo viên được giao nhiệm vụ phụ đạo học sinh yếu kém cần có các giải pháp cụ thể cho từng học sinh. Các nhóm chuyên môn cần có kế hoạch và thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao hoạt động giáo dục của các bộ môn. Từ năm học 2024 - 2025, sau khi kết thúc học kì 1 và học kì 2, Ban Giám hiệu, tổ, nhóm chuyên môn tăng cường việc rà soát, phân tích, đánh giá cụ thể về tính hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục trong năm qua nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên và học sinh trong những năm tiếp theo. Nhà trường tập trung các nguồn lực để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đồ dùng dạy học để thực hiện tốt chương trình GDPT 2018.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024, căn cứ vào các văn bản chỉ đạo, các kế hoạch của cấp trên và năng lực đội ngũ giáo viên, Ban chuyên môn nhà trường đã lập kế hoạch định hướng phân công các giáo viên bộ môn bồi dưỡng các học sinh có năng khiếu văn hóa, thể dục thể thao, phụ đạo, giúp đỡ học sinh yếu kém, học sinh gặp khó khăn trong học tập. Đồng thời, Ban Giám hiệu đã giao cho giáo viên chủ nhiệm rà soát, lập danh sách học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn để đề xuất cấp trên có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các em học tập [H8-5.2-03]. Trên cơ sở đó, các tổ, nhóm chuyên môn, giáo viên được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, khung chương trình bồi dưỡng học sinh có năng khiếu văn hóa, thi sáng tạo KHKT, học sinh có năng khiếu thể dục thể thao cũng như phụ đạo, giúp đỡ học sinh yếu kém, học sinh gặp khó khăn trong học tập [H9-5.1-01]; [H2-1.8-02]; [H11-5.1-02].

Sau khi xây dựng kế hoạch, giáo viên được phân công nhiệm vụ tiến hành bồi dưỡng học sinh năng khiếu [H11-5.1-08]. Đồng thời, phối hợp tốt với các tổ chức, cá nhân, Đoàn thanh niên,... để giúp đỡ các em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Các hình thức giúp đỡ như trao học bổng; trao quà khuyến học [H12-4.2-02]; [H15-4.1-04]. Các hình thức tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện khá đa dạng. Đối với học sinh năng khiếu văn hóa, có sáng tạo, đam mê khoa học – kỹ thuật, nhà trường đều tổ chức các cuộc thi học sinh giỏi cấp trường. Ngoài việc động viên, khuyến khích học sinh phát triển năng lực của bản thân, còn giúp giáo viên bộ môn phát hiện sớm các nhân tố để bồi dưỡng học sinh giỏi cấp tỉnh [H9-2.4-02]; [H8-2.2-02]. Công tác tổ chức thi kiểm tra năng lực học sinh có năng khiếu văn hóa được thực hiện thường xuyên trong

2020-2021	28	2	5	5	7	67,9%	
2021-2022	28	1	3	5	5	50%	
2022-2023	42	1	10	5	6	52,38%	
2022-2023	57	1	10	12	7	52,63%	

Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024, tỉ lệ học sinh giỏi cấp tỉnh tăng, bên cạnh đó trường còn tạo điều kiện để học sinh tham gia các cuộc thi như: thi sáng tạo kỹ thuật cấp tỉnh, tham gia Hội khỏe Phù đồng cấp tỉnh đạt kết quả cao [H8-2.2-02]; [H9-2.4-02]. Thi tốt nghiệp THPT trong những năm vừa qua trường THPT Bắc Yên Thành có kết quả khá cao. Có nhiều HS được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen: năm học 2018 - 2019, học sinh Võ Thị Hương lớp 12C9 có điểm khối C (Văn, Sử, Địa) đạt 28 điểm, năm học 2019 - 2020, học sinh Hoàng Việt Hậu (Lớp 12A1) có điểm khối A1 (Toán, Lý Anh) đạt 28,4 điểm,... [H9-5.2- 02]. Qua 5 năm thực hiện, học sinh yếu kém hứng thú học tập hơn, chất lượng học sinh yếu kém được nâng lên rõ rệt [H2-5.2-01].

Mức 3:

Nhà trường có nhiều học sinh có năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật, KHKT được cấp có thẩm quyền ghi nhận như cấp Huyện, cấp Tỉnh, cấp Quốc gia trong đó có những học sinh tiêu biểu như Trần Hoàng Khánh Vân 12A5 đạt giải Nhất, trong cuộc thi “Văn hóa đọc tỉnh Nghệ An”, học sinh Nguyễn Phúc Tân 10D1, Phạm Văn Tới 10A3, Trần Thị Huyền Linh 10A1, Vương Ngọc Linh 10A2 đạt giải KK cấp quốc gia cuộc thi “An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai”. Năm học 2021 - 2022 có 2 học sinh Phan Thị Kim, Nguyễn Thị Thu, năm học 2022 – 2023 có 1 học sinh Lê Thị Trà 10A5 đạt huy chương đồng giải Điền kinh học sinh phổ thông toàn quốc. Năm học 2023-2024 có 2 đề tài KHKT đạt giải nhì cấp tỉnh [H9-5.2- 02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đội ngũ giáo viên nòng cốt chất lượng, đam mê chuyên môn, tận tâm với nghề và nhiều kinh nghiệm trong bồi dưỡng HSG. Nguồn HSG và HS năng khiếu khá dồi dào. Nhà trường đã xây dựng được kế hoạch phát hiện cũng như bồi dưỡng HSG, HS có năng khiếu một cách khoa học.

3. Điểm yếu

Đối với công tác giáo dục học sinh hòa nhập cộng đồng còn thiếu kinh nghiệm và chưa thực sự đồng bộ. Việc phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh hàng năm chưa thực sự cụ thể, chi tiết.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ban Giám hiệu tiếp tục duy trì và phát huy có hiệu quả việc phát hiện, tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hóa và học sinh có năng khiếu thể dục, thể thao, nghệ thuật, nâng cao chất lượng giáo dục, tạo động lực thi đua dạy và học trong nhà trường.

Từ năm học 2024 - 2025, giáo viên trực tiếp giảng dạy và giáo viên chủ nhiệm cần tăng cường học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm tìm ra nhiều giải pháp phù hợp để phát huy hơn nữa hiệu quả trong công tác giáo dục học sinh hòa nhập cộng đồng. Giáo viên bộ môn cần phối hợp nhịp nhàng hơn với giáo viên chủ nhiệm, phụ huynh qua đó nắm rõ hoàn cảnh và năng lực học tập của học sinh yếu kém để có phương pháp phù hợp cho từng học sinh. Sau mỗi học kỳ, năm học, Ban giám hiệu, tổ nhóm chuyên môn, các giáo viên dựa vào kết quả giáo dục để rà soát, phân tích, đánh giá cụ thể về hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học trong hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Trên cơ sở công văn số 1496/BGDĐT – GDTrH ngày 19/4/2022 và Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, Nhà trường có kế hoạch và triển khai cụ thể các nhiệm vụ thực hiện chương trình giáo dục địa phương [H9-5.3-01]. Kế hoạch được triển khai qua các cuộc họp hội đồng, họp tổ nhóm chuyên môn [H9-5.1-01]; [H2-1.4-04]. Trong các năm học nhà trường đã chỉ đạo tổ, nhóm chuyên môn lập kế hoạch, tổ chức hoạt động trải nghiệm, tham quan các di tích lịch sử, văn hóa của địa phương, nhằm nâng cao hiểu biết, hình thành phẩm chất yêu nước, yêu quê hương, có ý thức giữ gìn bảo tồn các di sản văn hóa địa phương,... và được thể hiện trong phân phối chương trình ở các bộ môn Lịch sử, Địa lí, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Ngữ văn [H2-1.4-03]; [H2-1.8-02]. Chương trình giáo dục địa phương của

nhà trường đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Giáo viên đã lồng ghép việc dạy học các nội dung giáo dục địa phương qua các môn học theo quy định trong phân phối chương trình thể hiện cụ thể qua kế hoạch báo giảng, kế hoạch bài dạy, sổ đầu bài [H11-5.1-02]. Năm học 2022-2023, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, nội dung giáo dục địa phương được xây dựng thành một môn học độc lập [H1-1.8-05].

Việc kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương theo quy định gồm có kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì theo kế hoạch. Các hình thức đánh giá được triển khai đa dạng như viết báo cáo, làm bài kiểm tra,...đảm bảo khách quan và hiệu quả [H11-5.1-02]; [H2-5.2-01].

Hàng năm, lãnh đạo nhà trường, nhóm chuyên môn đã kiểm tra, đánh giá, tổng kết thực hiện chương trình giáo dục địa phương ở các môn học. Từ đó có sự điều chỉnh, cập nhật tài liệu, nội dung phù hợp với hoạt động giáo dục từng năm [H6-1.2-06].

Mức 2

Qua thực tiễn kết quả dạy học cho thấy chương trình giáo dục địa phương phù hợp với xu thế dạy học, gắn lí luận với thực tiễn, thực hiện mục tiêu dạy học, hình thành những năng lực và phẩm chất cho người học, nhất là những phẩm chất yêu quê hương đất nước, tự hào về quê hương, có ý thức trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội. Hình thức học tập được đa dạng hóa từ dạy học trên lớp đến những hình thức học tập như trải nghiệm, tham quan ở bộ môn Lịch sử, Địa lí, Ngữ văn,...[H15-5.3-02]. Nhờ đa dạng hóa hình thức học tập này, hiệu quả dạy học chương trình giáo dục địa phương có nhiều sự thay đổi nhất là học sinh đã thấy rõ hơn về giá trị lịch sử, truyền thống văn hóa. Từ đó học sinh tự hình thành những phẩm chất cốt yếu để trở thành người công dân tốt [H2-5.2-01]. Hàng năm, các giáo viên đúc kết trong quá trình dạy học giáo dục địa phương bằng các sáng kiến kinh nghiệm. Một số sáng kiến có chất lượng và hiệu quả cao, đạt sáng kiến kinh nghiệm cấp ngành. Tuy nhiên, các hoạt động trải nghiệm thực tế về các di tích lịch sử, văn hóa và các mô hình kinh tế mới... trong huyện nhà còn ít. Năm học 2019-2020, 2020-2021 do ảnh hưởng dịch Covid nên các hoạt động trải nghiệm thực tế không thực hiện được nhiều. Thời gian, kinh phí cho các hoạt động trải nghiệm còn hạn hẹp [H8-5.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có kế hoạch chỉ đạo cụ thể, các bộ môn có chương trình giáo dục địa phương, phù hợp với đặc trưng các môn học. Hàng năm, các môn học có chương trình giáo dục địa phương đã thực hiện điều chỉnh nội dung giáo dục phù hợp với từng năm học tiếp theo, từng đối tượng học sinh.

Giáo viên của trường có năng lực, có trách nhiệm cao trong công việc; nhiệt tình, say mê, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục địa phương. Trong quá

trình dạy học đã đa dạng hóa hình thức tổ chức, phát huy được tính tích cực của học sinh.

Giáo viên các môn Ngữ văn, Lịch Sử, Địa lí, Giáo dục Kinh tế và pháp luật,... đã tích cực lồng ghép giáo dục địa phương vào môn học, say mê vận dụng các phương pháp dạy học tích cực. Năm học 2022-2023, theo chương trình phổ thông 2018 đã đưa chương trình Giáo dục địa phương là môn học độc lập nhằm hình thành ở học sinh những phẩm chất chủ yếu như yêu quê hương, đất nước, gắn lý luận với thực tiễn. Học sinh có ý thức trách nhiệm hơn với chính bản thân mình, với tập thể, gia đình và xã hội.

3. Điểm yếu

Các hoạt động trải nghiệm thực tế về các di tích lịch sử, văn hóa và các mô hình kinh tế mới... trong huyện nhà còn ít. Năm học 2019-2020, 2020-2021 do ảnh hưởng dịch Covid nên các hoạt động trải nghiệm thực tế không thực hiện được nhiều. Thời gian, kinh phí cho các hoạt động trải nghiệm còn hạn hẹp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục kế thừa và phát huy các thành tựu đã đạt được về chương trình giáo dục địa phương. Tiến hành khắc phục các điểm yếu trong việc thực hiện chương trình giáo dục địa phương trong năm học 2024 - 2025. Giải pháp cụ thể như sau: Các tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn Ngữ Văn, Lịch Sử, Địa lí, Giáo dục Kinh tế và pháp luật cần tiếp tục đổi mới và vận dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT 2018. Theo định kì nhà trường tiến hành rà soát chương trình, tiếp thu các báo cáo, ý kiến đề xuất của giáo viên bộ môn có chương trình giáo dục địa phương để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ giáo dục địa phương. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa về di tích lịch sử, văn hóa hay các mô hình sản xuất kinh doanh ở địa phương để nâng cao chất lượng dạy học chương trình giáo dục địa phương. Các giáo viên bộ môn Lịch sử, Địa lí, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật tiếp tục nghiên cứu, thảo luận chương trình giáo dục địa phương, đề xuất phương án dạy học để nhà trường có kế hoạch dạy học phù hợp với tình hình nhà trường, địa phương. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ dạy học chung của toàn ngành giáo dục, phát huy tích cực chủ động, sáng tạo của học sinh, phát huy năng lực và hình thành phẩm chất, kỹ năng chủ yếu, vận dụng lý luận giải quyết các vấn đề thực tiễn. Nâng cao nhận thức cho học sinh về các môn học giáo dục địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

- a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;
- b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp HS và đạt kết quả thiết thực.*
- b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp.*

2. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Thực hiện Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022–2023, Nhà trường khi xây dựng kế hoạch năm học, luôn đặt các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp cho học sinh là một nhiệm vụ quan trọng **[H8-1.8-03]**.

Chương trình hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp bao gồm các nội dung hoạt động được tổ chức trong và ngoài nhà trường dưới các hình thức: Sinh hoạt dưới cờ; dạy học trên lớp; Sinh hoạt lớp. Nhà trường, GVCN và Đoàn trường tổ chức xây dựng kế hoạch Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho năm học 2022-2023; 2023-2024 đảm bảo các yêu cầu **[H9-5.1-01]**; **[H2-1.8-02]**; **[H12-5.5-01]**; **[H11-1.5-03]**.

Nhà trường đã phân công Ban giám hiệu, Đoàn Thanh niên, giáo viên chủ nhiệm tổ chức giảng dạy các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp,...theo kế hoạch đã xây dựng **[H8-1.8-03]**; **[H11-5.1-02]**; **[H11-5.1-08]**; **[H1-1.8-05]**.

Mức 2

Trong suốt quá trình thực hiện các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp, lãnh đạo nhà trường cùng các tổ chuyên môn luôn cố gắng đa dạng hoá các hình thức tổ chức để đạt được kết quả cao hơn. Tổ chức sinh hoạt lớp theo các chủ đề: Thanh niên với tình bạn, tình yêu và gia đình; Thanh niên với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Thanh niên với việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc; Thanh niên với vấn đề lập nghiệp; Chủ động, tự tin trong học tập; Tham gia xây dựng cộng đồng,...Ngoài ra, còn được triển khai qua các câu lạc bộ: Thể dục thể thao, Đọc sách, Âm nhạc,...thực sự thiết thực, hữu ích cho học sinh thể hiện thông qua kết quả giáo dục môn học **[H11-5.1-02]**; **[H11-5.1-03]**. Trong năm học 2022-2023, nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế các mô hình kinh doanh sản xuất nông nghiệp, công nghiệp ở địa phương. Năm học 2023-2024 nhà trường tổ chức cho các em đi trải nghiệm các địa chỉ đỏ ở Nghệ An...**[H8-1.8-03]**, góp phần định hướng nghề nghiệp cho các em trong tương lai, nâng cao chất lượng dạy học bộ môn và công trình nghiên cứu khoa học cho giáo viên **[H8-5.3-03]**.

Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình tổ chức dạy học HĐTNHN. Nội dung đánh giá tương ứng với chủ đề dạy học đã được triển

khai theo kế hoạch đến thời điểm đánh giá. Từ đó, có sự điều chỉnh phù hợp với thực tế dạy học nhằm đảm bảo yêu cầu môn học [H8-1.8-03].

2. Điểm mạnh :

Nhà trường xây dựng kế hoạch các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp phù hợp trong kế hoạch dạy học các môn học liên quan tạo thuận lợi cho học sinh liên hệ, vận dụng những nội dung kiến thức đã học trong các môn học với thực tiễn tại địa phương, luôn đảm bảo tính kế thừa và phát triển; đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và nhu cầu nhận thức của học sinh các khối lớp.

Các tổ, nhóm chuyên môn, các giáo viên, nhân viên được phân công luôn thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, đúng tiến độ chương trình, kế hoạch hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp đã đề ra.

3. Điểm yếu :

Hoạt động trải nghiệm thực tế địa phương chỉ mới tổ chức được ít. Việc rà soát, đánh giá để điều chỉnh chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng :

Từ năm học 2024 – 2025, BGH thường xuyên rà soát, phân tích, đánh giá, tăng cường phối hợp với Ban đại diện CMHS, các tổ chức xã hội nhằm tăng số lượng và nâng cao chất lượng các hoạt động trải nghiệm ở địa phương. Đồng thời, Ban giám hiệu nhà trường cần phải tăng cường phối hợp với các nhà tuyển dụng, các chuyên gia, các nhà tài trợ, các trường đại học tổ chức các hoạt động hướng nghiệp cho học sinh ngày càng thiết thực, bổ ích.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, Ban giám hiệu nhà trường xây dựng và ban hành kế hoạch hoạt động năm học, kế hoạch triển khai công tác giáo dục kỹ năng sống, kế hoạch quản lý công tác chủ nhiệm, kế hoạch đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá và hướng dẫn học sinh tự học để chỉ đạo các hoạt động giáo dục phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương. **[H9-5.1-01]**. Nội dung giáo dục kỹ năng sống được cụ thể hóa vào chương trình nhà trường tích hợp thông qua các môn học **[H2-1.8-02]**. Các kế hoạch của nhà trường đã chỉ đạo kịp thời, khoa học, sâu sát, đồng bộ,... tạo ra nhiều sân chơi lành mạnh, bổ ích, đa dạng hóa các hình thức, nội dung giáo dục kỹ năng sống. Bên cạnh đó, các hoạt động giáo dục kỹ năng sống còn được tổ chức theo từng chủ đề rất đa dạng như phối hợp với công an tỉnh Nghệ An, công an huyện Yên Thành phổ biến kỹ năng phòng chống cháy nổ, không mua bán, tàng trữ, sử dụng pháo nổ; tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật giao thông cho học sinh; phối hợp với Huyện đoàn Yên Thành tổ chức cho học sinh tham gia chương trình Ngày hội Đoàn viên, cuộc thi “Hát dân ca trong trường học”, thực hiện chương trình ngoại khóa tuyên truyền phòng chống tai nạn đuối nước; giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên, Talkshow “Đọc sách cùng tôi”,... **[H12-5.5-01]; [H2-1.8-02]; [H12-1.3-08]**.

Trong từng năm học, nhà trường đã chỉ đạo và tổ chức các hoạt động nhằm GD kỹ năng sống cho HS vì thế quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho HS có những chuyển biến tích cực. Thông qua các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, học sinh trường THPT Bắc Yên Thành có hiểu biết về pháp luật, có ý thức tự giác chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Từ đó học sinh đã tránh xa được các tệ nạn xã hội, hạn chế được bạo lực học đường và vi phạm pháp luật như đi xe đạp điện đội mũ bảo hiểm, sự hiểu biết về giới tính cũng như sức khỏe sinh sản vị thành niên, hạn chế sử dụng li nhựa, túi ni lông, biết giữ gìn vệ sinh môi trường trong lớp, trong nhà trường. Bên cạnh thành tích học tập thì công tác đảm bảo an ninh nề nếp, chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật, nội quy, quy chế của nhà trường là một điểm sáng của HS trường THPT Bắc Yên Thành **[H12-1.3-08]**.

Ban giám hiệu nhà trường luôn chỉ đạo đẩy mạnh giáo dục đạo đức, pháp luật; xây dựng chương trình nhà trường; GD lịch sử địa phương; giáo dục truyền thống cách mạng, lòng yêu nước. HĐGDNGLL luôn được tổ chức một cách bài bản theo từng chủ đề trong năm học,... Từ đó đạo đức lối sống của học sinh được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật của đất nước, phong tục tập quán của địa phương và truyền thống văn hóa của dân tộc. Tuy nhiên, các hoạt động giáo

dục kỹ năng sống chủ yếu lồng ghép vào các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa và chương trình các môn học do các giáo viên kiêm nhiệm nên có lúc chưa thật sự hiệu quả. Việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh của nhà trường chưa thật toàn diện. Tệ nạn xã hội và môi trường bên ngoài nhà trường vẫn còn nhiều vấn đề ảnh hưởng tới việc rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. Sự phối hợp với gia đình trong việc rèn luyện kỹ năng các em còn hạn chế. **[H7-4.2-06], [H8-1.3-03], [H15-1.10-09]**.

Mức 2:

Với học sinh, biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện là biết tự xem xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập cũng như những tiến bộ của bản thân. Các đoàn thể, giáo viên bộ môn trong quá trình tổ chức các hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm trên lớp, các giờ thực hành, hoạt động ngoại khóa hoặc từ kết quả của bài kiểm tra đã hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả rèn luyện, biết xếp loại, đánh giá lẫn nhau, tự đánh giá bản thân. Các công trình nghiên cứu của các em được trình bày góp ý nhận xét, qua quá trình đánh giá và tự đánh giá đã đạt được hiệu quả nhất định **[H11-5.1-02]**. Giáo viên chủ nhiệm đã hướng dẫn học sinh biết cách tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của mình theo tuần, tháng, học kỳ, cả năm học,... thông qua tiết sinh hoạt lớp, các hoạt động nhóm, hoạt động ngoài giờ **[H11-1.5-03]**.

Hàng năm, Ban giám hiệu nhà trường phối hợp cùng với Đoàn thanh niên đã định hướng, hỗ trợ các CLB do học sinh thành lập hoạt động có hiệu quả như CLB dân ca, CLB Tiếng anh, CLB âm nhạc BMC **[H8-5.1-06]; [H12-5.5-01]; [H2-1.8-03]**.

Nhà trường phối hợp với Đoàn trường, chỉ đạo các tổ, nhóm chuyên môn triển khai thực hiện hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động GDNGLL, HĐTNHN cho học sinh vào các tiết sinh hoạt chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp theo chủ đề; thực hiện thông qua phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng các ngày lễ lớn như lễ kỉ niệm ngày 20/11, 08/3, 26/3; lễ hội Tết Việt, thi Rung chuông vàng tìm hiểu sức khỏe sinh sản vị thành niên, diễn đàn “Vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới”,... **[H8-1.3-03], [H15-1.8-04]**. Đoàn trường kết hợp với Đoàn xã trên địa bàn tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa như phong trào thanh niên tình nguyện bảo vệ môi trường: phân loại rác thải tại trường, làm vệ sinh khu vực Nghĩa trang liệt sĩ ở xã Lăng Thành, Hậu Thành,... **[H12-5.5-01], [H15-4.2-04]**. Thông qua việc giáo dục trên lớp và các hoạt động giáo dục ngoài giờ, khả năng vận dụng các kiến thức học tập của học sinh, các kỹ năng của các em từng bước được hình thành và phát triển, giúp các em làm chủ bản thân, thích ứng trước những tình huống khó khăn trong cuộc sống hằng ngày; rèn luyện cho các em sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng như: Biết tiết kiệm năng lượng và tái sử dụng đồ dùng, tự phục vụ; phòng chống tai nạn thương tích, phòng tránh đuối nước, có kỹ năng giao tiếp nơi công cộng; vận dụng nhiều kỹ năng trong học tập như kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm, tự tin trình bày trước đám đông, ghi

chép, đặt câu hỏi,...Kết quả các hoạt động giáo dục của nhà trường luôn đạt hoặc vượt chỉ tiêu đề ra [H6-1.2-06].

Mức 3:

Đầu năm học, Ban giám hiệu nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch nghiên cứu khoa học, thi sáng tạo KHKT cấp trường và cấp tỉnh đến tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm, từng lớp học sinh. Ban giám hiệu nhà trường, các tổ trưởng chuyên môn thường xuyên động viên, kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện đối với từng đề tài. Giáo viên hướng dẫn trách nhiệm, nhiệt tình giúp đỡ học sinh hoàn thành ý tưởng. Cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp trường hàng năm được nhà trường tổ chức nghiêm túc, công bằng với nhiều đề tài khoa học thuộc các lĩnh vực môn học: Tin học, Vật lí, Khoa học xã hội hành vi,...có tính ứng dụng, tính thực tiễn cao, có tác dụng giáo dục đạo đức, rèn luyện kỹ năng cho học sinh [H8-2.2-02].

Nhiều học sinh của nhà trường có khả năng nghiên cứu khoa học, tham gia Cuộc thi sáng tạo KHKT dành cho học sinh trung học do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức hàng năm đạt giải cao. Trong các năm học 2017 - 2018, năm học 2019 - 2020, năm học 2020 – 2021 dưới sự hướng dẫn của thầy giáo Vương Văn Quang học sinh Trường THPT Bắc Yên Thành đã có các sản phẩm dự thi “Máy lau nhà đa năng” đạt giải Nhì, “Xe đạp lội nước” đạt giải Ba, “Máy lọc không khí” đạt giải Tư; Đặc biệt là năm học 2021 - 2022, dù tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, học sinh vẫn có sản phẩm dự thi “Thiết bị hỗ trợ chống dịch Co-vid” đạt giải Tư trong cuộc thi KHKT cấp Tỉnh. Năm học 2022 - 2023 dưới sự hướng dẫn của các thầy cô các em đã có hơn 10 sản phẩm, đề tài tham gia cuộc thi NCKH cấp trường và có 03 sản phẩm dự thi cấp tỉnh đó là “Tham quan các địa chỉ đỏ ở Nghệ An bằng thực tế ảo”, “Trợ lí ảo giúp điều khiển máy tính thông qua cử chỉ tay và giọng nói”, “Giáo dục ý thức bảo tồn và phát triển về giấm Gia Lạc cho học sinh”, Năm học 2023-2024 có 2 đề tài KHKT tham gia cấp tỉnh và đều đạt giải nhì. Cuộc thi KHKT đã kích thích sự sáng tạo trong học sinh, phát triển năng lực tự học, giúp học sinh bước đầu làm quen với nghiên cứu khoa học, giúp học sinh rèn luyện năng lực vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn của cuộc sống [H8-2.2- 02]; [H6-1.2-06].

2. Điểm mạnh

Ban giám hiệu nhà trường đã xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch hoạt động giáo dục hình thành kỹ năng sống, hoạt động nghiên cứu khoa học cho học sinh chặt chẽ, có kiểm tra, đánh giá, tuyên dương, khen thưởng. Ban giám hiệu nhà trường, Đoàn trường quan tâm sát sao đến việc phổ biến kiến thức và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT, lễ hội,... phong phú, thiết thực, tổ chức các hoạt động ngoài giờ để giáo dục kỹ năng sống, giáo dục pháp luật và các truyền thống của địa phương. Học sinh tích cực tham gia vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT, lễ hội,... của nhà trường cũng như địa phương, của ngành tổ chức và đã đạt nhiều thành tích. Các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường phối hợp

đồng bộ, đa dạng hóa các hình thức, nội dung GD KNS. Nhiều CLB của học sinh trong nhà trường được thành lập và hoạt động hiệu quả. Đa số học sinh đã có khả năng tự đánh giá được kết quả học tập và rèn luyện của mình và có khả năng vận dụng được kết quả học tập vào thực tiễn đời sống, có kỹ năng, năng lực tốt. Nhiều học sinh tham gia nghiên cứu khoa học kỹ thuật, tham gia cuộc thi sáng tạo KHKT cấp tỉnh do Sở GD&ĐT tổ chức và đạt giải cao.

Hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh được thực hiện với sự phối kết hợp đồng bộ từ chỉ đạo của lãnh đạo nhà trường đến nhận thức thực hiện của đội ngũ trong nhà trường. Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh là nội dung được đông đảo phụ huynh và dư luận quan tâm, đồng thuận. Vì thế đã có sự phối kết hợp của phụ huynh học sinh, của các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể với nhà trường trong hoạt động giáo dục này.

Việc giáo dục kỹ năng cho học sinh được nhà trường tổ chức thực hiện tích hợp ở nhiều hoạt động chính khoá và NGLL và qua các hoạt động xã hội.

3. Điểm yếu

Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống chủ yếu lồng ghép vào các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa và chương trình các môn học do các giáo viên kiêm nhiệm nên có lúc chưa thật sự hiệu quả. Việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh của nhà trường chưa thật toàn diện.

Tệ nạn xã hội và môi trường bên ngoài nhà trường vẫn còn nhiều vấn đề ảnh hưởng tới việc rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. Sự phối hợp với gia đình trong việc rèn luyện kỹ năng các em còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ban giám hiệu nhà trường cùng với Đoàn thanh niên, tổ, nhóm chuyên môn tiếp tục duy trì và phát triển các nội dung giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể cho học sinh.

Từ năm học 2024 - 2025, Ban giám hiệu nhà trường ưu tiên tăng nguồn kinh phí, khuyến khích các tổ chuyên môn thực hiện các chuyên đề về giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Ban giám hiệu nhà trường cần có kế hoạch chỉ đạo sát sao và phối hợp cùng Đoàn thanh niên, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn,... tổ chức nhiều hơn các hoạt động giáo dục ngoài giờ, tích cực tham gia vào các hoạt động lễ hội, văn hóa, văn nghệ, TDTT của địa phương, của ngành.

Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ với gia đình, các tổ chức xã hội, với chính quyền địa phương trong việc tuyên truyền nâng cao nhận thức của học sinh về các tệ nạn xã hội, hướng tới trang bị cho học sinh những kỹ năng sống cần thiết.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

c) *Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*

b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;*

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường luôn xác định rõ nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục là nhiệm vụ cốt lõi, đóng vai trò then chốt quyết định đến sứ mệnh và thương hiệu của nhà trường. Do đó, trường luôn chú trọng xây dựng kế hoạch từng năm học, đặt các mục tiêu, chỉ tiêu cần đạt đối với giáo dục đạo đức, giáo dục văn hóa, có nhiều biện pháp tích cực để nâng cao kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh. Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. Kết quả xếp loại về học lực và hạnh kiểm của học sinh hằng năm được thể hiện cụ thể như sau:

Năm học	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Tỉ lệ học lực trung bình, khá, giỏi	99,51%	99,77%	99,94%	100 %	99.72%
Tỉ lệ hạnh kiểm khá tốt	96,23%	95,49%	98,27%	99,41%	99.55%

[H6-1.2-06]; [H6-1.9-01].

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường, cụ thể như sau:

Năm học	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Tỉ lệ học sinh lên lớp	99,51%	99,94%	100%	100%	
Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp	99,81%	99,63%	98,99%	99,83%	

[H6-1.2-06];[H1-5.6-01]; [H6-1.9-01].

Công tác phân luồng học sinh được nhà trường quan tâm chỉ đạo, đặc biệt học sinh khối 12 được tuyên truyền đầy đủ nhận thức, ý thức nghề nghiệp trước

khi dự thi tốt nghiệp THPT, tạo điều kiện cho các em chủ động định hướng mục tiêu học tập phù hợp khả năng. Có khoảng hơn 30% học sinh sau khi tốt nghiệp lớp 12 không thi vào các trường đại học và cao đẳng mà chỉ vào các trường trung cấp, trường nghề hoặc đi làm cho các doanh nghiệp hoặc trở về lao động tại địa phương **[H8-1.8-03]**. Công tác dạy Nghề phổ thông trong nhà trường cũng được chú trọng, mục đích là tạo cơ hội cho học sinh được học tập, tìm hiểu để có những hiểu biết, kỹ năng ban đầu về một số nghề phổ biến nhất trong xã hội. Giáo dục nghề phổ thông là một trong những nội dung chính trong quá trình giáo dục hướng nghiệp, góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THPT **[H8-5.6-02]**; **[H6-1.9-01]**.

Mức 2:

Kết quả xếp loại học lực và hạnh kiểm của học sinh có nhiều chuyển biến tích cực. Tỷ lệ học sinh khá, giỏi năm sau cao hơn năm trước. Hằng năm, tỷ lệ xếp loại hạnh kiểm của học sinh loại tốt, loại khá cao, đạt trên 95% **[H6-1.2-06]**.

Cụ thể như sau:

Năm học	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Tỷ lệ học lực khá, giỏi	72,28%	67,57%	74,19%	96,05%	91,56%
Tỷ lệ hạnh kiểm khá, tốt	96,23%	95,49%	98,27%	99,41%	98,71%

Tỷ lệ học sinh lên lớp trong 05 năm liên tiếp trở lại đây duy trì ở mức cao, đạt từ trên 99,5%. Cụ thể: Năm học 2019 - 2020 đạt 99,51%; Năm học 2020 - 2021 đạt 99,94%; Năm học 2021 - 2022 đạt 100%; Năm học 2022 - 2023 đạt 100%; năm học 2023-2024 đạt 99,99%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp hàng năm đạt chỉ tiêu kế hoạch của nhà trường, kết quả cao và khá ổn định, cụ thể: Năm học 2018 - 2019 đạt 99,42%; Năm học 2019 - 2020 đạt 99,81%; Năm học 2020 - 2021 đạt 99,63%; Năm học 2021 - 2022 đạt 98,99%; Năm học 2022 - 2023 đạt 99,83% **[H6-1.2-06]**; **[H1-5.6-01]**; **[H6-1.9-01]**

Mức 3:

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh.

Về học lực: Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi từ năm học 2019 - 2020 đến nay đều trên 12,10%; Tỷ lệ học sinh xếp loại khá trong 5 năm gần đây đều trên 55,30%; Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém hàng năm không quá 2,10%. Về hạnh kiểm: trong 5 năm gần đây, tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đều trên 95%. Chất lượng về học lực tuy cao nhưng nhiều học sinh vẫn học lệch. Một số ít học sinh thiếu ý thức học tập dẫn đến kết quả xếp loại yếu, kém. Một số học sinh chưa có ý thức thực hiện nhiệm vụ, còn ham chơi, trốn học nên vẫn còn tỉ lệ học sinh đạt hạnh

kiểm trung bình và yếu. Tuy chất lượng về học lực cao nhưng nhiều học sinh vẫn học chưa đều các môn. Một số học sinh chưa có ý thức thực hiện nhiệm vụ, còn ham chơi, trốn học nên vẫn còn học sinh đạt học lực yếu, hạnh kiểm trung bình và yếu [H6-1.2-06]. Cụ thể:

Năm học	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Tỷ lệ học lực giỏi	14.89%	12.18%	13.63%	32.94%	45.50%
Tỷ lệ học lực khá	57.39%	55.39%	60.56%	63.11%	46.06%
Tỷ lệ học lực yếu, kém	2.07%	1.85%	0.17%	0%	0.28%
Tỷ lệ hạnh kiểm khá, tốt	96.23%	95.49%	98.27%	99,41%	98.71%

Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban hằng năm: Trong 5 năm liền trường có tỉ lệ học sinh bỏ học không quá 1.00%, tỷ lệ học sinh lưu ban không quá 0.5% [H6-1.2-06]. Cụ thể:

Năm học	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Tỉ lệ HS bỏ học	0.95%	0.57%	0.61%	0.39%	0.33%
Tỉ lệ HS lưu ban	0.49%	0.06%	0%	0%	

2. Điểm mạnh

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh, tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường, đáp ứng được mục tiêu giáo dục. Nhà trường đã có chỉ đạo cụ thể về vấn đề phân luồng học sinh và đạt được kết quả theo kế hoạch đề ra. Tỷ lệ học lực về loại giỏi và loại khá đạt mức cao, có chuyển biến tích cực, năm sau cao hơn năm trước. Tỷ lệ học sinh lên lớp và đậu tốt nghiệp lớp 12 đạt chỉ tiêu hoặc trên chỉ tiêu, kế hoạch đề ra. Trong 5 năm trường có tỉ lệ học sinh bỏ học và tỷ lệ học sinh lưu ban thấp, có chiều hướng giảm.

3. Điểm yếu

Chất lượng về học lực tuy cao nhưng nhiều học sinh vẫn học chưa đều các môn. Một số học sinh chưa có ý thức thực hiện nhiệm vụ, còn ham chơi, trốn học nên vẫn còn học sinh đạt học lực yếu, hạnh kiểm trung bình và yếu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 - 2025, Ban giám hiệu nhà trường tiếp tục chỉ đạo các tổ, nhóm chuyên môn, giáo viên thực hiện nghiêm túc việc dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh. Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên quan tâm theo dõi học sinh, kết hợp với giáo viên bộ môn, Đoàn trường và phụ huynh học sinh để giáo dục, giúp các em xác định được lí tưởng sống đúng đắn, ngày càng phát triển toàn diện.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận chung về Tiêu chuẩn 5:

- Những điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường thực hiện đúng quy định về chương trình giáo dục và thời gian năm học. Hằng năm, nhà trường xây dựng và thực hiện đầy đủ kế hoạch hoạt động giáo dục phù hợp với thực tế địa phương và nhà trường. Trong các kế hoạch, đã chú trọng đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, ứng dụng CNTT nhằm khuyến khích sự chuyên cần, tích cực, chủ động, sáng tạo và ý thức vươn lên, rèn luyện khả năng tự học của HS; tổ chức thực hiện có hiệu quả hoạt động giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Các hoạt động ngoài giờ lên lớp được tổ chức bằng nhiều hình thức phong phú, tập trung giáo dục đạo đức, giá trị sống, kỹ năng sống nâng cao nhận thức về giáo dục địa phương cho HS. Hoạt động giáo dục nghề phổ thông, giáo dục hướng nghiệp cho HS hằng năm phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và của nhà trường. Việc kiểm tra đánh giá, xếp loại hạnh kiểm, học lực HS hằng năm thực hiện đúng quy định. Tỷ lệ HS có học lực khá, giỏi cao và tăng dần hằng năm, tỉ lệ HS có học lực yếu duy trì ở mức thấp. Tỷ lệ HS xếp hạnh kiểm tốt, khá cao, xếp loại trung bình và yếu thấp. Tỷ lệ HS lên lớp, tỉ lệ HS tốt nghiệp hằng năm ổn định ở mức khá cao, tỉ lệ HS bỏ học, tỷ lệ HS lưu ban thấp.

- Những điểm yếu cơ bản:

Bên cạnh những kết quả đạt được, nhà trường vẫn có một số tồn tại sau: Một số ít GV chưa thật tích cực trong đổi mới PPDH; Hằng năm, việc rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động các hoạt động giáo dục đã được chú trọng nhưng sự phân tích, đánh giá chưa sâu sắc, cụ thể; Đối với công tác giáo dục HS hòa nhập cộng đồng còn thiếu kinh nghiệm và chưa thực sự đồng bộ; Thời gian, kinh phí cho các hoạt động trải nghiệm còn hạn hẹp; Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống chủ yếu lồng ghép vào các hoạt động ngoài giờ lên lớp, HĐTN, hoạt động ngoại khóa và chương trình các môn học do các GV kiêm nhiệm nên có lúc chưa thật sự hiệu quả.

- Tự đánh giá:

Số tiêu chí đạt mức 1: 06/06 (100%)

Số tiêu chí đạt mức 2: 06/06 (100%)

Số tiêu chí đạt mức 3: 04/04 (100%)

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Qua phân tích, đánh giá 28 tiêu chí của 5 tiêu chuẩn và 6 tiêu chí mức 4 của Thông tư Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học, Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường nhận thấy: Nhà trường có CSVC khang trang, thoáng mát; có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhiệt tình, có trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt; có các tổ chức đoàn thể hoạt động hiệu quả, chất lượng dạy và học ngày được nâng cao; công tác thu chi tài chính hợp lý, công khai, minh bạch.

Đối chiếu với các kết quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong 05 năm qua với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường trung học quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng tự đánh giá trường THPT Bắc Yên Thành đã đạt được những kết quả cụ thể về các tiêu chí như sau:

Số các tiêu chí được đánh giá: 28/28

Số tiêu chí đạt Mức 1: 28/28 chiếm tỷ lệ 100%.

Số tiêu chí đạt Mức 2: 28/28 chiếm tỷ lệ 100%.

Số tiêu chí đạt Mức 3: 18/20 chiếm tỷ lệ 90%.

Số tiêu chí đạt Mức 4: 0/6 chiếm tỷ lệ 0%.

Nhà trường tự đánh giá giữ Cấp độ 2 về kiểm định chất lượng giáo dục và trường đạt chuẩn quốc gia Mức 1.

Yên Thành, ngày 08 tháng 07 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Bá Thủy

Phần IV. PHỤ LỤC

Phụ lục. DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	1	[H6-1.1-01]	Chiến lược phát triển nhà trường	Số 39/KH-THPTBYT, ngày 31 tháng 5 năm 2020		
	2	[H6-1.1-02]	Kế hoạch năm học hằng năm	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	3	[H14-1.1-03]	Nghị quyết Đại hội Chi bộ, nhiệm kỳ 2020-2025	Ngày 13 tháng 03 năm 2020		
	4	[H6-1.1-04]	Biên bản họp Hội đồng trường	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	5	[H6-1.1-05]	Nghị quyết Hội đồng Nhân dân huyện nhiệm kỳ 2021- 2025	Số 03/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020		
	6	[H6-1.1-06]	Nghị quyết Đại hội Huyện đảng bộ nhiệm kỳ 2020- 2025	Số 01-NQ/ĐH ngày 19 tháng 5 năm 2020		
Tiêu chí 1.2	1	[H6-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường	Số 1340 /QĐ-SGDĐT ngày 28 tháng 10 năm 2020		
	2	[H6-1.2-02]	Quyết định cử đại diện chính quyền địa phương tham gia Hội đồng trường.	Số 1340 /QĐ-SGDĐT ngày 28 tháng 10 năm 2020		
	3	[H6-1.2-03]	Quyết định công nhận Chủ tịch Hội đồng trường	Số 1481/QĐ-SGDĐT ngày 03 tháng 11 năm 2020		
	4	[H6-1.2-04]	Quyết định chỉ định Thư ký Hội đồng trường	Số 105/QĐ-HĐT.BYT ngày 04 tháng 11 năm 2020		
	5	[H6-1.2-05]	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng hằng năm	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		

	6	[H6-1.2-06]	Báo cáo tổng kết năm học hằng năm	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
Tiêu chí 1.3	1	[H13-1.3-01]	Quyết định chuẩn y BCH Công đoàn nhiệm kỳ 2018-2023	QĐ số 204/QĐ-CDGD ngày 30/10/2018		
	2	[H12-1.3-02]	Quyết định chuẩn y BCH Đoàn trường hằng năm	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	3	[H13-1.3-03]	Quyết định thành lập Ban Thanh tra nhân dân	QĐ số 02/QĐ-CD ngày 25/10/2017 QĐ số 02/QĐ-CD ngày 16/10/2019 QĐ số 03/QĐ-CD ngày 26/10/2021		
	5	[H13-1.3-04]	Quy chế phối hợp nhà trường và BCH Công đoàn	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	6	[H12-1.3-05]	Quy chế phối hợp nhà trường và BCH Đoàn trường	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	7	[H14-1.3-06]	Báo cáo tổng kết hằng năm của Chi bộ	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	8	[H13-1.3-07]	Báo cáo tổng kết công tác Công đoàn hằng năm	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	9	[H12-1.3-08]	Báo cáo tổng kết công tác Đoàn Thanh niên hằng năm	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	10	[H14-1.3-09]	QĐ chuẩn y kết quả Đại hội Chi bộ Đảng và QĐ chuẩn y kết quả bầu bổ sung.	QĐ số 1685-QĐ/HU ngày 31/3/2020		
	11	[H14-1.3-10]	Quyết định Xếp loại Tổ chức cơ sở Đảng	Từ năm 2018 đến năm 2022		

	12	[H14-1.3-11]	Bằng khen, Giấy khen của Chi bộ	Từ năm 2018 đến năm 2022		
	13	[H13-1.3-12]	Bằng khen, giấy khen của Công đoàn	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2021-2022		
	14	[H12-1.3-13]	Bằng khen, Giấy khen của Đoàn Thanh niên.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2021-2022		
Tiêu chí 1.4	1	[H6-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	2	[H6-1.4-02]	Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó hàng năm	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	3	[H2-1.4-03]	Kế hoạch tổ/nhóm chuyên môn, tổ văn phòng hàng năm	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	4	[H2-1.4-04]	Biên bản sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn và tổ văn phòng hàng năm	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	5	[H2-1.4-05]	Các chuyên đề sinh hoạt chuyên môn hàng năm	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	6	[H6-1.4-06]	Kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên hàng năm của nhà trường theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Danh sách tuyển sinh hàng năm	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	2	[H1-1.5-02]	Sổ đăng bộ	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	3	[H11-1.5-03]	Hồ sơ chủ nhiệm các lớp hàng năm	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	4	[H1-1.5-04]	Sổ gọi tên ghi điểm	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	5	[H12-1.5-05]	Báo cáo đại hội lớp đầu năm	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		

Tiêu chí 1.6	1	[H5-1.6-01]	Hồ sơ tài chính	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	2	[H5-1.6-02]	Dự toán thu chi hàng năm	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	3	[H6-1.6-03]	Quy chế chi tiêu nội bộ	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	4	[H4-1.6-04]	Sổ quản lý, sử dụng thiết bị dạy học	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	5	[H5-1.6-05]	Báo cáo tài chính hàng năm	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	6	[H5-1.6-06]	Hồ sơ sử dụng phần mềm EPMIS, MISA, thuế HTKK, dịch vụ công trực tuyến KB, hóa đơn điện tử.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	7	[H5-1.6-07]	Thông báo kết luận của Thanh tra Sở	Số 13/KL-SGD&ĐT ngày 03/01/2023		
	8	[H5-1.6-08]	Hồ sơ tài trợ giáo dục	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
Tiêu chí 1.7	1	[H6-1.7-01]	Hồ sơ cán bộ, viên chức	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	2	[H9-1.7-02]	Thời khóa biểu hằng năm, bảng phân công CM và nhiệm vụ kiêm nhiệm	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	3	[H13-1.7-03]	Báo cáo tổng kết của Ban thanh tra	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	4	[H5-1.7-04]	Bảng lương hàng tháng, quyết định nâng lương thường xuyên, nâng lương trước hạn	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	5	[H9-1.7-05]	Quyết định cử GV tham gia các lớp tập huấn chuyên đề.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		

	6	[H6-1.7-06]	Biên bản họp thi đua, khen thưởng hàng năm.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	7	[H6-1.7-07]	Biên bản giới thiệu quy hoạch nguồn cán bộ quản lý.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
Tiêu chí 1.8	1	[H9-1.8-01]	Các văn bản chỉ đạo của Sở GD&ĐT về chuyên môn.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	2	[H2-1.8-02]	Kế hoạch giáo dục môn học hàng năm	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	3	[H8-1.8-03]	Hồ sơ hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, trải nghiệm hướng nghiệp	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	4	[H15-1.8-04]	Hình ảnh hoạt động văn nghệ, thể thao, trải nghiệm hướng nghiệp	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	5	[H1-1.8-05]	Sổ đầu bài	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	6	[H6-1.8-06]	Biên bản họp HĐSP	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
Tiêu chí 1.9	1	[H6-1.9-01]	Nghị quyết Hội nghị cán bộ, viên chức	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	2	[H6-1.9-02]	Quy chế dân chủ của nhà trường	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	3	[H6-1.9-03]	Hồ sơ tiếp công dân	Từ năm học 2018-2019 đến nay		
	4	[H15-1.9-04]	Hình ảnh Bảng công khai các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường	Từ năm học 2018-2019 đến nay		
Tiêu chí 1.10	1	[H7-1.10-01]	QĐ thành lập ban an ninh nề nếp, kế hoạch hoạt động.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	2	[H6-1.10-02]	Hợp đồng với bảo vệ, tổ chức liên quan	Từ năm học 2018-2019 đến nay		

	3	[H7-1.10-03]	Quy chế phối hợp với công an, chính quyền địa phương về trật tự an toàn trường học	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	4	[H5-1.10-04]	Hợp đồng lắp đặt hệ thống camera	Từ năm học 2018-2019 đến nay		
	5	[H15-1.10-05]	Số điện thoại đường dây nóng của nhà trường, ảnh hòm thư góp ý.	Từ năm học 2018-2019 đến nay		
	6	[H7-1.10-06]	Bản cam kết của GV, HS về đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, các tệ nạn xã hội ... công văn phối hợp chống dịch Covid 19	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	7	[H7-1.10-07]	Phân công lịch trực của BGH về an ninh trường học, bạo lực học đường... Các hình ảnh, tư liệu về an ninh qua camera...	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	8	[H7-1.10-08]	Kế hoạch tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, kỹ năng sống cho HS	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	9	[H15-1.10-09]	Hình ảnh các buổi tuyên truyền, phổ biến ATGT, phòng chống đuối nước, phòng chống ma túy, phòng chống cháy nổ,...	Từ năm học 2018-2019 đến nay		
Tiêu chí 2.1	1	[H6-2.1-01]	Chứng chỉ hoặc chứng nhận đã qua lớp bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị, chuyên môn.	Từ năm học 2018-2019 đến nay		
	2	[H6-2.1-02]	Kết quả đánh giá, xếp loại hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hằng năm; Các giấy khen, bằng khen của HT, HP	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
Tiêu	1	[H6-2.2-01]	Danh sách giáo viên, nhân viên của nhà trường có thông tin về trình độ đào tạo	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		

chí 2.2	2	[H8-2.2-02]	Hồ sơ KHKT hằng năm	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	3	[H6-2.2-03]	Các quyết định khen thưởng, quyết định công nhận, giấy chứng nhận cho giáo viên của cấp có thẩm quyền	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
Tiêu chí 2.3	1	[H6-2.3-01]	Bảng phân công nhiệm vụ cho nhân viên hằng năm.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	2	[H6-2.3-02]	Kết quả đánh giá xếp loại viên chức hằng năm.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	3	[H6-2.3-03]	Các chứng chỉ văn bằng của nhân viên	Từ năm học 2018-2019 đến nay		
	4	[H9-2.3-04]	Văn bản điều động nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, hoặc các chứng chỉ.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	1	[H11-2.4-01]	Sổ ghi chép sinh hoạt chuyên môn và dự giờ của giáo viên	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	2	[H9-2.4-02]	Hồ sơ HSG hằng năm	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
Tiêu chí 2.4	3	[H8-2.4-03]	Hồ sơ tư vấn tâm lí	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	1	[H7-3.1-01]	Hồ sơ thiết kế, xây dựng nhà trường.	Từ năm học 2018-2019 đến nay		
	2	[H5-3.1-02]	Hồ sơ tài sản (Sổ quản lý tài sản cố định)	Từ năm học 2018-2019 đến nay		
Tiêu chí 3.1	3	[H15-3.1-03]	Hình ảnh tường rào. Hình ảnh cổng trường. Hình ảnh sân chơi bãi tập.	Hiện nay		
	1	[H7-3.2-01]	Quy hoạch tổng thể nhà trường.	Từ năm học 2018-2019 đến nay.		
Tiêu chí 3.2	2	[H15-3.2-02]	Hình ảnh phòng học, phòng tổ chuyên môn	Hiện nay		

	3	[H7-3.2-03]	Biên bản kiểm kê CSVC.	Từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023		
	4	[H15-3.2-04]	Hình ảnh về phòng truyền thống. Tư liệu, phim ảnh,... về nhà trường.	Từ khi hành lập đến nay.		
	5	[H15-3.2-05]	Hình ảnh phòng học bộ môn.	Từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023		
	6	[H7-3.2-06]	Kết luận kiểm tra y tế học đường	Số QĐ 1381/QĐ-SYT ngày 10/11/2020		
	7	[H15-3.2-07]	Hình ảnh phòng thư viện.	Hiện nay		
	8	[H15-3.2-08]	Hình ảnh phòng thiết bị.	Hiện nay		
	9	[H6-3.2-09]	Quyết định phê duyệt chủ trương xây dựng nhà E.	Năm 2023		
	10	[H15-3.2-10]	Hình ảnh phòng Đoàn thanh niên và phòng Tư vấn học đường.	Hiện nay		
	11	[H6-3.2-11]	QĐ công nhận trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 1	Số 6974/QĐ.UBND.VX ngày 12/12/2014		
	12	[H7-3.2-12]	Biên bản kiểm tra CSVC phòng học	Năm 2023		
Tiêu chí 3.3	1	[H15-3.3-01]	Hình ảnh khối phòng hành chính-quản trị	Hiện nay		
	2	[H8-3.3-02]	Hồ sơ y tế	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	3	[H15-3.3-03]	Ảnh nhà xe giáo viên và học sinh	Hiện nay		
	4	[H7-3.3-04]	Kế hoạch tu sửa cơ sở vật chất.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		

Tiêu chí 3.4	1	[H15-3.4-01]	Hình ảnh hiện trạng các công trình vệ sinh	Hiện nay		
	2	[H15-3.4-02]	Hình ảnh hiện trạng hệ thống thoát nước	Hiện nay		
	3	[H15-3.4-03]	Hình ảnh hiện trạng bể nước mưa. Bể chứa nước dự trữ.	Hiện nay		
	5	[H7-3.4-04]	Hồ sơ vệ sinh môi trường	Từ năm học 2018-2019 đến nay		
	6	[H15-3.4-05]	Hình ảnh nước uống sử dụng các phòng học	Hiện nay		
	7	[H7-3.4-06]	Hợp đồng mua nước sạch đóng chai	Năm 2018-2019 đến nay		
	8	[H15-3.4-07]	Hình ảnh hiện trạng bể chứa nước Nông giang của trường.	Hiện nay		
	Tiêu chí 3.5	1	[H5-3.5-01]	Hợp đồng kết nối mạng LAN	Từ năm học 2018-2019 đến nay	
2		[H5-3.5-02]	Hóa đơn thanh toán tiền Internet hàng tháng	Từ năm học 2018-2019 đến nay		
3		[H5-3.5-03]	Hóa đơn, hợp đồng mua đồ dùng TB dạy học hàng năm	Từ năm học 2018-2019 đến nay		
4		[H4-3.5-04]	Bảng kiểm kê đề xuất TB được sửa chữa hàng năm	Từ năm học 2018-2019 đến nay		
5		[H5-3.5-05]	Hóa đơn sửa chữa các thiết bị	Từ năm học 2018-2019 đến nay		
6		[H4-3.5-06]	Danh sách các đồ dùng dạy học do giáo viên tự làm	Từ năm học 2018-2019 đến nay		
7		[H4-3.5-07]	Sổ quản lý tài sản thiết bị giáo dục.	Từ năm học 2018-2019 đến nay		
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thư viện	Từ năm học 2018-2019 đến nay		
	2	[H3-3.6-02]	Kế hoạch hoạt động thư viện	Từ năm học 2018-2019 đến nay		

	3	[H3-3.6-03]	Hóa đơn biên bản nhập sách	Từ năm học 2018-2019 đến nay		
	4	[H3-3.6-04]	Sổ theo dõi sử dụng sách báo thư viện	Từ năm học 2018-2019 đến nay		
	5	[H3-3.6-05]	Tổng kết công tác thư viện hằng năm	Từ năm học 2018-2019 đến nay		
Tiêu chí 4.1	1	[H10-4.1-01]	Biên bản họp phụ huynh lớp đầu năm học.	Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2022-2023		
	2	[H10-4.1-02]	Kế hoạch hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh hằng năm	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	3	[H10-4.1-03]	Biên bản họp ban đại diện CMHS	Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2022-2023		
	4	[H15-4.1-04]	Hình ảnh, tư liệu về hoạt động khuyến học	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	5	[H10-4.1-05]	Quy chế phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện CMHS	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
Tiêu chí 4.2	1	[H15-4.2-01]	Hình ảnh, tư liệu về các lễ hội, sự kiện hằng năm (lễ khai giảng, tổng kết năm học, ...)	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	2	[H12-4.2-02]	Danh sách, hình ảnh HS nhận học bổng.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	3	[H15-4.2-03]	Hình ảnh, tư liệu về giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	4	[H15-4.2-04]	Hình ảnh HS chăm sóc các di tích lịch sử, công trình văn hóa (nghĩa trang liệt sĩ) các xã phía Bắc huyện Yên Thành	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	5	[H15-4.2-05]	Hình ảnh thăm hỏi, chăm sóc gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		

Tiêu chí 5.1	1	[H9-5.1-01]	Kế hoạch giáo dục của nhà trường hằng năm	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	2	[H11-5.1-02]	Kế hoạch giáo dục của giáo viên	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	3	[H9-5.1-03]	Báo cáo của nhà trường, tổ/nhóm chuyên môn có nội dung rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình của nhà trường hằng năm	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	4	[H9-5.1-04]	Hồ sơ các cuộc thi cho GV: GVG cấp trường, cấp tỉnh thi thiết kế bài giảng elearning, thi GVCNG cấp trường, cấp tỉnh.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	5	[H8-5.1-05]	Biên bản kiểm tra hồ sơ chuyên môn của nhà trường, tổ/nhóm chuyên môn	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	6	[H8-5.1-06]	Hồ sơ câu lạc bộ	Từ năm 2018-2019 đến nay		
	7	[H11-5.1-08]	Kế hoạch bài dạy học sinh hằng năm.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	8	[H11-5.1-09]	Sổ theo dõi và đánh giá học sinh hằng năm.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
Tiêu chí 5.2	1	[H2-5.2-01]	Tổng hợp kết quả giáo dục của học sinh hằng năm	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		
	2	[H9-5.2-02]	Các quyết định khen thưởng, quyết định công nhận, giấy chứng nhận cho học sinh của cấp có thẩm quyền.	Từ năm học 2018-2019 đến nay		
	3	[H8-5.2-03]	Kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023		

Tiêu chí 5.3	1	[H9-5.3-01]	Công văn, quyết định về các hoạt động giáo dục địa phương	CV số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022		
	2	[H15-5.3-02]	Hình ảnh về hoạt động tham quan các di tích lịch sử, văn hoá: Trùng Bồn, Quê Bác. Các mô hình kinh tế mới địa phương	Từ năm học 2018-2019 đến nay		
	3	[H8-5.3-03]	Các báo cáo chuyên đề, đề tài, sáng kiến kinh nghiệm hàng năm	Từ năm học 2018-2019 đến nay		
Tiêu chí 5.4						
Tiêu chí 5.5	1	[H12-5.5-01]	Kế hoạch hoạt động Đoàn trường.	Quyết định số 02-KH/ĐTN ngày 17/9/2019 Quyết định số 02-KH/ĐTN ngày 23/9/2020 Quyết định số 03-KH/ĐTN ngày 29/9/2021 Quyết định số 02-KH/ĐTN ngày 23/9/2022		
	2	[H7-5.5-02]	Bản cam kết của học sinh về thực hiện an ninh trật tự trường học.	Từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023		
Tiêu chí 5.6	1	[H1-5.6-01]	Danh sách kết quả tốt nghiệp hàng năm	Từ năm học 2018-2019 đến nay		
	2	[H8-5.6-02]	Hồ sơ Nghề THPT hằng năm.	Từ năm học 2018-2019 đến nay		